

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1	THV.A00001	Lê Thị Quỳnh	Oanh	02/05/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	402	1.00	2.75	3.00	6.75	7.00	
2	THV.A00002	Phan Thị	An	28/12/91	Nữ	Huyện Văn Yên		1	403	1.00	3.50	1.75	6.25	6.50	
3	THV.A00003	Nguyễn Thị Thuý	An	08/09/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	904	2.25	2.75	2.00	7.00	7.00	
4	THV.A00005	Nguyễn Thuý	An	10/01/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	401	0.75	2.00	3.00	5.75	6.00	
5	THV.A00006	Nguyễn Bình	An	19/10/90		Huyện Tân Sơn		1	101	4.25	5.25	3.00	12.50	12.50	
6	THV.A00007	Nguyễn Thị Thuý	An	26/04/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	308	0.75	3.50	2.25	6.50	6.50	
7	THV.A00008	Lê Mạnh	An	15/01/91		Huyện Đoan Hùng		1	101	4.75	5.75	5.25	15.75	16.00	
8	THV.A00009	Cao Thị Thuý	An	10/10/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	402	2.00	3.50	2.25	7.75	8.00	
9	THV.A00011	Đào Thị	An	03/11/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	402	2.25	4.25	2.75	9.25	9.50	
10	THV.A00012	Ngô Quang	An	02/11/91		TP. Việt Trì		2		3.75	6.50	3.75	14.00	14.00	
11	THV.A00013	Nguyễn Xuân	An	05/01/91		Huyện Phù Ninh		1	402	2.50	4.50	3.00	10.00	10.00	
12	THV.A00014	Trần Thuý	An	01/04/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	402	0.25	2.50	2.25	5.00	5.00	
13	THV.A00015	Bùi Ngọc Tú	Anh	20/10/91	Nữ	Huyện Phúc Thọ		2NT	403	3.50	5.00	3.25	11.75	12.00	
14	THV.A00019	Đào Thị Vân	Anh	06/06/91	Nữ	Huyện Yên Bình		1	904	0.75	1.75	2.50	5.00	5.00	
15	THV.A00020	Vũ Ngọc	Anh	18/11/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	403	2.75	6.25	3.50	12.50	12.50	
16	THV.A00021	Lưu Phương	Anh	21/07/91	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	403	1.50	3.50	2.00	7.00	7.00	
17	THV.A00022	Nguyễn Tuấn	Anh	19/07/89		Thành phố Lào Cai		1	401	0.00	2.50	1.50	4.00	4.00	
18	THV.A00023	Đỗ Thị Vân	Anh	27/11/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	403	1.00	2.75	2.50	6.25	6.50	
19	THV.A00024	Phạm Thị Ngọc	Anh	01/12/91	Nữ	Huyện Yên Bình		1	403	0.75	3.50	2.50	6.75	7.00	
20	THV.A00025	Trần Tuấn	Anh	03/08/91		Huyện Bảo Thắng	01	1	403	1.25	4.50	2.50	8.25	8.50	
21	THV.A00027	Lê Kim	Anh	15/12/91	Nữ	Huyện Hàm Yên		1	403	1.25	3.25	2.50	7.00	7.00	
22	THV.A00029	Trần Lan	Anh	05/07/91	Nữ	Huyện Văn Yên		1	101	1.00	2.75	2.25	6.00	6.00	
23	THV.A00031	Lê Hồng	Anh	10/12/91	Nữ	Huyện Văn Chấn		1	402	2.50	3.75	1.50	7.75	8.00	
24	THV.A00033	Nguyễn Thị Vân	Anh	23/12/91	Nữ	Huyện Trấn Yên		1	403	1.00	1.50	2.00	4.50	4.50	
25	THV.A00034	Đình Tuấn	Anh	15/01/90		Huyện Lục Yên		1	401	2.50	3.75	3.50	9.75	10.00	
26	THV.A00036	Cù Ngọc	Anh	17/08/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	103	0.75	3.25	2.50	6.50	6.50	
27	THV.A00037	Trần Thị Lan	Anh	12/05/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	402	3.75	4.00	2.50	10.25	10.50	
28	THV.A00039	Nguyễn Tuấn	Anh	07/11/90		TP. Việt Trì		2	401	1.75	5.75	3.25	10.75	11.00	
29	THV.A00040	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	12/08/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		3.00	4.50	2.25	9.75	10.00	
30	THV.A00042	Đào Việt	Anh	22/06/91		Thị xã Phú Thọ		2	304	1.00	4.00	3.00	8.00	8.00	
31	THV.A00043	Nguyễn Thị Kim	Anh	02/09/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	401	0.00	3.50	2.00	5.50	5.50	
32	THV.A00044	Nguyễn Hoàng	Anh	18/02/91		Thị xã Phú Thọ		2	402	0.75	2.75	1.50	5.00	5.00	
33	THV.A00045	Phạm Thị Lan	Anh	16/08/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	101	4.25	4.25	3.00	11.50	11.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
34	THV.A00046	Trần Thị Vân Anh	14/06/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	2.25	5.00	3.50	10.75	11.00	
35	THV.A00047	Đặng Thị Vân Anh	24/01/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	2.75	3.50	4.00	10.25	10.50	
36	THV.A00049	Nguyễn Thị Lan Anh	13/10/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	101	2.75	3.25	1.25	7.25	7.50	
37	THV.A00050	Lê Tuấn Anh	12/09/90		Huyện Thanh Ba		2	402	0.50	3.25	3.50	7.25	7.50	
38	THV.A00051	Lê Ngọc Anh	01/09/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	101	3.00	6.50	3.50	13.00	13.00	
39	THV.A00052	Tạ Thị Anh	25/09/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		1.00	4.25	3.50	8.75	9.00	
40	THV.A00053	Nguyễn Thị Lan Anh	04/05/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2	402	1.00	4.75	2.75	8.50	8.50	
41	THV.A00055	Phạm Thị Phương Anh	20/12/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	103	5.75	4.25	2.50	12.50	12.50	
42	THV.A00056	Đỗ Thị Mai Anh	26/03/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		1.50	4.00	3.25	8.75	9.00	
43	THV.A00058	Hà Đăng Anh	20/08/91		Huyện Thanh Ba		2		0.50	2.00	2.75	5.25	5.50	
44	THV.A00060	Nguyễn Việt Anh	02/10/91		TP. Việt Trì		2		2.50	5.25	2.75	10.50	10.50	
45	THV.A00062	Vũ Thị Vân Anh	29/10/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		0.75	5.25	3.00	9.00	9.00	
46	THV.A00064	Nguyễn Thị Lan Anh	26/10/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	3.50	4.75	4.25	12.50	12.50	
47	THV.A00065	Hoàng Yến Huyền Anh	02/11/90	Nữ	Huyện Đoan Hùng	01	1	904	0.75	3.50	2.75	7.00	7.00	
48	THV.A00066	Đào Tiến Anh	14/01/91		Huyện Hạ Hoà		1	403	1.75	4.25	2.50	8.50	8.50	
49	THV.A00067	Vì Thị Phương Anh	20/11/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	402	3.25	7.00	4.75	15.00	15.00	
50	THV.A00069	Nguyễn Tuấn Anh	16/12/91		Thị xã Phú Thọ		2		0.75	1.50	2.50	4.75	5.00	
51	THV.A00070	Trần Thị Vân Anh	01/06/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		0.75	5.00	2.25	8.00	8.00	
52	THV.A00071	Đàm Thị Anh	28/04/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	904	1.00	3.50	2.00	6.50	6.50	
53	THV.A00072	Nguyễn Trường Anh	29/09/91		Thị xã Phú Thọ		1	402	2.50	5.75	3.00	11.25	11.50	
54	THV.A00073	Đinh Thị Ngọc Anh	12/05/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	101	4.75	5.75	4.00	14.50	14.50	
55	THV.A00075	Trần Thị Phương Anh	23/08/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê	06	1	402	3.25	6.50	6.00	15.75	16.00	
56	THV.A00076	Trần Thế Anh	19/09/90		Huyện Hạ Hoà		1	401	1.00	3.00	2.25	6.25	6.50	
57	THV.A00077	Nguyễn Mai Anh	24/01/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	402	0.50	3.50	2.50	6.50	6.50	
58	THV.A00078	Nguyễn Thị Tú Anh	12/08/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1		3.00	5.00	3.25	11.25	11.50	
59	THV.A00079	Nguyễn Thị Lan Anh	17/06/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	402	1.00	3.75	2.75	7.50	7.50	
60	THV.A00080	Trần Thị Vân Anh	23/09/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1		1.25	5.50	3.00	9.75	10.00	
61	THV.A00081	Đinh Thị Anh	10/08/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	103	3.25	5.00	3.25	11.50	11.50	
62	THV.A00083	Nguyễn Thế Anh	24/03/91		Huyện Phù Ninh	06	1	103	1.50	4.00	2.50	8.00	8.00	
63	THV.A00085	Nguyễn Tuấn Anh	18/09/91		Huyện Phù Ninh		1	305	4.25	6.50	5.25	16.00	16.00	
64	THV.A00086	Lê Hải Anh	27/07/91		Huyện Hạ Hoà		1	102	2.25	2.75	2.25	7.25	7.50	
65	THV.A00087	Nguyễn Tuấn Anh	06/06/91		Huyện Hạ Hoà		1	103	3.25	7.50	2.25	13.00	13.00	
66	THV.A00088	Nguyễn Đức Anh	01/08/91		Thị xã Phú Thọ	06	1	403	2.00	3.00	2.75	7.75	8.00	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
67	THV.A00089	Nguyễn Thị Kim	Anh	26/03/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	904	0.50	3.25	2.00	5.75	6.00	
68	THV.A00090	Phan Hoa	Anh	06/09/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	402	1.75	1.50	3.00	6.25	6.50	
69	THV.A00091	Nguyễn Thị	Anh	07/05/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	101	2.25	5.00	2.50	9.75	10.00	
70	THV.A00092	Hoàng Tuấn	Anh	21/09/91		Huyện Yên Lập	01	1	402	0.75	3.00	3.50	7.25	7.50	
71	THV.A00093	Nguyễn Ngọc	Anh	16/11/89		Huyện Yên Lập		1	401	2.50	3.50	3.50	9.50	9.50	
72	THV.A00097	Phạm Thị Lan	Anh	14/09/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	403	2.00	3.75	2.75	8.50	8.50	
73	THV.A00098	Nguyễn Tuấn	Anh	16/12/91		Huyện Tân Sơn		1		1.25	5.50	3.00	9.75	10.00	
74	THV.A00099	Nguyễn Đức	Anh	25/10/91		Huyện Thanh Ba		1	402	1.25	3.25	2.75	7.25	7.50	
75	THV.A00100	Nguyễn Thế	Anh	27/12/90		Huyện Lâm Thao		2NT		0.00	2.75	2.25	5.00	5.00	
76	THV.A00101	Nguyễn Tiến	Anh	13/05/91		Huyện Thanh Ba		1	403	5.75	6.50	3.00	15.25	15.50	
77	THV.A00103	Đỗ Thị Ngọc	Anh	02/10/91	Nữ	Huyện Tân Sơn		1	402	0.50	2.50	3.50	6.50	6.50	
78	THV.A00104	Trần Phương	Anh	01/08/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	402	1.25	2.25	3.00	6.50	6.50	
79	THV.A00105	Nguyễn Thị Thuý	Anh	29/05/89	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT		2.00	2.75	2.50	7.25	7.50	
80	THV.A00106	Trần Tuấn	Anh	10/08/91		Huyện Mai Châu		1	403	1.25	4.25	2.75	8.25	8.50	
81	THV.A00107	Nguyễn Đào	Anh	19/05/91	Nữ	Thành phố Vĩnh Yên		2	403	1.25	3.75	1.50	6.50	6.50	
82	THV.A00108	Nguyễn Thị Vân	Anh	21/03/89	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	0.25	1.75	2.50	4.50	4.50	
83	THV.A00109	Nguyễn Ngọc	Anh	15/11/91		Huyện Cẩm Khê		1	103	1.50	5.00	4.25	10.75	11.00	
84	THV.A00111	Nguyễn Thị Kim	Anh	23/02/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	0.00	4.75	2.50	7.25	7.50	
85	THV.A00112	Trần Việt	Anh	10/08/91		Huyện Mai Châu		1	403	2.75	5.25	2.25	10.25	10.50	
86	THV.A00113	Trần Văn	Anh	23/07/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	402	2.00	5.00	1.50	8.50	8.50	
87	THV.A00114	Hoàng Trung	Anh	07/06/91		Huyện Thanh Thủy		1	403	4.25	5.50	3.00	12.75	13.00	
88	THV.A00115	Lê Thị Thuý	Anh	25/05/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	103	1.25	4.25	2.25	7.75	8.00	
89	THV.A00116	Nguyễn Đức	Anh	13/02/91		Huyện Yên Lạc		2NT	102	2.00	4.50	3.25	9.75	10.00	
90	THV.A00118	Hoàng Quỳnh	Anh	26/11/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	904	2.00	3.75	1.75	7.50	7.50	
91	THV.A00119	Hạ Thị Lan	Anh	13/07/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	403	0.00	2.25	2.25	4.50	4.50	
92	THV.A00120	Nguyễn Thị	Anh	20/10/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	0.25	4.50	3.25	8.00	8.00	
93	THV.A00121	Bùi Thị Thuý	Anh	22/01/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	1.25	4.00	2.50	7.75	8.00	
94	THV.A00122	Nguyễn Thị Vân	Anh	25/07/91	Nữ	Thành phố Vĩnh Yên		2	403	0.25	1.50	2.50	4.25	4.50	
95	THV.A00123	Ngô Tiến	Anh	01/11/89		Huyện Tam Nông		1	403	1.00	1.50	2.50	5.00	5.00	
96	THV.A00124	Tạ Thị	Anh	08/04/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	103	1.00	3.50	2.75	7.25	7.50	
97	THV.A00126	Nguyễn Văn	Anh	11/04/89		Huyện Tam Đảo		1	102	0.50	3.50	1.50	5.50	5.50	
98	THV.A00127	Hà Thị Vân	Anh	22/08/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	103	1.25	3.00	2.25	6.50	6.50	
99	THV.A00128	Nguyễn Thị Chung	Anh	05/04/91	Nữ	Huyện Lâm Thao	06	1	403	0.00	3.00	2.50	5.50	5.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
100	THV.A00129	Lê Thị Nguyệt	ánh	15/03/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ	06	2	904	0.75	4.00	2.50	7.25	7.50
101	THV.A00130	Phạm Thị Ngọc	ánh	19/04/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1		2.50	2.75	2.00	7.25	7.50
102	THV.A00131	Đỗ Thị Ngọc	ánh	16/12/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		0.50	2.50	2.75	5.75	6.00
103	THV.A00132	Bùi Thị	ánh	19/12/86	Nữ	Huyện Vị Xuyên		1		0.00	2.75	3.50	6.25	6.50
104	THV.A00134	Lưu Thị Ngọc	ánh	10/01/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	101	4.75	6.00	3.25	14.00	14.00
105	THV.A00135	Bùi Thị Thu	ánh	23/06/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	2.50	6.75	2.75	12.00	12.00
106	THV.A00136	Trịnh Nguyệt	ánh	24/11/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	101	1.25	4.00	2.50	7.75	8.00
107	THV.A00138	Phạm Thị Nguyệt	ánh	31/12/90	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	402	1.25	3.50	0.50	5.25	5.50
108	THV.A00139	Triệu Thị	ánh	12/10/91	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1	402	3.75	6.50	3.50	13.75	14.00
109	THV.A00141	Trần Thị	ánh	05/01/89	Nữ	Huyện Tam Đảo	06	1	101	1.50	3.25	2.25	7.00	7.00
110	THV.A00142	Phan Thị Ngọc	ánh	15/11/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		2	402	1.25	3.00	1.50	5.75	6.00
111	THV.A00143	Vũ Thị	ánh	02/09/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	904	2.50	5.00	1.50	9.00	9.00
112	THV.A00144	Chử Thị	ánh	15/08/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	402	6.00	6.00	3.50	15.50	15.50
113	THV.A00145	Vũ Thị Ngọc	ánh	16/10/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	3.00	4.25	3.50	10.75	11.00
114	THV.A00146	Dương Thị Ngọc	ánh	05/12/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	2.75	3.50	3.00	9.25	9.50
115	THV.A00148	Trần Thị	ánh	12/04/90	Nữ	Huyện Tam Đảo	06	1	402	0.25	1.75	1.75	3.75	4.00
116	THV.A00149	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	11/10/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	402	0.00	2.50	2.50	5.00	5.00
117	THV.A00151	Nguyễn Thị Vân	ánh	10/10/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	402	1.50	3.50	1.75	6.75	7.00
118	THV.A00152	Vũ Thị Ngọc	ánh	11/12/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1	103	4.25	4.50	2.50	11.25	11.50
119	THV.A00153	Nguyễn Ngọc	ánh	20/10/91		Huyện Đoan Hùng		1	403	1.50	3.50	2.50	7.50	7.50
120	THV.A00154	Dương Thị Ngọc	ánh	02/09/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	2.00	3.50	2.75	8.25	8.50
121	THV.A00155	Nguyễn Ngọc	ánh	15/04/91		Huyện Lâm Thao		1	402	4.00	3.50	3.25	10.75	11.00
122	THV.A00156	Lê Anh	Ba	19/07/91		Huyện Hạ Hoà		1	402	5.50	8.25	3.00	16.75	17.00
123	THV.A00157	Nguyễn Xuân	Bách	10/09/91		Huyện Cẩm Khê		2NT	402	3.50	6.25	2.50	12.25	12.50
124	THV.A00159	Chu Thị	Bản	15/08/90	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	1.25	5.50	2.50	9.25	9.50
125	THV.A00160	Hà Công	Bản	14/06/88		Huyện Phù Ninh		2NT	401	1.25	3.75	3.50	8.50	8.50
126	THV.A00161	Nguyễn Thị Cơ	Bản	01/09/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	402	1.75	6.00	2.50	10.25	10.50
127	THV.A00163	Đặng Huy	Bảo	25/07/91		Huyện Tam Đảo		2NT	306	3.25	4.75	4.00	12.00	12.00
128	THV.A00164	Hoàng Quốc	Bảo	30/12/90		Huyện Sìn Hồ		1	403	2.25	7.00	2.25	11.50	11.50
129	THV.A00165	Nguyễn Ngọc	Bảo	28/06/91		TP. Việt Trì		2		4.00	6.25	3.75	14.00	14.00
130	THV.A00167	Lê Đức	Bằng	05/01/90		Thị xã Phú Thọ		2	101	1.50	5.25	4.50	11.25	11.50
131	THV.A00168	Hoàng Văn	Bằng	10/02/90		Huyện Phù Ninh		1	101	2.50	4.00	2.50	9.00	9.00
132	THV.A00172	Nguyễn Văn	Biên	21/08/89		Huyện Thanh Sơn	01	1	402	1.00	3.50	2.50	7.00	7.00

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
133	THV.A00173	Ngô Thị	Biên	21/07/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	403	0.75	1.75	3.00	5.50	5.50	
134	THV.A00174	Nguyễn Ngọc	Biên	08/06/89		Huyện Yên Lập		1	103	1.00	3.00	2.25	6.25	6.50	
135	THV.A00175	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	11/12/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	103	1.00	3.00	2.75	6.75	7.00	
136	THV.A00176	Đỗ Thị	Bích	05/11/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	403	1.00	2.50	1.75	5.25	5.50	
137	THV.A00177	Vũ Thị	Bích	03/08/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	402	3.00	3.50	3.50	10.00	10.00	
138	THV.A00178	Nguyễn Thị	Bích	30/08/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	402	0.75	3.75	2.25	6.75	7.00	
139	THV.A00180	Triệu Hồng	Bình	02/10/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	402	0.75	2.50	3.00	6.25	6.50	
140	THV.A00181	Nguyễn Thanh	Bình	26/09/89		Huyện Cẩm Khê		2NT	401	2.25	5.50	2.75	10.50	10.50	
141	THV.A00182	Trương Thị	Bình	07/12/90	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	401	1.25	2.75	2.50	6.50	6.50	
142	THV.A00185	Hoàng Văn	Bình	11/07/91		Huyện Cẩm Khê		1	305	2.25	3.50	3.25	9.00	9.00	
143	THV.A00186	Nguyễn Kim	Bình	20/02/91		Huyện Yên Bình	01	1	401	1.25	2.50	1.25	5.00	5.00	
144	THV.A00188	Nông Hữu	Bình	19/10/91		Huyện Lục Yên	01	1	103	1.00	4.50	1.50	7.00	7.00	
145	THV.A00189	Ngô Văn	Bình	16/02/91		Huyện Tam Nông		1	401	4.25	6.50	3.50	14.25	14.50	
146	THV.A00191	Hà Anh	Bình	25/12/91		TP. Việt Trì		2		1.50	5.00	4.25	10.75	11.00	
147	THV.A00192	Phương Thị Thanh	Bình	27/04/90	Nữ	Huyện Yên Sơn	01	1	401	1.00	2.50	4.25	7.75	8.00	
148	THV.A00193	Nguyễn Thị Thanh	Bình	08/02/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	403	0.50	2.50	3.75	6.75	7.00	
149	THV.A00195	Phạm Văn	Bình	01/03/91		TP. Việt Trì		2	402	0.00	2.75	2.50	5.25	5.50	
150	THV.A00196	Đình Thị	Bình	07/11/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	403	2.00	4.50	3.00	9.50	9.50	
151	THV.A00197	Nguyễn Huy	Bình	01/08/89		Huyện Yên Lập	01	1	403	2.75	2.75	2.00	7.50	7.50	
152	THV.A00198	Vũ Thị	Bình	15/01/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	306	2.50	3.25	4.00	9.75	10.00	
153	THV.A00199	Hà Thị	Bình	04/02/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	403	0.75	4.25	2.75	7.75	8.00	
154	THV.A00200	Nguyễn Thanh	Bình	10/08/89		TP. Việt Trì		2	305	2.00	4.50	2.25	8.75	9.00	
155	THV.A00201	Phạm Thị Thanh	Bình	15/09/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		3.50	6.75	3.75	14.00	14.00	
156	THV.A00202	Phạm Duy	Bình	12/07/91		Thị xã Tuyên Quang		1	403	1.00	3.50	2.50	7.00	7.00	
157	THV.A00203	Hoàng Thị	Bến	06/12/89	Nữ	Huyện Quang Bình	01	1		0.00	1.50	2.75	4.25	4.50	
158	THV.A00204	Nguyễn Thị Thuý	Bến	08/02/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		2	402	4.75	4.75	3.50	13.00	13.00	
159	THV.A00205	Hà Đình	Cánh	04/07/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	403	0.75	4.50	2.00	7.25	7.50	
160	THV.A00206	Nguyễn Thị	Cánh	25/12/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		2		1.00	2.25	1.75	5.00	5.00	
161	THV.A00207	Bùi Đức	Cánh	24/12/91		Huyện Thanh Ba		2	403	2.00	3.50	3.50	9.00	9.00	
162	THV.A00208	Hà Thị Thuý	Cánh	20/01/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	402	0.25	3.00	3.00	6.25	6.50	
163	THV.A00209	Trần Huy	Cánh	06/07/90		Huyện Văn Yên		1	102	1.75	6.50	4.25	12.50	12.50	
164	THV.A00210	Vũ Văn	Cánh	08/03/91		Huyện Thanh Ba		2	401	1.75	3.75	2.00	7.50	7.50	
165	THV.A00211	Dương Đức	Cánh	14/04/91		Huyện Lập Thạch		1	101	2.75	5.25	4.50	12.50	12.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
166	THV.A00212	Nguyễn Văn	Cảnh	09/12/90		Huyện Lập Thạch		1	101	2.50	3.50	2.50	8.50	8.50	
167	THV.A00213	Nguyễn Đức	Cảnh	09/11/91		Huyện Thái Thụy		2NT	402	3.00	6.50	3.50	13.00	13.00	
168	THV.A00215	Nguyễn Đình	Cần	03/12/91		Thị xã Tuyên Quang		1	403	1.25	4.50	3.50	9.25	9.50	
169	THV.A00216	Bùi Minh	Câu	14/01/90		Huyện Yên Lập	01	1	403	0.25	1.75	2.50	4.50	4.50	
170	THV.A00217	Trần Thị Hồng	Cẩm	13/11/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	103	0.75	3.50	3.00	7.25	7.50	
171	THV.A00218	Trần Thị	chang	02/09/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	402	2.25	4.00	2.00	8.25	8.50	
172	THV.A00219	Nguyễn Thị Đoan	Chang	06/05/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		1.25	3.25	3.50	8.00	8.00	
173	THV.A00220	Phan Thị	Chang	11/11/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	403	2.75	3.75	2.50	9.00	9.00	
174	THV.A00221	Nguyễn Thị	Chang	26/11/90	Nữ	Huyện Yên Lập		1	101	2.00	6.25	2.75	11.00	11.00	
175	THV.A00222	Nguyễn Thị Huyền	Chang	12/10/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	904	1.75	4.50	2.50	8.75	9.00	
176	THV.A00223	Nguyễn Thị	Chanh	02/06/90	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	403	0.50	3.00	3.00	6.50	6.50	
177	THV.A00224	Nguyễn Thị	Chanh	11/05/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	101	3.25	6.50	3.50	13.25	13.50	
178	THV.A00225	Vàng Thị	Chao	10/11/91	Nữ	Huyện Bát Xát	01	1	904	3.75	4.75	2.50	11.00	11.00	
179	THV.A00227	Trần Thị	Châm	03/08/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	403	3.00	4.75	2.75	10.50	10.50	
180	THV.A00229	Nguyễn Thị Minh	Châu	27/09/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	904	1.75	2.75	2.75	7.25	7.50	
181	THV.A00230	Lê Dạ Minh	Châu	25/07/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	3.50	7.50	2.75	13.75	14.00	
182	THV.A00231	Trần Xuân	Chát	25/05/91		Huyện Tam Nông		1	403	1.00	2.50	1.75	5.25	5.50	
183	THV.A00232	Bàn Tồn	Chấn	27/07/90		Huyện Văn Yên	01	1	101	1.75	2.50	1.50	5.75	6.00	
184	THV.A00233	Phùng Thị Thuỳ	Chi	13/09/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	401	1.75	5.50	2.75	10.00	10.00	
185	THV.A00234	Lương Thị	Chi	06/12/90	Nữ	Huyện Văn Bàn		1		1.50	4.75	1.75	8.00	8.00	
186	THV.A00235	Đào Kim	Chi	01/06/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	305	2.25	3.75	2.50	8.50	8.50	
187	THV.A00236	Nguyễn Văn	Chi	26/11/90		TP. Việt Trì		2	402	1.00	6.50	4.00	11.50	11.50	
188	THV.A00237	Nguyễn Thị Linh	Chi	10/06/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	402	2.75	4.25	2.25	9.25	9.50	
189	THV.A00238	Phạm Thị	Chi	05/12/90	Nữ	Huyện Văn Yên		1	306	1.75	4.50	2.50	8.75	9.00	
190	THV.A00239	Hà Thị	Chi	11/07/91	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	904	0.75	3.00	2.75	6.50	6.50	
191	THV.A00241	Nguyễn Thị	Chi	09/06/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	403	3.00	4.25	3.50	10.75	11.00	
192	THV.A00242	Nguyễn Thị Kim	Chi	17/08/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	403	0.50	3.00	2.50	6.00	6.00	
193	THV.A00243	Phạm Thị Kim	Chi	10/03/90	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	904	1.00	4.50	2.25	7.75	8.00	
194	THV.A00244	Trần Thị	Chiêm	14/01/91	Nữ	Huyện Bát Xát		1	101	2.00	5.50	3.75	11.25	11.50	
195	THV.A00246	Hoàng Thị	Chiến	19/08/91	Nữ	Huyện Quang Bình	01	1	904	2.50	3.50	4.00	10.00	10.00	
196	THV.A00247	Lê Duy	Chiến	16/08/90		Huyện Lập Thạch		1	402	1.75	3.50	1.75	7.00	7.00	
197	THV.A00248	Nhâm Văn	Chiến	06/07/91		Huyện Thanh Ba		2	101	1.25	3.50	2.75	7.50	7.50	
198	THV.A00249	Trần Trung	Chiến	26/03/91		Huyện Phù Ninh		2NT	403	2.25	3.50	1.75	7.50	7.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
199	THV.A.00250	Đình Văn	Chiến	12/06/89		Huyện Bắc Quang	01	1		0.00	3.25	2.75	6.00	6.00	
200	THV.A.00251	Bùi Ngọc	Chiến	10/09/86		Huyện Thanh Thủy		1	103	1.25	4.00	2.50	7.75	8.00	
201	THV.A.00252	Đặng Văn	Chiến	10/09/91		Huyện Thanh Ba		2	401	1.25	1.75	2.75	5.75	6.00	
202	THV.A.00253	Khổng Văn	Chiến	14/03/91		Huyện Vĩnh Tường		2NT	103	0.75	3.50	2.50	6.75	7.00	
203	THV.A.00254	Hà Mạnh	Chiến	04/05/90		Huyện Yên Lập	01	1	102	5.50	4.50	6.50	16.50	16.50	
204	THV.A.00255	Nguyễn Đình	Chiểu	24/01/91		Huyện Yên Lập	06	1	402	3.50	6.00	2.50	12.00	12.00	
205	THV.A.00257	Đông Văn	Chinh	04/07/91		Huyện Văn Chấn	01	1	401	1.00	3.75	1.50	6.25	6.50	
206	THV.A.00258	Hà Thị	Chinh	27/08/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	402	1.00	4.50	3.50	9.00	9.00	
207	THV.A.00259	Đỗ Thị Thuý	Chinh	10/09/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	403	2.00	4.00	2.75	8.75	9.00	
208	THV.A.00260	Nguyễn Thị	Chinh	21/11/91	Nữ	Huyện Hàm Yên		1	403	0.25	4.00	2.50	6.75	7.00	
209	THV.A.00261	Đặng Thị	Chinh	17/01/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	904	1.00	4.25	2.00	7.25	7.50	
210	THV.A.00264	Lê Xuân	Chí	25/12/91		Huyện Lâm Thao		2NT	402	1.50	4.50	2.50	8.50	8.50	
211	THV.A.00266	Phạm Thị	Chí	11/10/91	Nữ	Huyện Yên Phong		2NT	401	0.25	3.25	2.25	5.75	6.00	
212	THV.A.00267	Phạm Thị	Chính	20/06/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	103	2.50	4.25	2.75	9.50	9.50	
213	THV.A.00270	Lưu Văn	Chính	30/03/91		Huyện Lâm Thao		1		1.00	2.50	2.50	6.00	6.00	
214	THV.A.00274	Hà Đức	Chơi	09/12/90		Huyện Tân Sơn	01	1	904	0.75	1.75	2.00	4.50	4.50	
215	THV.A.00275	Nguyễn Văn	Chung	22/10/91		Huyện Cẩm Khê		1	101	0.75	2.50	2.50	5.75	6.00	
216	THV.A.00277	Vũ Nguyễn Thành	Chung	29/11/91		Huyện Hàm Yên	06	1	403	0.00	2.75	2.50	5.25	5.50	
217	THV.A.00278	Hoàng Quốc	Chung	31/10/90		Huyện Thanh Sơn		1	403	3.25	5.00	3.25	11.50	11.50	
218	THV.A.00279	Vương Văn	Chung	10/07/87		Huyện Mường Khương	01	1		0.75	3.50	2.50	6.75	7.00	
219	THV.A.00280	Đỗ Thị	Chung	19/04/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1		1.25	3.50	2.50	7.25	7.50	
220	THV.A.00281	Ngô Quốc	Chung	03/11/91		Huyện Lập Thạch		1	403	0.00	2.00	1.50	3.50	3.50	
221	THV.A.00283	Hoàng Văn	Chung	07/12/91		TP. Việt Trì		2	103	0.25	4.50	2.75	7.50	7.50	
222	THV.A.00285	Hoàng Quang	Chung	21/10/91		Huyện Tam Nông		1	103	1.00	4.50	1.50	7.00	7.00	
223	THV.A.00286	Nguyễn Thị	Chung	22/01/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	1.00	4.00	2.25	7.25	7.50	
224	THV.A.00287	Đỗ Văn	Chung	15/01/91		Huyện Tam Đảo	01	1	101	1.50	4.00	1.50	7.00	7.00	
225	THV.A.00288	Trần Văn	Chung	17/09/91		Huyện Vĩnh Tường		2NT	401	1.25	3.50	2.25	7.00	7.00	
226	THV.A.00289	Đặng Đức	Chương	16/04/88		TP. Việt Trì	05	2		0.00	0.50	2.00	2.50	2.50	
227	THV.A.00290	Nguyễn Đức	Chuyên	27/12/91		Huyện Thanh Ba		1	103	0.50	3.50	2.50	6.50	6.50	
228	THV.A.00293	Hà Tuyên	Chuyển	24/08/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	403	3.50	2.75	2.50	8.75	9.00	
229	THV.A.00294	Phạm Thị	Chúc	03/09/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	402	0.75	4.50	2.50	7.75	8.00	
230	THV.A.00295	Hồ Ngọc	Chương	11/09/89		Huyện Mường Khương	01	1		0.50	2.50	2.50	5.50	5.50	
231	THV.A.00297	Vy Hồng	Công	10/03/91		Thị xã Phú Thọ		2	402	2.00	3.50	2.25	7.75	8.00	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
232	THV.A.00298	Lê Văn Công	21/11/91		Huyện Phù Ninh		1	103	2.00	5.00	1.75	8.75	9.00	
233	THV.A.00299	Phan Thành Công	27/01/90		Huyện Vĩnh Tường		2NT	306	0.75	2.50	2.25	5.50	5.50	
234	THV.A.00301	Nguyễn Văn Công	12/01/91		Huyện Tam Nông		2		1.75	3.75	3.25	8.75	9.00	
235	THV.A.00302	Hà Văn Công	05/04/90		Huyện Thanh Ba		1	102	2.00	5.50	3.75	11.25	11.50	
236	THV.A.00303	Lại Đức Công	07/09/91		Huyện Tam Dương		2NT		1.25	4.25	3.75	9.25	9.50	
237	THV.A.00304	Lê Văn Công	22/07/89		Huyện Đoan Hùng		1	403	1.25	3.25	3.00	7.50	7.50	
238	THV.A.00306	Lê Thị Hồng Công	12/09/91	Nữ	TP. Việt Trì		2NT	904	1.00	3.00	2.25	6.25	6.50	
239	THV.A.00307	Phùng Trần Công	19/01/91		Huyện Ba Vì		2NT	403	2.50	3.25	2.25	8.00	8.00	
240	THV.A.00308	Nguyễn Thành Công	19/08/91		Huyện Tân Sơn		1		2.50	2.50	1.75	6.75	7.00	
241	THV.A.00310	Cao Thị Cúc	19/02/91	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1	904	0.25	3.25	3.00	6.50	6.50	
242	THV.A.00312	Trần Thị Kim Cúc	12/11/91	Nữ	Huyện Văn Yên		1	904	1.00	2.25	1.50	4.75	5.00	
243	THV.A.00314	Vũ Thị Kim Cúc	17/10/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	904	0.50	2.25	2.00	4.75	5.00	
244	THV.A.00315	Ma Thị Cúc	13/05/91	Nữ	Huyện Sơn Dương	01	1	904	1.25	5.00	2.25	8.50	8.50	
245	THV.A.00316	Phan Thị Kim Cúc	20/05/91	Nữ	TP. Việt Trì		2NT	103	3.75	5.50	4.50	13.75	14.00	
246	THV.A.00317	Nguyễn Thị Cúc	12/05/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	101	1.50	3.00	2.50	7.00	7.00	
247	THV.A.00319	Hà Thị Kim Cúc	15/02/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	904	0.75	3.50	2.50	6.75	7.00	
248	THV.A.00323	Tạ Thị Kim Cúc	24/01/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	402	2.50	4.50	2.75	9.75	10.00	
249	THV.A.00325	Nguyễn Thị Kim Cúc	26/02/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	402	2.50	5.00	3.50	11.00	11.00	
250	THV.A.00326	Trần Thị Cúc	07/09/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	904	2.75	2.50	1.50	6.75	7.00	
251	THV.A.00327	Khổng Thị Cúc	15/05/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	2.25	4.25	3.75	10.25	10.50	
252	THV.A.00328	Vũ Thị Cúc	17/02/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	101	4.50	5.50	5.75	15.75	16.00	
253	THV.A.00329	Hà Thị Cúc	16/05/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	102	2.75	5.00	2.50	10.25	10.50	
254	THV.A.00330	Nguyễn Kim Cương	14/08/91		Huyện Lập Thạch		1	103	0.50	3.50	2.75	6.75	7.00	
255	THV.A.00331	Nguyễn Thị Hồng Cương	10/07/90	Nữ	Huyện Tam Nông		1	403	1.75	2.50	2.25	6.50	6.50	
256	THV.A.00333	Đình Công Cương	22/03/91		Thị xã Phú Thọ		2		2.75	3.75	2.25	8.75	9.00	
257	THV.A.00335	Nguyễn Thị Kim Cương	01/05/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	403	1.75	3.75	1.75	7.25	7.50	
258	THV.A.00336	Hà Văn Cương	22/03/87		Huyện Thanh Sơn	01	1	403	2.00	4.75	4.00	10.75	11.00	
259	THV.A.00337	Nguyễn Việt Cường	22/08/90		TP. Việt Trì		2	103	2.25	5.00	3.25	10.50	10.50	
260	THV.A.00338	Vũ Văn Cường	18/03/90		Huyện Mù Cang Chải		1	102	1.25	3.50	2.50	7.25	7.50	
261	THV.A.00340	Sân Sín Cường	12/01/89		Huyện Quán Bạ	01	1		0.00	3.25	1.75	5.00	5.00	
262	THV.A.00341	Dương Mạnh Cường	15/08/90		Thị xã Phú Thọ		2	403	3.25	5.50	2.75	11.50	11.50	
263	THV.A.00342	Nguyễn Chí Cường	04/10/91		TP. Việt Trì		2	103	1.25	2.00	1.50	4.75	5.00	
264	THV.A.00344	Nguyễn Mạnh Cường	06/02/90		TP. Việt Trì		2		3.75	4.50	3.25	11.50	11.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
265	THV.A.00346	Nguyễn Quốc Cường	20/07/91		Huyện Thanh Ba		2	403	3.00	4.50	1.50	9.00	9.00	
266	THV.A.00347	Nguyễn Trọng Cường	15/12/88		Huyện Cẩm Khê		2NT	402	0.75	2.25	2.50	5.50	5.50	
267	THV.A.00348	Đào Ngọc Cường	15/03/90		Huyện Văn Yên		1	103	3.00	6.00	2.75	11.75	12.00	
268	THV.A.00349	Bùi Quốc Cường	28/02/91		TP. Việt Trì		2	402	1.00	4.25	2.75	8.00	8.00	
269	THV.A.00351	Bùi Việt Cường	21/09/90		Huyện Lập Thạch		1	101	2.25	6.25	1.50	10.00	10.00	
270	THV.A.00352	Bùi Hữu Cường	20/10/88		Huyện Phù Ninh		1	401	3.75	6.25	2.50	12.50	12.50	
271	THV.A.00355	Phạm Trung Cường	08/07/90		Huyện Quỳ Hợp		1	403	1.00	4.75	3.00	8.75	9.00	
272	THV.A.00356	Nguyễn Việt Cường	21/05/91		Huyện Vĩnh Tường		2NT	304	0.75	3.50	3.00	7.25	7.50	
273	THV.A.00357	Nguyễn Mạnh Cường	27/10/91		Huyện Yên Lập	01	1	403	2.00	3.00	1.75	6.75	7.00	
274	THV.A.00358	Bùi Ngọc Cường	11/07/90		Huyện Kim Bôi	01	1	403	3.75	4.00	4.75	12.50	12.50	
275	THV.A.00359	Hoàng Mạnh Cường	26/06/91		Huyện Yên Lập	01	1	403	2.25	6.50	3.00	11.75	12.00	
276	THV.A.00360	Lê Văn Cường	20/06/90		Thị xã Phú Thọ		2	402	3.75	4.00	2.75	10.50	10.50	
277	THV.A.00361	Nguyễn Tuấn Cường	02/01/91		Huyện Tam Nông		1	403	3.50	3.50	2.75	9.75	10.00	
278	THV.A.00362	Triệu Thị Cường	18/01/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	402	2.00	4.75	3.75	10.50	10.50	
279	THV.A.00363	Lương Hoàng Cường	18/10/91		Huyện Đoan Hùng		1	403	1.50	5.00	2.50	9.00	9.00	
280	THV.A.00364	Chu Mạnh Cường	20/06/90		Thị xã Phú Thọ		2	402	0.50	2.50	1.75	4.75	5.00	
281	THV.A.00365	Vũ Mạnh Cường	02/10/89		Huyện Hạ Hoà		1	103	0.00	2.50	2.25	4.75	5.00	
282	THV.A.00367	Phạm Thế Cường	21/11/91		Huyện Đoan Hùng		1		0.00	2.50	3.25	5.75	6.00	
283	THV.A.00368	Nguyễn Văn Cường	01/08/91		Huyện Yên Lạc		2NT	403	2.00	4.50	2.50	9.00	9.00	
284	THV.A.00369	Lê Văn Cường	20/10/91		Thị xã Phú Thọ		1	101	2.00	3.75	3.25	9.00	9.00	
285	THV.A.00370	Hà Mạnh Cường	16/11/90		Huyện Cẩm Khê		1		1.75	3.50	4.50	9.75	10.00	
286	THV.A.00371	Nguyễn Mạnh Cường	01/12/90		Huyện Phù Ninh		1	103	0.25	2.25	1.75	4.25	4.50	
287	THV.A.00372	Trần Thị Thanh Dân	04/09/91	Nữ	Huyện Văn Yên	01	1	403	1.25	3.25	2.50	7.00	7.00	
288	THV.A.00373	Nguyễn Khắc Dân	26/05/90		Huyện Đoan Hùng	01	1	904	0.50	2.75	1.75	5.00	5.00	
289	THV.A.00376	Nguyễn Đức Diễm	02/11/91		Huyện Lập Thạch		1	403	0.50	2.50	2.25	5.25	5.50	
290	THV.A.00377	Nguyễn Khắc Diện	03/08/88		Huyện Đoan Hùng	03	1	401	0.25	2.75	2.25	5.25	5.50	
291	THV.A.00379	Lê Ngọc Diệp	09/09/91	Nữ	Thị xã Nghĩa Lộ		1	103	1.25	3.00	3.25	7.50	7.50	
292	THV.A.00380	Lê Thị Bích Diệp	26/01/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	403	1.75	5.50	4.25	11.50	11.50	
293	THV.A.00381	Vũ Bạch Diệp	10/09/91	Nữ	Huyện Hàm Yên	01	1	403	0.25	4.75	2.25	7.25	7.50	
294	THV.A.00382	Nguyễn Văn Diệp	17/04/89		Huyện Lục Yên	01	1	403	1.00	3.50	2.00	6.50	6.50	
295	THV.A.00383	Dương Thị Diệu	28/12/91	Nữ	Huyện Trấn Yên	01	1		0.75	2.50	3.00	6.25	6.50	
296	THV.A.00384	Hà Mỹ Diệu	18/10/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	0.75	2.75	2.50	6.00	6.00	
297	THV.A.00385	Trương Thị Dinh	02/10/90	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	403	0.50	2.50	2.50	5.50	5.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
298	THV.A00386	Bùi Thị Diên	15/06/91	Nữ	Huyện Lạc Sơn	01	1	904	1.25	3.50	2.50	7.25	7.50	
299	THV.A00387	Hoàng Thị Dịu	23/08/91	Nữ	Huyện Lạc Yên		1	402	2.25	4.50	2.50	9.25	9.50	
300	THV.A00388	Nguyễn Thị Hương	14/01/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		2	101	4.25	6.50	7.00	17.75	18.00	
301	THV.A00389	Nguyễn Thị Doan	22/02/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	402	1.00	3.50	2.00	6.50	6.50	
302	THV.A00392	Sái Ngọc Du	24/11/90		Huyện Hạ Hoà		1	403	2.25	5.75	3.50	11.50	11.50	
303	THV.A00394	Nguyễn Thị Kim Dung	25/08/88	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	0.50	2.00	2.25	4.75	5.00	
304	THV.A00395	Nguyễn Thị Thuỳ Dung	01/10/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	2.50	4.00	2.50	9.00	9.00	
305	THV.A00396	Tống Thị Thuỳ Dung	02/08/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	101	1.50	4.75	2.50	8.75	9.00	
306	THV.A00398	Nguyễn Thị Kim Dung	26/10/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	4.25	3.25	2.75	10.25	10.50	
307	THV.A00400	Nguyễn Thị Dung	17/11/91	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1	403	1.75	3.50	2.50	7.75	8.00	
308	THV.A00401	Lê Thị Kim Dung	20/09/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	403	1.00	3.00	3.50	7.50	7.50	
309	THV.A00402	Nguyễn Thị Thu Dung	03/12/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	402	3.75	6.25	3.75	13.75	14.00	
310	THV.A00403	Chu Thị Dung	15/01/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	401	1.50	3.50	3.50	8.50	8.50	
311	THV.A00404	Nguyễn Thị Kiều Dung	08/06/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	401	2.25	4.25	3.25	9.75	10.00	
312	THV.A00405	Nguyễn Thị Thuỳ Dung	11/01/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	3.25	4.50	3.50	11.25	11.50	
313	THV.A00406	Tạ Thị Kim Dung	11/09/90	Nữ	TP. Việt Trì		2		4.25	7.25	3.25	14.75	15.00	
314	THV.A00411	Nguyễn Thị Kim Dung	01/08/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2	403	1.75	4.25	2.50	8.50	8.50	
315	THV.A00412	Lê Kim Dung	03/09/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	402	2.00	4.25	2.25	8.50	8.50	
316	THV.A00413	Nguyễn Thị Hồng Dung	07/04/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		0.75	2.50	2.25	5.50	5.50	
317	THV.A00415	Nguyễn Thị Phương Dung	30/04/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		2.25	3.50	2.00	7.75	8.00	
318	THV.A00417	Phạm Kim Dung	08/02/91	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	402	2.25	5.50	3.50	11.25	11.50	
319	THV.A00418	Phùng Thị Thuỳ Dung	10/07/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	401	0.25	2.50	2.50	5.25	5.50	
320	THV.A00419	Trần Thị Kim Dung	18/07/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	403	1.00	2.25	2.75	6.00	6.00	
321	THV.A00420	Hoàng Thị Dung	28/10/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	403	1.00	4.25	3.50	8.75	9.00	
322	THV.A00421	Đình Thị Kim Dung	15/02/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	305	1.50	4.75	2.25	8.50	8.50	
323	THV.A00422	Trần Kim Dung	17/09/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		2	402	2.25	4.25	2.75	9.25	9.50	
324	THV.A00423	Nguyễn Thị Dung	28/09/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	101	4.50	3.50	2.25	10.25	10.50	
325	THV.A00424	Nguyễn Thị Dung	28/08/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	402	4.00	2.50	2.50	9.00	9.00	
326	THV.A00425	Nguyễn Kim Dung	20/03/90	Nữ	Huyện Tam Nông		1	402	0.00	3.50	3.50	7.00	7.00	
327	THV.A00426	Nguyễn Thị Thuỳ Dung	27/11/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	403	0.25	3.00	2.50	5.75	6.00	
328	THV.A00430	Nguyễn Thị Kim Dung	31/01/90	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	403	3.00	2.00	2.75	7.75	8.00	
329	THV.A00431	Lưu Thị Dung	20/03/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	403	1.50	4.75	2.00	8.25	8.50	
330	THV.A00432	Trần Thị Dung	20/06/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	402	1.75	3.50	1.75	7.00	7.00	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
331	THV.A00435	Nguyễn Thị Thu Dung	15/01/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	101	0.50	2.00	2.50	5.00	5.00	
332	THV.A00436	Đoàn Thị Thanh Dung	26/10/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	402	1.25	2.50	2.75	6.50	6.50	
333	THV.A00437	Chử Thị Dung	13/01/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	403	0.75	3.00	1.75	5.50	5.50	
334	THV.A00439	Nhâm Thạch Dung	19/10/91	Nữ	Huyện Tam Đảo		1	904	3.25	7.50	7.25	18.00	18.00	
335	THV.A00440	Nguyễn Thị Dung	06/04/91	Nữ	Huyện Nghĩa Đàn		1	403	2.50	3.25	4.50	10.25	10.50	
336	THV.A00441	Hoàng Thị Dung	11/12/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		2NT	101	3.00	5.50	2.75	11.25	11.50	
337	THV.A00442	Nguyễn Thị Dung	02/09/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	1.00	3.00	2.50	6.50	6.50	
338	THV.A00443	Lê Thị Kim Dung	06/07/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	402	1.25	5.00	2.00	8.25	8.50	
339	THV.A00444	Phạm Thị Dung	28/05/91	Nữ	Huyện Yên Lập		1	402	3.25	6.00	2.50	11.75	12.00	
340	THV.A00445	Đỗ Mai Dung	11/01/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	904	3.00	5.50	3.50	12.00	12.00	
341	THV.A00446	Hoàng Thị Dung	16/02/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	401	2.00	4.50	3.50	10.00	10.00	
342	THV.A00447	Hoàng Thị Kim Dung	11/08/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	101	2.50	4.50	3.00	10.00	10.00	
343	THV.A00448	Mai Trọng Duy	14/10/91		Huyện Thanh Ba		1	403	4.00	6.50	3.50	14.00	14.00	
344	THV.A00449	Nguyễn Khánh Duy	01/10/91		Huyện Hạ Hoà		1	403	1.75	2.75	2.00	6.50	6.50	
345	THV.A00451	Hoàng Ngọc Duy	18/02/90		Huyện Văn Yên	01	1	904	1.25	2.50	2.50	6.25	6.50	
346	THV.A00452	Đình Thế Duy	09/02/91		Huyện Thanh Ba		1	103	2.00	6.00	2.50	10.50	10.50	
347	THV.A00453	Lã Thị Duy	28/03/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	3.00	3.75	2.00	8.75	9.00	
348	THV.A00455	Nguyễn Thế Duy	03/01/91		TP. Việt Trì		2	402	2.00	3.00	1.00	6.00	6.00	
349	THV.A00456	Nguyễn Đức Duy	15/11/91		Huyện Thanh Ba	06	1	103	1.00	3.00	2.50	6.50	6.50	
350	THV.A00457	Phùng Văn Duy	27/01/91		Huyện Phù Ninh		2NT	304	1.00	3.50	2.25	6.75	7.00	
351	THV.A00458	Trần Đức Duy	14/08/91		Huyện Cẩm Khê		2NT	103	2.50	4.75	2.00	9.25	9.50	
352	THV.A00459	Dương Thị Duyên	14/05/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	0.50	2.75	2.50	5.75	6.00	
353	THV.A00460	Vũ Thị Duyên	09/11/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	0.75	3.50	2.50	6.75	7.00	
354	THV.A00461	Nguyễn Thị Duyên	22/06/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	402	1.00	3.25	2.50	6.75	7.00	
355	THV.A00462	Nguyễn Thị Hồng Duyên	05/11/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	904	0.75	3.25	3.50	7.50	7.50	
356	THV.A00463	Phùng Thị Minh Duyên	08/12/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	402	6.50	5.50	6.50	18.50	18.50	
357	THV.A00464	Lại Thị Duyên	04/11/90	Nữ	Huyện Vị Xuyên	01	1		1.00	4.50	2.75	8.25	8.50	
358	THV.A00465	Trần Thị Duyên	16/12/91	Nữ	Huyện Yên Bình	01	1	403	3.25	5.00	3.50	11.75	12.00	
359	THV.A00466	Trần Thị ánh Duyên	01/09/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	403	1.00	2.75	2.00	5.75	6.00	
360	THV.A00467	Lương Thị Duyên	21/10/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	402	4.50	5.50	1.50	11.50	11.50	
361	THV.A00469	Đỗ Văn Duyên	20/05/91		Huyện Cẩm Khê		1	904	1.50	3.75	1.75	7.00	7.00	
362	THV.A00470	Nguyễn Văn Dũng	17/11/91		Huyện Cẩm Khê		1	401	1.00	3.50	2.00	6.50	6.50	
363	THV.A00471	Vi Mạnh Dũng	15/05/91		Thị xã Phú Thọ		2		2.25	4.25	2.00	8.50	8.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
364	THV.A.00473	Trần Đức	Dũng	08/02/90		Thị xã Phú Thọ		2	101	3.75	6.00	3.00	12.75	13.00	
365	THV.A.00474	Hà Việt	Dũng	21/08/91		Huyện Bảo Thắng		1	403	1.50	3.25	1.75	6.50	6.50	
366	THV.A.00475	Vì Văn	Dũng	01/09/91		Thị xã Phú Thọ		2		0.75	3.00	2.25	6.00	6.00	
367	THV.A.00476	Lê Hùng	Dũng	04/11/91		Huyện Thanh Ba		2	101	4.25	7.50	6.75	18.50	18.50	
368	THV.A.00477	Nguyễn Văn	Dũng	13/08/89		Huyện Vị Xuyên	01	1	304	2.00	3.75	3.75	9.50	9.50	
369	THV.A.00478	Phạm Tiến	Dũng	29/12/91		Thị xã Phú Thọ		2	304	1.50	5.00	5.50	12.00	12.00	
370	THV.A.00481	Phạm Anh	Dũng	26/10/91		Thành phố Lào Cai		1	402	1.50	4.50	4.25	10.25	10.50	
371	THV.A.00482	Hoàng Chí	Dũng	07/09/91		Thị xã Tuyên Quang	06	1	102	2.25	4.50	2.25	9.00	9.00	
372	THV.A.00483	Vũ Tiến	Dũng	03/11/91		Huyện Yên Lập		1	401	2.25	4.50	1.75	8.50	8.50	
373	THV.A.00484	Tạ Tiến	Dũng	17/09/91		TP. Việt Trì		2	304	0.50	3.50	3.50	7.50	7.50	
374	THV.A.00485	Nguyễn Trung	Dũng	20/08/87		Thị xã Phú Thọ		1	402	0.00	2.75	2.25	5.00	5.00	
375	THV.A.00487	Vũ Tiến	Dũng	12/07/91		Huyện Hạ Hoà		1	103	3.25	5.75	2.50	11.50	11.50	
376	THV.A.00488	Nguyễn Tiến	Dũng	24/12/91		Huyện Yên Lập		1		2.75	4.75	2.25	9.75	10.00	
377	THV.A.00490	Nguyễn Mạnh	Dũng	25/08/89		Huyện Bảo Yên	01	1	103	1.00	4.50	2.50	8.00	8.00	
378	THV.A.00492	Phạm Văn	Dũng	20/01/91		Huyện Thanh Sơn		1		2.25	4.25	2.75	9.25	9.50	
379	THV.A.00493	Chu Tiến	Dũng	12/10/91		Huyện Tam Nông		1	401	1.25	3.75	2.00	7.00	7.00	
380	THV.A.00494	Nguyễn Văn	Dũng	18/08/90		Huyện Lâm Thao		1	401	0.00	2.25	2.75	5.00	5.00	
381	THV.A.00495	Đoàn Mạnh	Dũng	13/12/91		Huyện Phù Ninh		1	401	2.00	3.75	1.50	7.25	7.50	
382	THV.A.00496	Trần Văn	Dũng	14/07/90		Huyện Thanh Thủy		1	403	3.00	3.75	1.25	8.00	8.00	
383	THV.A.00499	Nguyễn Tiến	Dũng	05/01/91		Huyện Phù Ninh		1		2.50	5.75	2.00	10.25	10.50	
384	THV.A.00501	Nguyễn Tiến	Dũng	03/12/91		Huyện Tam Nông		1	101	3.50	3.75	2.75	10.00	10.00	
385	THV.A.00502	Nguyễn Tiến	Dũng	06/05/91		Huyện Yên Lập		1	402	1.00	3.25	2.50	6.75	7.00	
386	THV.A.00503	Lương Việt	Dũng	20/07/91		Huyện Tam Nông		1	403	2.00	5.75	5.50	13.25	13.50	
387	THV.A.00504	Quách Tiến	Dũng	18/09/91		Huyện Lâm Thao		2NT	103	0.25	1.75	2.25	4.25	4.50	
388	THV.A.00505	Bùi Anh	Dũng	04/03/91		Thị xã Phú Thọ		1		0.50	3.00	1.50	5.00	5.00	
389	THV.A.00506	Ngô Việt	Dũng	04/01/91		Huyện Lâm Thao		2NT	401	1.00	4.50	2.50	8.00	8.00	
390	THV.A.00508	Nguyễn Thế	Dũng	19/03/90		Huyện Yên Lạc		2NT	403	0.75	4.25	3.75	8.75	9.00	
391	THV.A.00509	Nguyễn Anh	Dũng	20/11/91		Huyện Lâm Thao		1	402	4.00	5.25	3.25	12.50	12.50	
392	THV.A.00510	Hà Tiến	Dũng	07/06/91		Huyện Tân Sơn	01	1	101	1.25	4.75	2.50	8.50	8.50	
393	THV.A.00512	Nguyễn Việt	Dũng	21/02/91		Huyện Lâm Thao		2NT	402	2.25	5.00	5.25	12.50	12.50	
394	THV.A.00513	Nguyễn Văn	Dũng	15/03/91		Huyện Vĩnh Tường		2NT		2.50	5.50	3.25	11.25	11.50	
395	THV.A.00514	Trần Thuỳ	Dương	19/08/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	3.00	6.50	3.50	13.00	13.00	
396	THV.A.00515	Đình Thị Thuỳ	Dương	17/06/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		1.75	5.50	2.75	10.00	10.00	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
397	THV.A.00516	Bùi Thuỳ	Dương	20/07/90	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	102	2.25	4.75	3.50	10.50	10.50	
398	THV.A.00517	Phạm Quý	Dương	22/02/90		Huyện Đoan Hùng		1	306	1.75	5.50	3.50	10.75	11.00	
399	THV.A.00519	Vũ Tùng	Dương	27/12/91		Huyện Bắc Quang	01	1	103	0.25	2.75	4.50	7.50	7.50	
400	THV.A.00521	Đỗ Thị	Dương	02/09/91	Nữ	Huyện Văn Chấn		1	403	1.25	6.50	3.50	11.25	11.50	
401	THV.A.00523	Nguyễn Văn	Dương	25/03/91		Huyện Trấn Yên	01	1	403	2.25	5.25	2.75	10.25	10.50	
402	THV.A.00524	Nguyễn Hữu	Dương	25/11/91		Huyện Hạ Hoà		1	102	7.00	7.00	5.50	19.50	19.50	
403	THV.A.00525	Cao Thị Thuỳ	Dương	02/10/89	Nữ	TP. Việt Trì		2	102	3.00	6.25	2.75	12.00	12.00	
404	THV.A.00526	Lưu Thị Thuỳ	Dương	03/05/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	102	4.75	6.50	5.00	16.25	16.50	
405	THV.A.00527	Nguyễn Thị	Dương	04/08/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	904	2.50	5.75	3.25	11.50	11.50	
406	THV.A.00528	Nguyễn Thị Thuỳ	Dương	10/01/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	403	2.75	2.50	3.00	8.25	8.50	
407	THV.A.00529	Nguyễn Thị Thuỳ	Dương	26/12/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		0.75	1.75	2.50	5.00	5.00	
408	THV.A.00530	Nguyễn Thị Hạnh	Dương	19/03/90	Nữ	Huyện Tam Nông		1		0.75	3.25	2.00	6.00	6.00	
409	THV.A.00531	Vũ Tiến	Dự	10/02/91		Huyện Hạ Hoà		1	103	2.00	6.00	2.75	10.75	11.00	
410	THV.A.00532	Nguyễn Quang	Dự	10/12/91		Huyện Hạ Hoà		1		3.00	6.50	3.00	12.50	12.50	
411	THV.A.00534	Đào Văn	Đa	24/01/91		Huyện Tam Dương	04	2NT		1.50	4.75	2.50	8.75	9.00	
412	THV.A.00535	Nguyễn Văn	Đài	16/10/91		Huyện Phù Ninh		1	403	4.00	4.25	3.75	12.00	12.00	
413	THV.A.00536	Nguyễn Thị Bích	Đào	26/04/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	402	0.50	3.25	3.00	6.75	7.00	
414	THV.A.00537	Nguyễn Thị Anh	Đào	18/09/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	0.25	3.75	2.25	6.25	6.50	
415	THV.A.00538	Phan Văn	Đào	10/04/90		Huyện Tam Nông		1	403	0.25	2.25	2.00	4.50	4.50	
416	THV.A.00539	Nguyễn Thị	Đào	20/04/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	904	4.25	5.50	2.50	12.25	12.50	
417	THV.A.00540	Nguyễn Thị	Đào	19/06/91	Nữ	Huyện Yên Lập		1	904	1.25	3.50	2.25	7.00	7.00	
418	THV.A.00543	Nguyễn Thị	Đào	12/02/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1		1.00	2.75	2.75	6.50	6.50	
419	THV.A.00546	Bùi Thị	Đào	16/07/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	403	0.50	2.00	1.75	4.25	4.50	
420	THV.A.00547	Hà Hiện	Đại	21/08/91		Huyện Tân Sơn	01	1	403	0.75	3.00	2.50	6.25	6.50	
421	THV.A.00548	Phạm Duy	Đại	01/12/91		Huyện Phù Ninh		2	403	7.25	4.25	3.25	14.75	15.00	
422	THV.A.00550	Nguyễn Quang	Đại	28/10/91		Huyện Lâm Thao	06	2NT	402	1.25	5.00	3.75	10.00	10.00	
423	THV.A.00551	Nguyễn Đức	Đại	06/09/90		Huyện Thanh Ba		1	306	1.00	4.00	3.00	8.00	8.00	
424	THV.A.00552	Quản Trọng	Đại	04/10/91		Huyện Đoan Hùng		1		1.00	4.25	1.25	6.50	6.50	
425	THV.A.00553	Phạm Minh	Đại	27/07/91		Huyện Bình Xuyên		2NT	403	0.75	2.75	3.50	7.00	7.00	
426	THV.A.00554	Nguyễn Ngọc	Đại	10/02/90		Huyện Cẩm Khê		2NT	403	1.75	3.00	2.00	6.75	7.00	
427	THV.A.00555	Lê Quang	Đạo	29/03/91		Huyện Phù Ninh		2NT	904	0.25	2.25	2.50	5.00	5.00	
428	THV.A.00556	Phùng Trọng	Đạo	03/11/89		Huyện Vĩnh Tường		2	403	2.25	6.50	2.50	11.25	11.50	
429	THV.A.00558	Nguyễn Quang	Đạo	13/01/91		Huyện Thanh Sơn	01	1	102	2.00	4.50	2.50	9.00	9.00	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
430	THV.A.00562	Tạ Anh Đạt	05/02/91		TP. Việt Trì		2		1.75	3.50	3.25	8.50	8.50	
431	THV.A.00563	Đào Tiến Đạt	24/10/91		Huyện Lập Thạch		1	904	1.00	4.50	1.50	7.00	7.00	
432	THV.A.00564	Nguyễn Mạnh Đạt	07/11/91		Huyện Tam Nông		1		3.25	4.00	1.75	9.00	9.00	
433	THV.A.00565	Nguyễn Tiến Đạt	12/07/91		TP. Việt Trì		1	401	1.00	2.50	2.50	6.00	6.00	
434	THV.A.00566	Lê Thành Đạt	20/10/91		Huyện Phù Ninh		1	103	0.75	2.50	3.25	6.50	6.50	
435	THV.A.00567	Nguyễn Văn Đăng	15/06/91		TP. Việt Trì		2		0.00	2.25	2.25	4.50	4.50	
436	THV.A.00569	Đình Quốc Đăng	23/01/91		Huyện Vĩnh Tường		2NT	403	2.75	4.25	2.50	9.50	9.50	
437	THV.A.00571	Nguyễn Hải Đăng	04/10/91		Huyện Thanh Ba		1	401	1.25	3.50	2.75	7.50	7.50	
438	THV.A.00572	Nguyễn Hoàng Đăng	16/07/91		Huyện Thanh Sơn		1	403	0.00	2.25	2.25	4.50	4.50	
439	THV.A.00573	Nguyễn Hải Đăng	15/12/90		Huyện Thanh Thủy		1	102	1.50	3.75	3.50	8.75	9.00	
440	THV.A.00577	Trần Quang Điệp	12/01/91		Huyện Đoan Hùng		2	403	0.75	3.50	2.50	6.75	7.00	
441	THV.A.00578	Nguyễn Văn Điệp	05/02/91		Huyện Lâm Thao		2NT	306	1.00	3.50	3.25	7.75	8.00	
442	THV.A.00580	Vương Thị Điệp	16/10/91	Nữ	Huyện Vị Xuyên	01	1	103	1.00	4.25	2.50	7.75	8.00	
443	THV.A.00581	Nguyễn Đăng Điệp	19/11/91		Huyện Yên Lập		1	101	1.00	3.50	2.50	7.00	7.00	
444	THV.A.00582	Hoàng Thị Điệp	08/10/91	Nữ	Huyện Vị Xuyên	01	1		0.00	2.75	2.25	5.00	5.00	
445	THV.A.00583	Hoàng Tiểu Điệp	09/07/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	103	3.25	5.75	3.25	12.25	12.50	
446	THV.A.00586	Vy Thị Diên	10/11/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	402	1.00	5.00	2.50	8.50	8.50	
447	THV.A.00587	Tạ Xuân Diên	06/02/91		TP. Việt Trì		2	103	1.00	2.50	2.50	6.00	6.00	
448	THV.A.00590	Đình Đăng Định	29/05/91		Huyện Thanh Sơn	01	1	403	2.75	3.50	3.00	9.25	9.50	
449	THV.A.00592	Nguyễn Văn Định	15/08/91		Huyện Tam Dương		2NT	101	1.00	4.50	2.75	8.25	8.50	
450	THV.A.00593	Kim Thị Định	05/06/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	101	3.00	4.00	2.50	9.50	9.50	
451	THV.A.00594	Đặng Xuân Định	28/11/91		Huyện Hạ Hoà		1	403	2.00	4.00	3.50	9.50	9.50	
452	THV.A.00595	Trần Văn Đế	31/03/91		Huyện Cẩm Khê		1		3.25	6.50	4.50	14.25	14.50	
453	THV.A.00596	Đặng Văn Đoàn	29/09/90		Huyện Lập Thạch		1	401	0.50	2.50	1.75	4.75	5.00	
454	THV.A.00597	Nguyễn Anh Đoàn	17/02/90		Huyện Thanh Sơn	06	1	402	2.25	6.75	2.25	11.25	11.50	
455	THV.A.00598	Phạm Quốc Đoàn	20/10/91		Huyện Hạ Hoà		1	101	4.50	4.75	2.50	11.75	12.00	
456	THV.A.00599	Nguyễn Thị Đoàn	24/08/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	403	4.75	6.25	4.00	15.00	15.00	
457	THV.A.00600	Vi Xuân Đoàn	20/09/91		Huyện Đoan Hùng	01	1	402	4.00	4.50	1.50	10.00	10.00	
458	THV.A.00601	Phạm Thành Đô	08/01/91		Huyện Hạ Hoà		1	402	4.00	4.75	1.75	10.50	10.50	
459	THV.A.00602	Trần Đức Đơn	20/04/91		Thị xã Phú Thọ		2	306	2.25	3.75	2.75	8.75	9.00	
460	THV.A.00604	Nguyễn Phương Đông	02/07/91		Huyện Phù Ninh	06	1	403	3.75	6.25	3.25	13.25	13.50	
461	THV.A.00605	Đặng Đình Đông	24/05/91		Huyện Tam Nông		1	403	3.50	5.25	4.25	13.00	13.00	
462	THV.A.00607	Nguyễn Văn Đông	26/01/91		Huyện Tam Dương		2NT	306	2.00	6.50	2.75	11.25	11.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
463	THV.A00608	Hồ Minh	Đông	17/11/91		Huyện Hạ Hoà		1	402	1.25	2.50	2.25	6.00	6.00	
464	THV.A00610	Lê Quốc	Đông	12/07/86		Huyện Thanh Ba		2		1.75	3.50	2.50	7.75	8.00	
465	THV.A00611	Nguyễn Hưng	Đông	22/04/91		Huyện Thanh Ba		1	103	2.50	3.75	3.00	9.25	9.50	
466	THV.A00613	Bùi Văn	Đông	10/06/88		Huyện Tam Nông		1	402	1.25	4.75	1.75	7.75	8.00	
467	THV.A00614	Nguyễn Công	Độ	11/04/91		Huyện Cẩm Khê		1	306	0.50	3.75	1.75	6.00	6.00	
468	THV.A00616	Nguyễn Kim	Được	27/02/91		Huyện Lập Thạch		1	403	2.75	3.75	3.75	10.25	10.50	
469	THV.A00617	Nguyễn Quang	Được	19/09/91		Huyện Yên Lạc		2NT	403	1.00	2.75	3.50	7.25	7.50	
470	THV.A00618	Trần Văn	Đức	17/10/88		Huyện Vị Xuyên	01	1	103	0.25	3.50	1.50	5.25	5.50	
471	THV.A00620	Vi Trung	Đức	05/05/89		Huyện Thanh Ba	06	1	904	1.50	3.50	1.75	6.75	7.00	
472	THV.A00621	Nguyễn Trung	Đức	23/05/91		Thị xã Phú Thọ		2	402	4.75	8.25	3.00	16.00	16.00	
473	THV.A00622	Hoàng Việt	Đức	30/03/91		TP. Việt Trì		2	402	3.25	5.50	2.50	11.25	11.50	
474	THV.A00623	Đặng Trung	Đức	08/06/91		Huyện Thanh Ba		1	103	1.25	3.50	2.75	7.50	7.50	
475	THV.A00626	Phạm Minh	Đức	13/04/91		Huyện Bắc Hà		1		1.25	3.50	3.50	8.25	8.50	
476	THV.A00628	Nguyễn Quảng	Đức	16/03/78		Thị xã Phú Thọ	02	2	101	4.50	5.75	3.00	13.25	13.50	
477	THV.A00629	Nguyễn Quang	Đức	31/03/91		TP. Việt Trì		2		0.50	2.75	2.50	5.75	6.00	
478	THV.A00630	Lê Xuân	Đức	26/09/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	101	2.25	5.50	2.50	10.25	10.50	
479	THV.A00631	Nguyễn Văn	Đức	07/08/91		Huyện Lâm Thao		2NT	402	1.50	4.50	3.25	9.25	9.50	
480	THV.A00632	Tạ Tiến	Đức	02/08/91		TP. Việt Trì		2	402	0.75	2.50	3.00	6.25	6.50	
481	THV.A00633	Trần Văn	Đức	27/07/91		Huyện Yên Thành		2NT	403	3.75	7.50	3.00	14.25	14.50	
482	THV.A00636	Nguyễn Văn	Đức	02/10/91		Huyện Cẩm Khê		2NT	403	1.25	3.50	3.25	8.00	8.00	
483	THV.A00639	Nguyễn Văn	Đức	20/06/91		Huyện Yên Lập		1	401	2.75	5.50	2.00	10.25	10.50	
484	THV.A00640	Lương Việt	Đức	18/11/91		Huyện Tam Nông		1	305	0.50	4.50	3.00	8.00	8.00	
485	THV.A00642	Đặng Văn	Đức	11/10/91		Huyện Thanh Sơn		1		1.75	4.50	3.25	9.50	9.50	
486	THV.A00644	Bùi Hồng	Đức	30/05/91		Huyện Lâm Thao		2NT	402	3.00	2.25	1.25	6.50	6.50	
487	THV.A00646	Nguyễn Anh	Đức	18/12/91		Huyện Hạ Hoà		1	904	1.25	3.00	2.50	6.75	7.00	
488	THV.A00647	Nguyễn Thị Hồng	Gắm	03/04/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	904	0.50	2.50	2.25	5.25	5.50	
489	THV.A00649	Nguyễn Thị Hồng	Gắm	17/08/91	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	101	2.50	5.00	2.50	10.00	10.00	
490	THV.A00652	Khổng Trường	Giang	25/09/91		Huyện Vĩnh Tường		2	103	2.00	3.25	2.50	7.75	8.00	
491	THV.A00653	Nông Thị	Giang	25/07/91	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1		1.00	4.25	2.75	8.00	8.00	
492	THV.A00654	Nguyễn Thị Hương	Giang	05/10/90	Nữ	Huyện Yên Bình		1		0.50	1.75	1.75	4.00	4.00	
493	THV.A00655	Nông Thị Hoàng	Giang	27/06/91	Nữ	Thành phố Yên Bái	01	1		0.75	3.25	2.25	6.25	6.50	
494	THV.A00656	Trần Thị	Giang	12/08/91	Nữ	Huyện Văn Bàn		1	403	2.00	5.25	1.75	9.00	9.00	
495	THV.A00658	Nguyễn Thị	Giang	20/08/91	Nữ	Huyện Vị Xuyên		1	403	1.50	3.25	2.75	7.50	7.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
496	THV.A.00659	Đỗ Quang	Giang	01/05/91		Huyện Trấn Yên		1	101	1.25	3.75	2.25	7.25	7.50	
497	THV.A.00662	Bùi Thị Hà	Giang	23/04/91	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	101	0.75	2.50	2.50	5.75	6.00	
498	THV.A.00663	Nguyễn Đức	Giang	29/09/91		TP. Việt Trì		2	103	1.50	3.00	2.25	6.75	7.00	
499	THV.A.00668	Nguyễn Thành	Giang	15/04/90		Huyện Tân Sơn		1	102	2.75	6.50	2.00	11.25	11.50	
500	THV.A.00669	Phan Thị	Giang	22/09/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	1.50	3.00	2.00	6.50	6.50	
501	THV.A.00671	Nguyễn Văn	Giang	23/02/90		Huyện Lập Thạch	06	1	101	1.50	4.50	3.50	9.50	9.50	
502	THV.A.00672	Hà Thị Chà	Giang	01/03/91	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	403	3.50	6.75	3.50	13.75	14.00	
503	THV.A.00673	Vũ Xuân	Giang	20/10/90		Huyện Hạ Hoà		1		0.50	3.50	3.50	7.50	7.50	
504	THV.A.00674	Nguyễn Trường	Giang	02/11/91		Huyện Tam Nông		1	401	1.00	2.50	1.75	5.25	5.50	
505	THV.A.00675	Tạ Thị Hương	Giang	11/09/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	1.25	3.25	1.00	5.50	5.50	
506	THV.A.00677	Đào Thị	Giang	18/05/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	101	2.25	4.25	2.50	9.00	9.00	
507	THV.A.00681	Lê Hương	Giang	27/05/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	904	2.25	4.50	2.50	9.25	9.50	
508	THV.A.00684	Hà Thị Thu	Giang	03/11/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng	06	1	306	0.75	3.50	3.00	7.25	7.50	
509	THV.A.00685	Phùng Thị Lệ	Giang	19/09/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	101	2.25	5.50	3.00	10.75	11.00	
510	THV.A.00686	Nguyễn Trường	Giang	04/09/91		Huyện Hạ Hoà		1	103	2.25	4.50	4.50	11.25	11.50	
511	THV.A.00688	Lê Thị Thuý	Giang	13/04/91		Huyện Yên Lập		1	102	1.25	5.25	4.00	10.50	10.50	
512	THV.A.00690	Đỗ Mai	Giang	26/07/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	101	4.50	6.75	2.50	13.75	14.00	
513	THV.A.00691	Nguyễn Thị	Giang	15/03/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	402	1.00	4.00	3.25	8.25	8.50	
514	THV.A.00692	Vũ Ngọc	Giang	17/05/91		Huyện Lập Thạch	06	1	403	1.50	3.00	2.25	6.75	7.00	
515	THV.A.00693	Nguyễn Trường	Giang	10/04/91		TP. Việt Trì	06	1	403	1.75	2.25	2.50	6.50	6.50	
516	THV.A.00694	Phan Đức	Giang	12/04/91		Thị xã Phú Thọ		1		1.25	4.50	2.50	8.25	8.50	
517	THV.A.00695	Nguyễn Thị Hương	Giang	22/08/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	402	0.00	3.75	1.75	5.50	5.50	
518	THV.A.00696	Đặng Thị	Giang	15/05/90	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	402	0.25	3.50	1.75	5.50	5.50	
519	THV.A.00699	Nguyễn Văn	Giang	03/02/91		Huyện Lập Thạch		1	101	0.75	4.25	2.50	7.50	7.50	
520	THV.A.00700	Phí Trường	Giang	14/08/91		TP. Việt Trì		2	103	0.00	3.50	1.25	4.75	5.00	
521	THV.A.00701	Bùi Thị	Giang	27/04/91	Nữ	Huyện Yên Thủy	01	1	101	1.00	4.00	3.00	8.00	8.00	
522	THV.A.00702	Nguyễn Thị	Giang	09/09/91	Nữ	Huyện Hải Hậu		2NT	403	1.75	4.50	2.50	8.75	9.00	
523	THV.A.00704	Lưu Thị Kim	Giao	30/10/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1		1.00	2.75	2.00	5.75	6.00	
524	THV.A.00706	Hà Trọng	Giáp	20/03/90		Huyện Tân Sơn		1	101	0.00	3.50	2.00	5.50	5.50	
525	THV.A.00708	Lê Văn	Giới	21/08/91		Huyện Tam Dương		2NT	401	1.50	4.75	1.50	7.75	8.00	
526	THV.A.00709	Nguyễn Văn Một	Hai	02/02/91		Huyện Thanh Sơn		1		3.00	3.50	1.50	8.00	8.00	
527	THV.A.00710	Hà Xuân	Hanh	11/02/91		TP. Việt Trì		1	305	1.25	2.75	3.25	7.25	7.50	
528	THV.A.00711	Đỗ Thị Ngọc	Hà	07/10/89	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	102	0.25	3.50	2.50	6.25	6.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
529	THV.A00712	Bạch Thị	Hà	09/01/91	Nữ	Huyện Chương Mỹ		2NT	904	1.00	3.00	1.00	5.00	5.00	
530	THV.A00714	Bùi Thị	Hà	24/04/91	Nữ	Thành phố Lào Cai	01	1	904	2.75	4.50	3.25	10.50	10.50	
531	THV.A00715	Nguyễn Thu	Hà	02/05/90	Nữ	Huyện Sơn Dương		1	904	1.00	2.75	3.25	7.00	7.00	
532	THV.A00716	Đào Thị Thu	Hà	25/11/91	Nữ	Huyện Văn Yên		1	403	0.75	3.00	2.75	6.50	6.50	
533	THV.A00719	Lục Thu	Hà	14/05/91	Nữ	Huyện Vị Xuyên	01	1	403	1.25	5.25	3.25	9.75	10.00	
534	THV.A00720	Nguyễn Thu	Hà	17/07/91	Nữ	Huyện Yên Bình		1	402	1.00	2.75	2.00	5.75	6.00	
535	THV.A00723	Vũ Việt	Hà	30/05/91	Nữ	Huyện Trấn Yên	01	1	401	1.00	3.50	2.50	7.00	7.00	
536	THV.A00724	Nguyễn Nhị	Hà	08/10/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	402	0.00	3.50	2.25	5.75	6.00	
537	THV.A00725	Hoàng Hải	Hà	07/07/91		Huyện Yên Sơn		1	403	0.75	2.75	2.50	6.00	6.00	
538	THV.A00726	Phạm Ngọc	Hà	28/07/89	Nữ	Thị xã Tuyên Quang		1	402	1.50	3.75	2.50	7.75	8.00	
539	THV.A00727	Đỗ Thị Thu	Hà	27/07/91	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	402	2.25	2.50	1.00	5.75	6.00	
540	THV.A00728	Hoàng Thị	Hà	16/01/91	Nữ	Huyện Vị Xuyên		1		2.00	3.50	4.00	9.50	9.50	
541	THV.A00729	Phạm Thị	Hà	26/07/91	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	402	1.25	3.50	2.75	7.50	7.50	
542	THV.A00730	Đỗ Thị	Hà	11/10/91	Nữ	Huyện Trấn Yên		1	402	1.00	3.00	2.75	6.75	7.00	
543	THV.A00732	Bùi Mạnh	Hà	07/10/89		Huyện Quốc Oai	01	1	101	2.50	4.25	3.25	10.00	10.00	
544	THV.A00733	Trần Thu	Hà	24/11/91	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	403	3.00	5.50	3.00	11.50	11.50	
545	THV.A00734	Nguyễn Thị Thu	Hà	10/12/91	Nữ	Huyện Mỹ Đức		2NT	904	0.50	4.50	4.25	9.25	9.50	
546	THV.A00735	Nguyễn Thị Khánh	Hà	02/06/91	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1	403	0.75	2.50	1.75	5.00	5.00	
547	THV.A00736	Nguyễn Thu	Hà	04/04/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	403	2.25	3.25	4.50	10.00	10.00	
548	THV.A00737	Đinh Thị Thu	Hà	11/05/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	904	1.00	2.75	1.75	5.50	5.50	
549	THV.A00738	Nguyễn Thị Việt	Hà	15/08/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	403	2.25	6.75	2.75	11.75	12.00	
550	THV.A00739	Trần Thị Thu	Hà	10/03/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1		0.75	3.50	2.75	7.00	7.00	
551	THV.A00740	Tạ Thị Thanh	Hà	05/02/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	1.25	2.75	2.25	6.25	6.50	
552	THV.A00741	Lê Thị Mai	Hà	18/06/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2	403	5.25	4.25	3.00	12.50	12.50	
553	THV.A00742	Nguyễn Thị	Hà	13/01/91	Nữ	TP. Việt Trì	06	2		2.75	5.75	2.50	11.00	11.00	
554	THV.A00743	Hà Thị Thu	Hà	04/06/91	Nữ	Huyện Tam Nông		2	402	0.75	4.00	2.50	7.25	7.50	
555	THV.A00744	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	22/03/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT		3.25	6.00	2.50	11.75	12.00	
556	THV.A00746	Lê Thị Thu	Hà	16/09/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2	404	0.50	3.25	2.50	6.25	6.50	
557	THV.A00747	Hà Thị Ngọc	Hà	21/10/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	103	2.00	4.00	2.50	8.50	8.50	
558	THV.A00748	Trần Thị	Hà	29/11/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	401	0.75	3.00	2.25	6.00	6.00	
559	THV.A00750	Nguyễn Thị Bích	Hà	20/11/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	101	3.00	2.00	2.50	7.50	7.50	
560	THV.A00751	Vũ Thu	Hà	18/10/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	1.00	4.50	2.50	8.00	8.00	
561	THV.A00752	Nguyễn Thị	Hà	12/06/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	3.50	2.75	5.00	11.25	11.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
562	THV.A00753	Hoàng Văn Hà	10/09/91		Thị xã Phú Thọ		2	403	1.25	4.25	2.50	8.00	8.00	
563	THV.A00754	Nguyễn Thị Thu Hà	10/09/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	403	2.50	4.50	2.75	9.75	10.00	
564	THV.A00755	Nguyễn Thị Thu Hà	25/02/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	101	1.00	3.50	1.50	6.00	6.00	
565	THV.A00756	Nguyễn Thị Thu Hà	01/11/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	0.50	2.75	1.50	4.75	5.00	
566	THV.A00759	Bùi Quang Hà	13/08/91		TP. Việt Trì		2	403	0.75	3.50	3.50	7.75	8.00	
567	THV.A00761	Lê Việt Hà	10/08/91		TP. Việt Trì		2		0.25	2.50	2.50	5.25	5.50	
568	THV.A00762	Vũ Thị Kim Hà	17/01/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	402	0.75	3.75	2.75	7.25	7.50	
569	THV.A00763	Nguyễn Thu Hà	27/02/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	401	1.50	2.50	2.75	6.75	7.00	
570	THV.A00764	Nguyễn Việt Hà	12/10/90		TP. Việt Trì		2	403	3.75	5.25	3.00	12.00	12.00	
571	THV.A00765	Nguyễn Việt Hà	27/12/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	402	1.50	3.50	2.00	7.00	7.00	
572	THV.A00766	Trần Thị Thu Hà	01/06/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1		0.75	4.25	3.25	8.25	8.50	
573	THV.A00767	Trần Thị Thu Hà	19/05/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	401	1.75	3.50	4.00	9.25	9.50	
574	THV.A00768	Trần Thị Hà	28/01/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng	06	1	305	2.25	4.75	1.75	8.75	9.00	
575	THV.A00769	Phùng Thị Hà	25/08/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	103	0.25	2.25	2.50	5.00	5.00	
576	THV.A00770	Nguyễn Thị Hải Hà	22/07/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	402	1.75	5.00	2.25	9.00	9.00	
577	THV.A00771	Trần Ngọc Hà	19/12/90		Huyện Tam Đảo	01	1	403	1.25	2.50	1.50	5.25	5.50	
578	THV.A00772	Nguyễn Mạnh Hà	26/04/91		Huyện Lâm Thao		1		1.25	4.00	3.00	8.25	8.50	
579	THV.A00773	Lê Thị Dung Hà	11/05/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	904	0.75	2.50	3.50	6.75	7.00	
580	THV.A00774	Tạ Thị Ngọc Hà	05/10/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	904	2.75	5.75	3.00	11.50	11.50	
581	THV.A00776	Nguyễn Thị Hà	10/01/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	402	1.50	3.50	1.50	6.50	6.50	
582	THV.A00777	Nguyễn Thị Hà	27/08/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	403	3.00	6.75	5.50	15.25	15.50	
583	THV.A00778	Nguyễn Thị Hồng Hà	05/02/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2		4.75	6.50	3.50	14.75	15.00	
584	THV.A00780	Nguyễn Thị Thu Hà	26/08/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1		1.00	4.00	3.50	8.50	8.50	
585	THV.A00782	Đỗ Thị Ngọc Hà	11/05/91	Nữ	Huyện Lâm Thao	06	2NT	402	2.75	5.50	4.50	12.75	13.00	
586	THV.A00784	Nguyễn Thị Thu Hà	14/11/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	402	2.25	3.00	2.00	7.25	7.50	
587	THV.A00785	Nguyễn Thị Hà	03/08/89	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	401	0.50	5.50	2.25	8.25	8.50	
588	THV.A00787	Quản Thanh Hà	11/04/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	101	1.00	3.00	1.50	5.50	5.50	
589	THV.A00788	Phan Thanh Hà	20/09/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	0.50	2.25	1.50	4.25	4.50	
590	THV.A00789	Phạm Thị Thu Hà	25/10/90	Nữ	Huyện Tam Nông		1	403	0.75	2.75	1.50	5.00	5.00	
591	THV.A00790	Lê Thị Thu Hà	19/06/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1	403	2.25	5.50	2.50	10.25	10.50	
592	THV.A00791	Cao Thị Thuý Hà	26/06/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	402	1.00	4.50	4.00	9.50	9.50	
593	THV.A00792	Nguyễn Thị Thu Hà	19/08/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	401	3.25	5.00	3.75	12.00	12.00	
594	THV.A00794	Lê Thị Hà	09/04/91	Nữ	Huyện Hải Hậu		2NT	402	1.75	4.25	2.50	8.50	8.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
595	THV.A00795	Vũ Hải	Hà	29/10/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2	403	1.00	3.75	2.50	7.25	7.50	
596	THV.A00796	Trần Thị Thu	Hà	26/12/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		2	403	3.00	4.25	2.50	9.75	10.00	
597	THV.A00797	Ngô Thị Thúy	Hà	19/03/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		2NT	402	1.50	5.25	4.25	11.00	11.00	
598	THV.A00798	Nguyễn Thị Thu	Hà	17/12/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	402	2.25	6.25	3.50	12.00	12.00	
599	THV.A00799	Bùi Thị Thu	Hà	10/02/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	103	1.00	4.25	3.25	8.50	8.50	
600	THV.A00801	Nguyễn Thanh	Hà	17/10/91	Nữ	Thành phố Vinh Yên		2	403	4.00	5.75	3.50	13.25	13.50	
601	THV.A00802	Từ Thị Thu	Hà	19/10/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	101	2.50	4.00	2.50	9.00	9.00	
602	THV.A00804	Nguyễn Thu	Hà	29/11/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	402	0.50	3.00	2.25	5.75	6.00	
603	THV.A00805	Thạch Thị	Hành	08/10/91	Nữ	Huyện Phục Hoà	01	1	403	1.00	2.25	2.25	5.50	5.50	
604	THV.A00806	Phan Văn	Hào	28/09/90		Huyện Thanh Thủy		1	102	2.50	5.50	2.50	10.50	10.50	
605	THV.A00808	Nguyễn Thị	Hào	10/10/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	401	1.75	4.50	2.50	8.75	9.00	
606	THV.A00809	Hà Hải	Hiên	03/11/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	102	1.75	3.50	3.00	8.25	8.50	
607	THV.A00811	Hà Mạnh	Hải	07/04/91		TP. Việt Trì		2		0.50	3.75	2.50	6.75	7.00	
608	THV.A00812	Trần Thị	Hải	17/02/91	Nữ	Huyện Yên Sơn		1	402	1.75	3.50	3.25	8.50	8.50	
609	THV.A00813	Trần Thanh	Hải	29/09/91	Nữ	Huyện Bát Xát	01	1	403	3.50	3.75	2.50	9.75	10.00	
610	THV.A00814	Hà Thị Thu	Hải	23/09/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	101	1.25	2.50	1.75	5.50	5.50	
611	THV.A00815	Nguyễn Thị	Hải	16/03/91	Nữ	Huyện Vị Xuyên		1		1.50	4.00	2.25	7.75	8.00	
612	THV.A00816	Trần Thị	Hải	01/01/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	403	2.50	5.75	3.00	11.25	11.50	
613	THV.A00817	Trương Thị Hồng	Hải	24/08/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	402	1.00	3.50	2.00	6.50	6.50	
614	THV.A00818	Nguyễn Thị	Hải	21/09/91	Nữ	Thị xã Tuyên Quang		1		1.00	3.50	2.00	6.50	6.50	
615	THV.A00819	Nguyễn Ngọc	Hải	19/09/91		TP. Việt Trì		2	401	1.50	3.50	2.00	7.00	7.00	
616	THV.A00820	Nguyễn Thanh	Hải	27/06/91		Huyện Hạ Hoà		1	402	2.75	4.50	2.50	9.75	10.00	
617	THV.A00822	Trần Văn	Hải	02/02/91		Huyện Hạ Hoà		1		2.25	3.75	2.25	8.25	8.50	
618	THV.A00824	Lê Anh	Hải	25/03/91		Thị xã Phú Thọ		2	103	0.50	2.50	3.00	6.00	6.00	
619	THV.A00825	Dương Minh	Hải	05/07/91		TP. Việt Trì		2	403	0.00	3.25	2.50	5.75	6.00	
620	THV.A00826	Nguyễn Văn	Hải	07/05/91		Huyện Đoan Hùng		1	306	2.00	4.50	3.50	10.00	10.00	
621	THV.A00827	Kiều Việt	Hải	29/12/91		Huyện Bảo Thắng		1	402	0.25	4.25	2.00	6.50	6.50	
622	THV.A00828	Hoàng Văn	Hải	06/12/89		TP. Việt Trì		2	402	1.50	2.50	2.50	6.50	6.50	
623	THV.A00829	Lê Thị	Hải	08/08/91	Nữ	Huyện Bát Xát		1	402	3.25	5.00	4.50	12.75	13.00	
624	THV.A00831	Nguyễn Chung	Hải	20/11/91		Huyện Thanh Ba		1	102	1.00	4.50	2.50	8.00	8.00	
625	THV.A00833	Đặng Thanh	Hải	14/11/91		TP. Việt Trì		2	103	2.25	4.50	2.25	9.00	9.00	
626	THV.A00835	Hà Quang	Hải	23/10/90		Thị xã Phú Thọ		2	103	1.25	3.50	3.25	8.00	8.00	
627	THV.A00837	Nguyễn Thị Hồng	Hải	25/12/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	402	1.00	2.25	2.50	5.75	6.00	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
628	THV.A00838	Trương Thị Thanh	Hải	13/10/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1		0.25	3.25	2.25	5.75	6.00	
629	THV.A00839	Tạ Thanh	Hải	17/09/91		Quận Lê Chân		2		0.75	2.75	1.75	5.25	5.50	
630	THV.A00840	Hà Minh	Hải	16/01/90		Huyện Trấn Yên	01	1	102	0.00	2.50	2.00	4.50	4.50	
631	THV.A00842	Nguyễn Hồng	Hải	05/08/91		Huyện Tam Nông		1	103	2.00	5.50	2.50	10.00	10.00	
632	THV.A00843	Nguyễn Thị	Hải	11/01/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	904	2.00	5.25	2.50	9.75	10.00	
633	THV.A00844	Nguyễn Lệ	Hải	10/04/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	403	3.00	5.50	2.75	11.25	11.50	
634	THV.A00847	Nguyễn Việt	Hải	04/09/90		Huyện Cẩm Khê		1	403	1.75	5.00	3.50	10.25	10.50	
635	THV.A00848	Nguyễn Văn	Hải	11/08/91		Huyện Vĩnh Tường		2NT	306	3.00	4.75	2.25	10.00	10.00	
636	THV.A00849	Nguyễn Thanh	Hải	16/12/90		Huyện Tam Nông		1	403	2.00	4.50	3.50	10.00	10.00	
637	THV.A00852	Nguyễn Hồng	Hải	04/09/86		Huyện Yên Lập	01	1	103	0.00	2.50	3.50	6.00	6.00	
638	THV.A00853	Nguyễn Thị Việt	Hải	25/12/91	Nữ	TP. Việt Trì		1	403	2.25	3.50	2.25	8.00	8.00	
639	THV.A00855	Đặng Xuân	Hải	15/06/91		Huyện Phù Ninh	06	1	304	2.00	3.25	3.00	8.25	8.50	
640	THV.A00856	Chu Trọng	Hải	16/09/91		Huyện Hoàng Hoá		2NT	403	1.25	4.75	3.50	9.50	9.50	
641	THV.A00857	Vũ Minh	Hải	30/01/91		Huyện Phù Ninh		2NT		1.00	3.25	3.75	8.00	8.00	
642	THV.A00858	Nguyễn Duy	Hải	25/08/90		Huyện Lâm Thao		2NT	103	1.00	2.75	1.50	5.25	5.50	
643	THV.A00859	Lưu Văn	Hải	04/02/91		Huyện Vĩnh Tường		2NT	103	0.50	3.50	1.75	5.75	6.00	
644	THV.A00862	Nguyễn Ngọc	Hải	26/02/91		Huyện Lâm Thao		1		0.75	3.50	3.25	7.50	7.50	
645	THV.A00863	Nguyễn Thị	Hải	13/11/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	402	4.25	5.00	3.25	12.50	12.50	
646	THV.A00864	Nguyễn Thị	Hải	29/10/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2	904	0.75	3.00	2.75	6.50	6.50	
647	THV.A00865	Nguyễn Thị	Hải	19/12/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	403	0.50	1.75	2.00	4.25	4.50	
648	THV.A00866	Nguyễn Thị Thanh	Hải	18/12/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	4.25	2.50	3.00	9.75	10.00	
649	THV.A00869	Đặng Thị	Hải	20/10/90	Nữ	Huyện Tam Nông		1	402	1.75	4.75	2.25	8.75	9.00	
650	THV.A00870	Hoàng Minh	Hải	09/09/91		TP. Việt Trì	06	1		4.25	5.50	2.00	11.75	12.00	
651	THV.A00871	Nguyễn Văn	Hảo	28/06/90		Huyện Tam Nông		1	402	0.50	3.25	2.50	6.25	6.50	
652	THV.A00872	Đỗ Thị Thu	Hảo	11/04/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	904	1.50	3.50	3.00	8.00	8.00	
653	THV.A00873	Đình Thanh	Hảo	14/12/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	402	1.50	3.00	4.25	8.75	9.00	
654	THV.A00874	Nguyễn Thị	Hảo	02/08/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	2.00	5.25	2.75	10.00	10.00	
655	THV.A00875	Nguyễn Thị	Hảo	30/11/91	Nữ	Huyện Ba Vì		1		1.75	5.50	2.00	9.25	9.50	
656	THV.A00876	Tạ Thị	Hảo	12/07/91	Nữ	Huyện Tam Đảo		1	904	1.25	2.50	2.25	6.00	6.00	
657	THV.A00877	Lê Thị	Hảo	18/01/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	403	2.00	3.75	2.75	8.50	8.50	
658	THV.A00878	Tạ Thị Thanh	Hảo	10/11/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường	06	2NT	402	0.25	3.75	1.50	5.50	5.50	
659	THV.A00879	Hạ Văn	Hảo	27/09/91		Huyện Vĩnh Tường		2NT	102	1.50	3.25	1.75	6.50	6.50	
660	THV.A00880	Nguyễn Thị Kim	Hạnh	10/09/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	403	3.00	4.75	2.50	10.25	10.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
661	THV.A00881	Bùi Thị Hạnh	23/12/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	101	6.00	7.50	6.50	20.00	20.00	
662	THV.A00882	Nguyễn Thị Hạnh	24/11/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1		2.00	4.25	2.50	8.75	9.00	
663	THV.A00883	Lê Thị Mỹ Hạnh	03/07/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	904	1.25	2.75	2.75	6.75	7.00	
664	THV.A00884	Nông Thị Hạnh	08/07/91	Nữ	Huyện Tam Nông	01	1	402	0.75	2.75	3.50	7.00	7.00	
665	THV.A00885	Nguyễn Thị Hạnh	16/01/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	102	2.75	5.50	3.25	11.50	11.50	
666	THV.A00888	Hoàng Thị Hồng Hạnh	08/04/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		2	306	0.25	3.25	2.50	6.00	6.00	
667	THV.A00889	Đào Thị Hạnh	16/12/91	Nữ	Huyện Hàm Yên		1	402	0.50	2.00	2.25	4.75	5.00	
668	THV.A00890	Lê Thị Hạnh	15/10/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	401	0.75	2.75	1.75	5.25	5.50	
669	THV.A00891	Trần Thị Hạnh	16/01/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	904	1.25	3.75	2.50	7.50	7.50	
670	THV.A00892	Nguyễn Đức Hạnh	05/08/91		Huyện Thanh Ba		1		1.25	4.00	3.25	8.50	8.50	
671	THV.A00893	Nguyễn Thị Hạnh	06/09/91	Nữ	Huyện Sơn Dương		1	401	0.50	4.25	0.75	5.50	5.50	
672	THV.A00894	Vũ Thu Hạnh	12/02/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	2.50	5.00	2.50	10.00	10.00	
673	THV.A00895	Nguyễn Thị Minh Hạnh	10/09/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	402	2.25	4.00	2.50	8.75	9.00	
674	THV.A00896	Bùi Đức Hạnh	10/09/91		TP. Việt Trì	01	2	402	6.75	8.50	5.00	20.25	20.50	
675	THV.A00898	Lâm Thị Hạnh	29/05/91	Nữ	Huyện Bắc Quang		1	103	0.00	2.25	2.50	4.75	5.00	
676	THV.A00899	Trần Thị Mỹ Hạnh	26/09/91	Nữ	Huyện Sơn Dương		1	402	0.75	2.50	2.75	6.00	6.00	
677	THV.A00900	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	11/02/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	102	3.00	5.50	4.50	13.00	13.00	
678	THV.A00902	Dương Phương Hạnh	15/06/90	Nữ	Huyện Tam Nông		1	904	1.75	3.50	2.50	7.75	8.00	
679	THV.A00903	Nguyễn Đức Hạnh	31/07/91		Huyện Thanh Ba		2	103	0.75	2.75	2.25	5.75	6.00	
680	THV.A00904	Vy Thị Hồng Hạnh	01/02/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	403	1.25	4.00	1.50	6.75	7.00	
681	THV.A00906	Nguyễn Hồng Hạnh	03/06/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	3.25	5.50	2.25	11.00	11.00	
682	THV.A00907	Đàm Thị Hạnh	10/11/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	305	0.75	2.75	2.50	6.00	6.00	
683	THV.A00910	Nguyễn Thị Minh Hạnh	25/05/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		2		7.00	6.50	2.50	16.00	16.00	
684	THV.A00911	Đỗ Hồng Hạnh	22/12/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	904	3.25	4.25	2.25	9.75	10.00	
685	THV.A00914	Nguyễn Thị Hạnh	13/08/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	401	4.50	3.75	3.25	11.50	11.50	
686	THV.A00915	Đình Thị Hồng Hạnh	23/09/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	102	1.75	2.50	1.75	6.00	6.00	
687	THV.A00916	Nguyễn Thị Hạnh	12/11/90	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	3.00	5.25	3.00	11.25	11.50	
688	THV.A00917	Lê Thị Hạnh	11/12/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	403	1.25	3.00	2.50	6.75	7.00	
689	THV.A00918	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	15/11/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	403	1.00	3.50	3.00	7.50	7.50	
690	THV.A00920	Đặng Thị Bích Hạnh	25/09/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	403	2.50	4.50	2.75	9.75	10.00	
691	THV.A00921	Nguyễn Thị Hạnh	26/02/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	904	5.75	4.75	4.00	14.50	14.50	
692	THV.A00922	Lưu Thị Hạnh	17/09/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	904	0.00	2.50	2.50	5.00	5.00	
693	THV.A00923	Nguyễn Thị Hạnh	23/09/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	402	5.25	5.00	3.50	13.75	14.00	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
694	THV.A00924	Phùng Ngọc	Hân	10/08/90	Nữ	Huyện Tam Đảo		1	403	2.00	2.25	3.50	7.75	8.00	
695	THV.A00925	Hà Thị	Hân	20/11/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	305	0.25	3.00	1.50	4.75	5.00	
696	THV.A00926	Triệu Thị	Hậu	11/03/91	Nữ	Huyện Văn Yên		1		0.50	2.50	2.75	5.75	6.00	
697	THV.A00927	Cù Thị	Hậu	26/01/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	904	1.00	3.75	4.00	8.75	9.00	
698	THV.A00928	Nguyễn Văn	Hậu	07/08/91		Huyện Đoan Hùng		1	101	2.25	3.00	1.50	6.75	7.00	
699	THV.A00931	Đào Thị	Hậu	02/03/91	Nữ	Huyện Trán Yên		1	402	1.00	3.25	2.50	6.75	7.00	
700	THV.A00932	Trần Thị	Hậu	23/03/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	1.25	3.50	2.50	7.25	7.50	
701	THV.A00934	Vũ Xuân	Hậu	06/06/88		Huyện Bắc Quang		1		1.00	3.25	1.75	6.00	6.00	
702	THV.A00935	Nguyễn Tiến	Hậu	12/10/91		Huyện Thanh Ba		1	101	6.50	7.75	3.50	17.75	18.00	
703	THV.A00936	Lê Thị	Hậu	07/07/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	904	1.25	5.00	2.50	8.75	9.00	
704	THV.A00938	Đình Công	Hậu	01/05/91		Huyện Thanh Sơn	01	1	101	6.00	4.75	3.25	14.00	14.00	
705	THV.A00939	Khổng Thị	Hậu	04/10/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	402	2.25	3.50	2.25	8.00	8.00	
706	THV.A00940	Nguyễn Văn	Hậu	09/09/90		Huyện Yên Lập		1	904	2.25	3.75	2.00	8.00	8.00	
707	THV.A00941	Nguyễn Thị	Hậu	01/08/91	Nữ	Huyện Yên Bình	06	1	403	1.00	3.50	4.50	9.00	9.00	
708	THV.A00942	Trần Thuý	Hậu	27/04/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		0.00	3.00	2.50	5.50	5.50	
709	THV.A00943	Nguyễn Thị	Hậu	16/08/90	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	401	1.75	4.25	2.75	8.75	9.00	
710	THV.A00945	Đặng Thị Thu	Hằng	16/08/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	402	3.25	5.25	2.50	11.00	11.00	
711	THV.A00946	Trịnh Thu	Hằng	04/10/91	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	101	1.50	3.50	2.25	7.25	7.50	
712	THV.A00947	Nguyễn Thu	Hằng	10/03/90	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	904	1.25	2.50	1.75	5.50	5.50	
713	THV.A00948	Bùi Thị Thu	Hằng	09/08/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	402	3.25	6.25	3.25	12.75	13.00	
714	THV.A00949	Nguyễn Thị Thuý	Hằng	22/02/91	Nữ	Huyện Vị Xuyên		1	403	0.00	2.75	2.50	5.25	5.50	
715	THV.A00950	Nguyễn Thị Thu	Hằng	16/05/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	2.00	4.50	2.00	8.50	8.50	
716	THV.A00951	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	08/09/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	101	2.00	5.50	2.50	10.00	10.00	
717	THV.A00952	Phạm Thị Thanh	Hằng	12/03/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	904	0.75	4.75	2.50	8.00	8.00	
718	THV.A00953	Lê Thị	Hằng	10/08/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	0.75	2.50	2.50	5.75	6.00	
719	THV.A00954	Nguyễn Thị Thu	Hằng	20/10/91	Nữ	Huyện Trán Yên		1	403	1.50	1.75	3.00	6.25	6.50	
720	THV.A00955	Lê Thu	Hằng	14/05/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	4.50	5.00	3.50	13.00	13.00	
721	THV.A00956	Lê Thị Thu	Hằng	20/10/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	403	0.75	4.00	1.25	6.00	6.00	
722	THV.A00957	Cao Thị Thu	Hằng	28/08/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	0.25	2.50	2.50	5.25	5.50	
723	THV.A00961	Lê Thị Thanh	Hằng	20/08/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	3.00	5.75	4.25	13.00	13.00	
724	THV.A00962	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	23/11/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	904	1.25	3.50	2.50	7.25	7.50	
725	THV.A00964	Lý Phương	Hằng	12/11/91	Nữ	Huyện Văn Chấn		1	402	2.75	5.00	1.75	9.50	9.50	
726	THV.A00965	Nguyễn Thị Thu	Hằng	20/12/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	5.75	8.00	6.50	20.25	20.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
727	THV.A00966	Vương Thị Thúy	Hằng	12/11/91	Nữ	Huyện Bát Xát	01	1	403	2.25	4.50	3.75	10.50	10.50	
728	THV.A00967	Vi Thị	Hằng	10/08/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2		0.25	4.75	2.00	7.00	7.00	
729	THV.A00968	Dương Thị	Hằng	04/04/88	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	402	5.00	4.75	4.50	14.25	14.50	
730	THV.A00969	Nguyễn Thị	Hằng	29/07/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		2.25	3.25	4.25	9.75	10.00	
731	THV.A00972	Nhâm Thị	Hằng	04/10/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	402	0.75	5.00	2.50	8.25	8.50	
732	THV.A00974	Tôn Thị	Hằng	18/09/90	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	904	1.00	2.75	1.50	5.25	5.50	
733	THV.A00976	Nguyễn Thị	Hằng	24/09/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	101	4.50	5.25	2.75	12.50	12.50	
734	THV.A00977	Kiều Thị Thu	Hằng	14/10/91	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1	402	0.25	1.75	3.25	5.25	5.50	
735	THV.A00978	Hoàng Thị Thu	Hằng	14/07/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	102	4.50	6.50	3.50	14.50	14.50	
736	THV.A00980	Lê Thị Thu	Hằng	03/08/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		3.50	4.75	5.00	13.25	13.50	
737	THV.A00981	Nguyễn Thị	Hằng	07/02/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	0.75	2.50	1.75	5.00	5.00	
738	THV.A00982	Nguyễn Thị Bích	Hằng	05/04/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	401	1.00	3.00	3.75	7.75	8.00	
739	THV.A00983	Lê Thị	Hằng	06/02/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	904	4.25	4.75	3.25	12.25	12.50	
740	THV.A00984	Nguyễn Thị	Hằng	20/11/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	402	1.25	4.25	2.75	8.25	8.50	
741	THV.A00985	Nguyễn Thị Bích	Hằng	05/04/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	904	3.50	5.25	2.75	11.50	11.50	
742	THV.A00986	Khổng Thị Thu	Hằng	17/09/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	3.00	4.25	2.00	9.25	9.50	
743	THV.A00987	Lê Thu	Hằng	01/01/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	101	2.00	5.50	2.50	10.00	10.00	
744	THV.A00988	Nguyễn Thị Thu	Hằng	06/11/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	403	1.00	5.50	1.50	8.00	8.00	
745	THV.A00989	Bùi Thị Thu	Hằng	23/09/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	402	4.25	5.00	2.75	12.00	12.00	
746	THV.A00990	Trương Thị	Hằng	18/09/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	402	3.50	5.50	3.50	12.50	12.50	
747	THV.A00991	Lê Thị Thúy	Hằng	05/09/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	402	2.50	6.00	2.50	11.00	11.00	
748	THV.A00992	Phan Thị	Hằng	05/06/90	Nữ	Huyện Tam Nông		1		0.75	2.25	3.00	6.00	6.00	
749	THV.A00993	Trần Thị Thu	Hằng	24/05/90	Nữ	Huyện Tam Nông		1	904	2.50	6.50	2.50	11.50	11.50	
750	THV.A00994	Phùng Thị Thu	Hằng	01/06/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	402	1.00	3.50	2.25	6.75	7.00	
751	THV.A00995	Trần Thị	Hằng	09/02/90	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	904	0.00	2.25	1.50	3.75	4.00	
752	THV.A00996	Vũ Thị Thu	Hằng	20/01/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1		2.00	3.50	2.25	7.75	8.00	
753	THV.A00997	Phan Thị Thu	Hằng	09/03/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	306	0.75	4.00	2.00	6.75	7.00	
754	THV.A00998	Nguyễn Thị Thu	Hằng	18/12/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	403	2.50	4.25	3.50	10.25	10.50	
755	THV.A00999	Nguyễn Thị Thu	Hằng	15/11/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1		0.75	2.50	1.00	4.25	4.50	
756	THV.A01000	Nguyễn Thu	Hằng	10/01/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	402	1.00	3.00	2.50	6.50	6.50	
757	THV.A01001	Đỗ Thị Thanh	Hằng	06/12/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	305	1.00	3.50	3.50	8.00	8.00	
758	THV.A01003	Nguyễn Thị	Hằng	08/01/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	904	2.00	5.50	4.50	12.00	12.00	
759	THV.A01004	Khổng Thị	Hằng	28/10/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	304	2.00	4.25	2.25	8.50	8.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
760	THV.A01005	Trần Thị	Hằng	06/09/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	0.50	3.00	2.00	5.50	5.50	
761	THV.A01007	Bùi Thị Thuý	Hằng	19/03/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	101	2.00	3.25	2.50	7.75	8.00	
762	THV.A01011	Nguyễn Thị	Hằng	03/04/90	Nữ	Huyện Tam Nông		1	402	2.00	2.75	3.25	8.00	8.00	
763	THV.A01012	Lê Thị Thu	Hằng	14/10/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	403	0.75	2.50	2.50	5.75	6.00	
764	THV.A01013	Nguyễn Thanh	Hằng	13/12/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1		6.25	6.50	4.50	17.25	17.50	
765	THV.A01014	Nguyễn Thu	Hằng	23/02/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	402	2.25	5.25	4.75	12.25	12.50	
766	THV.A01016	Phạm Thị	Hằng	09/08/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	103	1.25	2.50	2.25	6.00	6.00	
767	THV.A01018	Nguyễn Thị	Hằng	10/07/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	402	2.50	2.00	2.50	7.00	7.00	
768	THV.A01020	Tạ Thị	Hằng	27/09/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	103	2.75	3.00	3.50	9.25	9.50	
769	THV.A01021	Hán Thị Ngọc	Hiên	13/12/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	403	2.50	2.50	2.75	7.75	8.00	
770	THV.A01024	Nguyễn Thị	Hiên	23/11/90	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1		1.25	4.00	2.50	7.75	8.00	
771	THV.A01025	Nguyễn Thị	Hiên	21/11/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	402	2.25	4.00	2.50	8.75	9.00	
772	THV.A01026	Bùi Thị Thu	Hiên	13/07/91	Nữ	Huyện Hàm Yên		1	403	0.00	1.75	2.25	4.00	4.00	
773	THV.A01028	Thiếu Thị	Hiên	03/09/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	101	3.50	7.50	3.50	14.50	14.50	
774	THV.A01029	Phạm Thị Thanh	Hiên	16/05/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	101	1.75	5.50	2.25	9.50	9.50	
775	THV.A01031	Nguyễn Văn	Hiển	12/02/91		Huyện Lâm Thao		1	401	3.00	4.25	2.25	9.50	9.50	
776	THV.A01033	Trần Thị	Hiển	25/07/92	Nữ	Huyện Hàm Yên	01	1	403	2.75	5.25	2.25	10.25	10.50	
777	THV.A01034	Nguyễn Xuân	Hiếu	23/07/91		TP. Việt Trì		2	403	0.00	2.50	2.50	5.00	5.00	
778	THV.A01035	Trần Trung	Hiếu	15/04/91		Huyện Tam Nông		2		1.25	2.50	2.00	5.75	6.00	
779	THV.A01037	Hà Thị	Hiếu	15/06/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	0.25	2.75	3.00	6.00	6.00	
780	THV.A01038	Hà Minh	Hiếu	14/04/91		Huyện Tân Sơn	01	1	101	1.25	3.25	1.50	6.00	6.00	
781	THV.A01040	Hoàng Thị Minh	Hiếu	17/02/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	402	1.00	2.75	2.25	6.00	6.00	
782	THV.A01042	La Trung	Hiếu	14/08/90		Huyện Văn Chấn	01	1	103	0.50	3.25	3.50	7.25	7.50	
783	THV.A01043	Hà Chí	Hiếu	19/10/89		Huyện Thanh Ba		2		0.00	3.75	2.50	6.25	6.50	
784	THV.A01044	Đình Công	Hiếu	01/04/91		Thị xã Phú Thọ		2	103	1.25	3.25	2.75	7.25	7.50	
785	THV.A01045	Đỗ Hữu	Hiếu	22/03/90		Huyện Hạ Hoà		1	904	1.00	4.50	3.50	9.00	9.00	
786	THV.A01046	Lê Chung	Hiếu	08/10/91		Huyện Lâm Thao	06	2	402	0.25	3.50	3.50	7.25	7.50	
787	THV.A01047	Nhâm Hùng	Hiếu	28/08/91		Huyện Lập Thạch		1	403	0.50	2.25	3.00	5.75	6.00	
788	THV.A01048	Nguyễn Văn	Hiếu	09/04/88		Huyện Bảo Thắng		1	402	1.00	4.25	2.75	8.00	8.00	
789	THV.A01049	Nguyễn Trung	Hiếu	08/12/91		Huyện Bắc Quang		1	403	1.75	2.75	2.25	6.75	7.00	
790	THV.A01050	Trần Đức	Hiếu	23/07/91		Huyện Lục Yên		1		1.25	4.25	3.00	8.50	8.50	
791	THV.A01051	Phạm Văn	Hiếu	24/01/91		Huyện Yên Lạc		2NT	103	2.50	4.00	3.00	9.50	9.50	
792	THV.A01053	Lê Thị	Hiển	15/11/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	103	2.75	6.50	4.75	14.00	14.00	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
793	THV.A01055	Vũ Thế	Hiển	26/08/91		Huyện Cẩm Khê		1	401	0.25	5.00	1.75	7.00	7.00	
794	THV.A01057	Triệu Quang	Hiệp	06/05/90		Huyện Phù Ninh	06	2NT		3.00	5.50	3.75	12.25	12.50	
795	THV.A01058	Hoàng Đức	Hiệp	26/09/90		Huyện Văn Chấn		1	103	0.50	2.50	2.50	5.50	5.50	
796	THV.A01059	Hà Nghĩa	Hiệp	19/09/91		Huyện Thanh Ba		2	402	3.00	5.50	5.75	14.25	14.50	
797	THV.A01060	Lê Văn	Hiệp	07/09/91		Huyện Thanh Ba		1		2.25	6.50	3.50	12.25	12.50	
798	THV.A01061	Vi Quang	Hiệp	06/08/91		Huyện Thanh Ba		2		2.25	3.50	3.75	9.50	9.50	
799	THV.A01062	Nguyễn Thị Thu	Hiệp	28/05/91	Nữ	Thành phố Vĩnh Yên		2	402	0.75	3.75	2.00	6.50	6.50	
800	THV.A01063	Nguyễn Hoàng	Hiệp	20/10/91		Huyện Phù Ninh		1	103	0.75	3.50	2.75	7.00	7.00	
801	THV.A01065	Trần Thị Thu	Hiển	14/06/91	Nữ	Huyện Sơn Dương		1		0.75	3.50	3.25	7.50	7.50	
802	THV.A01066	Đặng Thuý	Hiển	14/09/91	Nữ	Huyện Bắc Hà		1	102	1.25	3.50	3.00	7.75	8.00	
803	THV.A01069	Nguyễn Thảo	Hiển	05/08/91	Nữ	Thị xã Tuyên Quang		1	402	1.50	4.00	4.50	10.00	10.00	
804	THV.A01070	Hoàng Thị	Hiển	17/08/89	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1	904	0.50	1.50	1.00	3.00	3.00	
805	THV.A01071	Hoàng Thị	Hiển	07/03/91	Nữ	Huyện Sơn Dương		1	401	0.75	5.50	2.50	8.75	9.00	
806	THV.A01072	Vũ Thị	Hiển	18/03/91	Nữ	Huyện Văn Yên		1	904	2.50	6.00	1.75	10.25	10.50	
807	THV.A01073	Lù Thị	Hiển	11/09/91	Nữ	Huyện Yên Minh	01	1	102	1.75	4.50	2.00	8.25	8.50	
808	THV.A01075	Hoàng Thị	Hiển	23/10/91	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1	402	2.00	4.25	2.50	8.75	9.00	
809	THV.A01076	Hoàng Thu	Hiển	27/09/91	Nữ	Huyện Yên Bình		1	101	2.50	5.25	3.50	11.25	11.50	
810	THV.A01078	Hoàng Thị Thu	Hiển	20/06/89	Nữ	Thành phố Yên Bái		1		0.50	4.50	2.75	7.75	8.00	
811	THV.A01079	Nguyễn Thị Thu	Hiển	28/08/91	Nữ	Huyện Bắc Quang		1	403	2.25	3.50	3.00	8.75	9.00	
812	THV.A01080	Nguyễn Thị Thanh	Hiển	02/03/91	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	403	2.25	4.75	1.50	8.50	8.50	
813	THV.A01081	Trần Thị Thanh	Hiển	20/05/90	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	102	1.50	2.75	3.50	7.75	8.00	
814	THV.A01082	Sân Thị	Hiển	05/01/90	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1	904	0.25	2.75	1.50	4.50	4.50	
815	THV.A01084	Lại Thị	Hiển	12/03/90	Nữ	Huyện Lục Yên		1	402	2.00	5.75	2.50	10.25	10.50	
816	THV.A01086	Lê Thị Thuý	Hiển	13/11/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2	904	0.50	3.25	2.75	6.50	6.50	
817	THV.A01087	Bùi Thị Thu	Hiển	23/07/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	402	4.25	6.25	3.00	13.50	13.50	
818	THV.A01089	Nguyễn Thị	Hiển	15/03/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	102	1.75	2.75	2.50	7.00	7.00	
819	THV.A01090	Văn Thị Thanh	Hiển	11/09/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2	403	6.50			6.50	6.50	
820	THV.A01091	Trần Thị Thu	Hiển	20/01/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	402	2.25	5.75	4.25	12.25	12.50	
821	THV.A01092	Nguyễn Thị Thanh	Hiển	18/09/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	402	2.25	2.75	2.25	7.25	7.50	
822	THV.A01093	Nguyễn Thị	Hiển	06/06/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	6.50	8.25	4.25	19.00	19.00	
823	THV.A01094	Vũ Thị Thu	Hiển	11/12/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	402	1.25	4.50	2.50	8.25	8.50	
824	THV.A01095	Hoàng Thị Thu	Hiển	30/08/90	Nữ	Huyện Lâm Thao	06	2	103	0.25	2.50	3.75	6.50	6.50	
825	THV.A01096	Đỗ Thị Thu	Hiển	08/07/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	1.00	2.50	1.50	5.00	5.00	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
826	THV.A01098	Lương Thị Hiền	06/12/91	Nữ	Huyện Tam Nông		2	402	5.50	5.25	7.25	18.00	18.00	
827	THV.A01099	Ngô Thị Hiền	02/02/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	102	3.00	5.50	2.75	11.25	11.50	
828	THV.A01101	Vũ Thị Hiền	16/02/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	2.25	2.50	2.50	7.25	7.50	
829	THV.A01102	Nguyễn Thị Thu Hiền	24/08/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	1.50	2.25	2.50	6.25	6.50	
830	THV.A01105	Trần Thị Hiền	02/01/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	402	1.25	2.50	3.25	7.00	7.00	
831	THV.A01106	Phạm Thị Thu Hiền	15/07/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	403	2.00	4.50	3.50	10.00	10.00	
832	THV.A01107	Hà Thị Hiền	29/06/91	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	103	1.50	4.00	2.75	8.25	8.50	
833	THV.A01108	Thiều Thị Thu Hiền	17/10/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	3.25	3.00	1.75	8.00	8.00	
834	THV.A01110	Nguyễn Thị Thu Hiền	23/04/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	3.75	3.50	2.50	9.75	10.00	
835	THV.A01112	Phạm Thị Thu Hiền	30/09/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê	06	2NT	402	4.00	4.75	2.25	11.00	11.00	
836	THV.A01115	Viết Thị Minh Hiền	12/12/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ	06	2	402	1.75	3.75	3.50	9.00	9.00	
837	THV.A01116	Khuất Thị Thu Hiền	18/12/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		2		2.50	4.00	3.00	9.50	9.50	
838	THV.A01117	Nguyễn Thị Thu Hiền	15/02/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	403	4.00	7.00	4.50	15.50	15.50	
839	THV.A01118	Nguyễn Thị Thu Hiền	20/06/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	402	0.00	2.50	3.50	6.00	6.00	
840	THV.A01119	Vũ Thị Thu Hiền	11/05/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	1.25	2.50	4.50	8.25	8.50	
841	THV.A01120	Nguyễn Thị Thu Hiền	27/02/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	402	4.00	5.50	2.25	11.75	12.00	
842	THV.A01122	Đào Thị Hiền	08/03/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	403	2.25	3.75	3.50	9.50	9.50	
843	THV.A01125	Đoàn Thị Hiền	24/02/91	Nữ	Thị xã Phúc Yên		2	403	0.25	2.75	1.50	4.50	4.50	
844	THV.A01126	Trần Thị Hiền	18/10/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	402	4.75	6.00	3.25	14.00	14.00	
845	THV.A01127	Nguyễn Thị Thu Hiền	30/10/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	403	2.75	4.00	4.00	10.75	11.00	
846	THV.A01128	Trần Thị Hiền	20/02/91	Nữ	TP. Việt Trì		2NT	904	2.50	3.75	2.50	8.75	9.00	
847	THV.A01131	Nguyễn Thị Thu Hiền	10/08/91	Nữ	TP. Việt Trì		1	403	1.75	3.00	2.25	7.00	7.00	
848	THV.A01132	Hạ Thị Hiền	07/01/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	3.00	2.75	3.75	9.50	9.50	
849	THV.A01133	Phan Thị Hiền	22/11/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường	06	2NT	101	4.00	3.75	2.75	10.50	10.50	
850	THV.A01134	Lê Thị Hiền	28/06/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1		1.75	6.25	5.25	13.25	13.50	
851	THV.A01135	Nguyễn Thị Hiền	28/02/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	402	0.75	3.50	2.00	6.25	6.50	
852	THV.A01136	Phạm Thị Hiền	01/05/90	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	101	3.25	5.50	3.50	12.25	12.50	
853	THV.A01137	Trần Thị Phương Hiền	25/08/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		1	904	0.50	2.50	1.50	4.50	4.50	
854	THV.A01139	Trần Văn Hiền	23/10/90		Huyện Phù Ninh	04	1	904	0.75	3.00	2.50	6.25	6.50	
855	THV.A01140	Nguyễn Thị Hiền	10/04/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	101	0.00	2.50	1.50	4.00	4.00	
856	THV.A01141	Đào Thị Hiền	30/06/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	402	0.00	3.50	1.75	5.25	5.50	
857	THV.A01145	Nguyễn Thị Lê Hiền	16/07/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	402	3.00	4.00	3.00	10.00	10.00	
858	THV.A01146	Phạm Thị Thu Hiền	06/04/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	403	1.25	2.75	2.50	6.50	6.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
859	THV.A01147	Bùi Thị	Hiên	20/02/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	904	3.00	4.00	2.75	9.75	10.00	
860	THV.A01148	Đỗ Thị	Hiên	06/02/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		2NT	904	3.75	6.50	4.25	14.50	14.50	
861	THV.A01150	Trần Thị Thu	Hình	05/08/91	Nữ	Huyện Trần Yên	01	1	101	0.25	4.50	1.75	6.50	6.50	
862	THV.A01151	Hoàng Thị	Hoa	03/10/91	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1	403	1.00	3.50	1.50	6.00	6.00	
863	THV.A01155	Phí Thị Yến	Hoa	21/01/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1		0.00	3.00	2.50	5.50	5.50	
864	THV.A01156	Phạm Phương	Hoa	03/06/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	401	0.75	4.50	2.75	8.00	8.00	
865	THV.A01157	Nguyễn Diệu	Hoa	23/01/90	Nữ	Thị xã Tuyên Quang		1		1.00	3.75	2.75	7.50	7.50	
866	THV.A01158	Bùi Thanh	Hoa	27/05/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	403	1.50	4.50	3.75	9.75	10.00	
867	THV.A01160	Hà Phương	Hoa	29/11/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	403	3.00	6.50	1.50	11.00	11.00	
868	THV.A01161	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	05/11/90	Nữ	Huyện Yên Lập		1	403	4.00	5.75	4.25	14.00	14.00	
869	THV.A01162	Trần Thị Kim	Hoa	05/04/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	4.75	4.75	2.00	11.50	11.50	
870	THV.A01163	Đỗ Thị	Hoa	09/09/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	402	2.75	5.50	3.75	12.00	12.00	
871	THV.A01164	Nguyễn Thị Thuý	Hoa	09/10/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	102	3.25	4.50	4.25	12.00	12.00	
872	THV.A01165	Nguyễn Tổ	Hoa	08/08/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		0.75	4.00	3.75	8.50	8.50	
873	THV.A01167	Nguyễn Thị Hồng	Hoa	25/11/91	Nữ	Huyện Yên Bình		1	402	3.00	6.25	3.00	12.25	12.50	
874	THV.A01168	Chu Thị	Hoa	01/07/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	402	0.75	2.50	2.25	5.50	5.50	
875	THV.A01169	Bùi Thị Liên	Hoa	18/09/90	Nữ	Huyện Bắc Hà		1		3.25	7.00	3.25	13.50	13.50	
876	THV.A01170	Trần Thị Mai	Hoa	25/05/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	3.25	7.00	4.25	14.50	14.50	
877	THV.A01171	Lê Thị	Hoa	13/11/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	402	0.75	2.75	3.50	7.00	7.00	
878	THV.A01173	Trần Thị	Hoa	20/05/91	Nữ	Huyện Bát Xát		1	904	4.25	6.25	2.75	13.25	13.50	
879	THV.A01174	Nguyễn Thị Như	Hoa	01/11/91	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	102	2.25	3.50	2.75	8.50	8.50	
880	THV.A01175	Lê Thị	Hoa	13/04/82	Nữ	Huyện Yên Lập	06	2NT	904	1.00	2.75	3.25	7.00	7.00	
881	THV.A01176	Hồ Thị Phương	Hoa	20/08/91	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	403	0.25	3.75	2.50	6.50	6.50	
882	THV.A01177	Hoàng Thị	Hoa	17/06/90	Nữ	TP. Việt Trì		2NT	402	1.25	2.75	2.50	6.50	6.50	
883	THV.A01179	Lương Thị	Hoa	26/09/91	Nữ	Huyện Văn Yên		1	403	1.25	3.00	1.50	5.75	6.00	
884	THV.A01180	Trần Thị Thanh	Hoa	06/10/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	5.25	7.50	4.25	17.00	17.00	
885	THV.A01181	Nguyễn Thị Hồng	Hoa	06/09/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	102	3.50	5.50	2.50	11.50	11.50	
886	THV.A01183	Lê Đặng Diệu	Hoa	10/12/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	3.75	3.50	2.00	9.25	9.50	
887	THV.A01185	Lý Thị Như	Hoa	16/03/91	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	402	0.00	2.50	2.00	4.50	4.50	
888	THV.A01186	Lê Thuỳ	Hoa	13/01/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		0.50	2.50	2.50	5.50	5.50	
889	THV.A01187	Lê Thị	Hoa	10/02/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	402	4.50	4.25	2.00	10.75	11.00	
890	THV.A01188	Phạm Thị Ngọc	Hoa	20/08/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	402	1.00	2.75	3.00	6.75	7.00	
891	THV.A01189	Đỗ Thị	Hoa	05/03/91	Nữ	TP. Việt Trì	06	2	402	3.00	8.25	3.50	14.75	15.00	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
892	THV.A01190	Đặng Thị Thuý Hoa	12/09/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	0.25	2.50	2.50	5.25	5.50	
893	THV.A01192	Triệu Thị Thanh Hoa	25/08/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	101	4.25	6.75	4.50	15.50	15.50	
894	THV.A01193	Hoàng Ngọc Hoa	10/10/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		2NT	402	1.75	5.50	2.75	10.00	10.00	
895	THV.A01194	Lê Thị Thanh Hoa	01/08/91	Nữ	TP. Việt Trì		2NT	402	0.25	3.50	3.50	7.25	7.50	
896	THV.A01195	Trần Thị Hoa	17/07/91	Nữ	Huyện Lập Thạch	06	1	904	1.75	2.75	2.50	7.00	7.00	
897	THV.A01196	Đào Thị Hoa	08/03/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	401	2.00	3.50	2.25	7.75	8.00	
898	THV.A01197	Nguyễn Thị Hoa	20/10/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	402	0.50	3.25	1.50	5.25	5.50	
899	THV.A01198	Nguyễn Thị Hoa	25/04/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	403	2.75	4.50	3.50	10.75	11.00	
900	THV.A01199	Hoàng Thị Hoa	10/08/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	403	1.00	3.75	1.50	6.25	6.50	
901	THV.A01200	Lam Thị Hoa	04/05/91	Nữ	Huyện Tam Đảo	01	1	904	2.75	3.00	2.00	7.75	8.00	
902	THV.A01201	Nguyễn Thị Như Hoa	14/07/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	101	1.75	3.50	1.75	7.00	7.00	
903	THV.A01203	Trần Thị Hoa	20/11/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	1.00	4.25	1.75	7.00	7.00	
904	THV.A01204	Nguyễn Thị Hoa	05/09/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	402	3.25	2.75	2.75	8.75	9.00	
905	THV.A01206	Trần Thị Hoa	18/02/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	403	1.25	3.75	2.50	7.50	7.50	
906	THV.A01207	Trương Thị Hoa	03/02/91	Nữ	Huyện Tam Đảo	01	kv1	402	0.50	3.50	2.50	6.50	6.50	
907	THV.A01208	Nguyễn Thị Thanh Hoa	27/04/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1		0.25	2.50	3.25	6.00	6.00	
908	THV.A01209	Hoàng Thị Thanh Hoa	26/02/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	2.25	3.50	2.50	8.25	8.50	
909	THV.A01210	Nguyễn Thị Hoa	27/06/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	403	1.50	2.50	2.00	6.00	6.00	
910	THV.A01212	Trần Thị Hoa	04/04/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	101	2.25	5.50	5.00	12.75	13.00	
911	THV.A01213	Phạm Thị Thanh Hoa	11/08/90	Nữ	Huyện Tam Nông		1	904	2.75	2.00	2.50	7.25	7.50	
912	THV.A01214	Nguyễn Thị Hoa	02/09/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	403	0.25	2.50	1.25	4.00	4.00	
913	THV.A01215	Nguyễn Thị Hoa	05/05/91	Nữ	Huyện Tĩnh Gia		2NT	402	1.75	2.50	1.75	6.00	6.00	
914	THV.A01216	Nguyễn Công Hoan	23/07/91		Huyện Tam Nông		1	401	1.25	3.25	2.00	6.50	6.50	
915	THV.A01218	Kim Anh Hoan	13/08/90		Huyện Vĩnh Tường		2NT	101	4.75	3.50	2.25	10.50	10.50	
916	THV.A01219	Hà Văn Hoan	24/04/91		Huyện Thanh Thủy		1	101	1.50	4.00	1.50	7.00	7.00	
917	THV.A01221	Dương Thị Thanh Hoà	22/03/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	3.00	8.00	3.50	14.50	14.50	
918	THV.A01222	Vũ Khánh Hoà	10/06/91	Nữ	Huyện Trấn Yên		1	101	1.75	2.75	2.50	7.00	7.00	
919	THV.A01223	Lạc Văn Hoà	28/08/91		Huyện Lục Yên	01	1	403	0.50	4.00	3.50	8.00	8.00	
920	THV.A01225	Nguyễn Duy Hoà	09/11/91		Huyện Mường Khương		1	904	0.50	3.50	2.25	6.25	6.50	
921	THV.A01226	Nguyễn Trung Hoà	05/10/91		Huyện Lâm Thao		1	103	1.25	2.75	2.25	6.25	6.50	
922	THV.A01227	Nguyễn Hữu Hoà	06/03/91		Huyện Tam Dương		2NT	102	3.25	6.50	5.25	15.00	15.00	
923	THV.A01228	Lê Thị Việt Hoà	17/03/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2	402	1.50	5.00	2.50	9.00	9.00	
924	THV.A01229	Trần Thị Khánh Hoà	16/02/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	403	3.00	4.75	3.75	11.50	11.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
925	THV.A01230	Trần Thị Thanh	Hoà	19/07/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	904	1.50	7.25	2.50	11.25	11.50	
926	THV.A01232	Đình Thị	Hoà	17/10/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2	402	1.25	4.25	2.75	8.25	8.50	
927	THV.A01233	Trần Thị	Hoà	03/03/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	403	4.00	6.25	2.75	13.00	13.00	
928	THV.A01234	Cao Thị Khánh	Hoà	05/10/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	402	2.00	3.50	4.50	10.00	10.00	
929	THV.A01235	Phạm Thị	Hoà	05/04/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	402	1.75	3.50	2.50	7.75	8.00	
930	THV.A01236	Hoàng Văn	Hoà	03/01/91		Huyện Yên Lập	01	1	101	2.75	2.50	2.75	8.00	8.00	
931	THV.A01237	Lê Chí	Hoà	05/10/91		Huyện Lập Thạch		2	403	1.00	3.50	2.75	7.25	7.50	
932	THV.A01238	Phan Thị	Hoà	23/10/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	402	2.25	3.50	3.00	8.75	9.00	
933	THV.A01239	Trần Thanh	Hoà	10/03/90	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1		1.00	3.50	4.50	9.00	9.00	
934	THV.A01240	Hà Thị Khánh	Hoà	02/09/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1	402	2.25	2.50	2.50	7.25	7.50	
935	THV.A01241	Đỗ Ngọc	Hoà	29/01/91		Huyện Cẩm Khê		1		1.25	3.25	3.25	7.75	8.00	
936	THV.A01242	Phùng Thị	Hoà	24/06/91	Nữ	Thành phố Vĩnh Yên		2NT	904	1.25	2.75	2.00	6.00	6.00	
937	THV.A01244	Nguyễn Thị Thanh	Hoà	12/02/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	0.50	3.25	3.25	7.00	7.00	
938	THV.A01246	Đặng Trung	Hoà	04/05/91		Huyện Thanh Ba		2		4.00	4.00	2.75	10.75	11.00	
939	THV.A01247	Nguyễn Thị	Hoà	05/12/90	Nữ	Thành phố Vĩnh Yên		2	402	3.75	5.50	4.50	13.75	14.00	
940	THV.A01248	Khổng Thị	Hoà	12/09/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	0.75	3.00	2.25	6.00	6.00	
941	THV.A01249	Phan Thị	Hoà	07/11/90	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	403	2.75	4.50	2.25	9.50	9.50	
942	THV.A01252	Phạm Thị Phương	Hoài	27/11/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		0.75	5.50	2.25	8.50	8.50	
943	THV.A01253	Triệu Thị Thu	Hoài	22/11/91	Nữ	Thành phố Yên Bái	01	1	101	5.00	5.50	2.50	13.00	13.00	
944	THV.A01254	Nguyễn Tô	Hoài	02/08/90		Huyện Lâm Thao		2NT		0.75	5.00	5.50	11.25	11.50	
945	THV.A01255	Lê Thuý	Hoài	17/10/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1		3.00	6.00	2.50	11.50	11.50	
946	THV.A01257	Dương Thị Thu	Hoài	29/07/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		2	402	3.00	3.00	2.00	8.00	8.00	
947	THV.A01258	Nguyễn Thị Thu	Hoài	24/04/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	101	3.25	5.75	3.00	12.00	12.00	
948	THV.A01259	Lê Thị Thu	Hoài	24/06/90	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	403	0.50	2.50	2.00	5.00	5.00	
949	THV.A01260	Mai Thị	Hoài	05/04/91	Nữ	Huyện Yên Bình		1		1.25	4.00	2.00	7.25	7.50	
950	THV.A01261	Nguyễn Thị	Hoài	28/09/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	103	2.25	3.25	2.50	8.00	8.00	
951	THV.A01262	Vũ Thị	Hoài	06/04/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	403	0.75	2.00	2.50	5.25	5.50	
952	THV.A01263	Nguyễn Thị	Hoàn	22/07/90	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	101	4.00	4.50	2.50	11.00	11.00	
953	THV.A01265	Lương Thị	Hoàn	15/10/91	Nữ	Thành phố Vĩnh Yên		2NT		1.75	4.25	3.50	9.50	9.50	
954	THV.A01266	Hoàng Thị	Hoàn	01/08/91	Nữ	Huyện Vị Xuyên		1		2.25	4.75	2.75	9.75	10.00	
955	THV.A01267	Nguyễn Thị	Hoàn	09/07/91	Nữ	Thành phố Yên Bái	01	1	904	2.25	4.25	2.25	8.75	9.00	
956	THV.A01269	Mã Đình	Hoàn	09/12/91		Huyện Lục Yên	01	1	401	3.00	4.50	2.50	10.00	10.00	
957	THV.A01274	Nguyễn Thái	Hoàng	23/05/89		Huyện Na Hang	01	1		1.00	2.75	2.00	5.75	6.00	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
958	THV.A01275	Đình Thái	Hoàng	08/11/91		Huyện Yên Lập	01	1	306	2.25	2.25	2.50	7.00	7.00	
959	THV.A01276	Nguyễn Tuấn	Hoàng	03/08/91		Huyện Phù Ninh		2	401	2.75	7.50	5.25	15.50	15.50	
960	THV.A01278	Nguyễn Minh	Hoàng	08/07/91		Thành phố Yên Bái		1		1.75	5.75	3.50	11.00	11.00	
961	THV.A01279	Bùi Đức	Hoàng	08/12/91		TP. Việt Trì		2	402	2.25	7.00	4.50	13.75	14.00	
962	THV.A01280	Nguyễn Ngọc	Hoàng	22/07/91		Huyện Hạ Hoà		1	102	3.00	6.25	2.50	11.75	12.00	
963	THV.A01281	Trần Anh	Hoàng	25/12/91		Huyện Tam Dương		2NT	102	1.50	5.25	1.75	8.50	8.50	
964	THV.A01282	Phạm Văn	Hoàng	10/12/91		Huyện Thanh Ba		1	402	3.00	3.50	2.25	8.75	9.00	
965	THV.A01283	Đào Huy	Hoàng	24/03/91		Huyện Thanh Sơn		1	306	3.50	5.75	3.50	12.75	13.00	
966	THV.A01284	Trần Xuân	Hoàng	20/09/90		Huyện Lâm Thao		1	103	2.25	5.25	2.75	10.25	10.50	
967	THV.A01285	Đào Lê	Hoàng	26/12/91		TP. Việt Trì		2	403	2.00	5.25	2.50	9.75	10.00	
968	THV.A01287	Phạm Thanh	Hoàng	19/09/90		TP. Việt Trì		2		0.75	3.25	2.75	6.75	7.00	
969	THV.A01288	Trần Ngọc	Hoàng	25/04/91		Huyện Lâm Thao		2NT	401	2.00	6.25	2.00	10.25	10.50	
970	THV.A01291	Hà Đức Minh	Hoàng	09/03/90		Huyện Tam Nông		1	403	2.50	5.50	2.00	10.00	10.00	
971	THV.A01293	Phạm Xuân	Hoàng	11/08/91		TP. Việt Trì		2	403	2.75	5.50	2.50	10.75	11.00	
972	THV.A01294	Trần Thị	Hòa	15/10/91	Nữ	Huyện Mê Linh		2NT	401	0.00	2.25	1.75	4.00	4.00	
973	THV.A01296	Trần Thị	Hòa	20/02/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	402	1.25	2.50	1.25	5.00	5.00	
974	THV.A01298	Vi Khánh	Hòa	17/09/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	403	1.00	3.50	1.75	6.25	6.50	
975	THV.A01299	Dương Văn	Hòa	06/12/91		Huyện Bình Xuyên		2NT	401	4.25	5.00	2.25	11.50	11.50	
976	THV.A01300	Trần Minh	Học	13/03/91		Huyện Ba Vì		1	101	1.00	4.25	2.50	7.75	8.00	
977	THV.A01301	Nguyễn Thái	Học	17/11/91		Huyện Lập Thạch		2NT	101	1.25	4.50	1.75	7.50	7.50	
978	THV.A01302	Mông Văn	Học	23/06/91		Huyện Lục Yên	01	1	904	1.00	5.00	2.50	8.50	8.50	
979	THV.A01304	Trần Ngọc	Hồ	17/10/91		Huyện Cẩm Khê		2NT	401	1.25	4.00	1.50	6.75	7.00	
980	THV.A01305	Vàng Seo	Hồ	17/05/87	Nữ	Huyện Bắc Hà	01	1	101	2.00	4.25	1.50	7.75	8.00	
981	THV.A01306	Phùng Thị	Hồi	02/08/91	Nữ	Huyện Sơn Dương		1	102	0.25	3.00	3.25	6.50	6.50	
982	THV.A01307	Đình Thị Thuý	Hồng	16/12/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	403	4.50	6.50	4.25	15.25	15.50	
983	THV.A01308	Nguyễn Thị	Hồng	25/10/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT		0.75	2.75	2.00	5.50	5.50	
984	THV.A01310	Hoàng Thị	Hồng	15/07/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1		1.50	4.75	2.75	9.00	9.00	
985	THV.A01311	Ngô Bích	Hồng	24/02/91	Nữ	Huyện ứng Hoà		2NT	101	4.25	6.50	3.00	13.75	14.00	
986	THV.A01312	Nguyễn ánh	Hồng	05/09/91	Nữ	Huyện Yên Bình		1	904	1.25	4.25	3.50	9.00	9.00	
987	THV.A01313	Nguyễn Thị	Hồng	16/02/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	102	7.00	5.50	6.25	18.75	19.00	
988	THV.A01314	Lê Thị Kim	Hồng	13/10/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2	402	1.25	4.50	2.75	8.50	8.50	
989	THV.A01315	Lê Thị	Hồng	13/03/91	Nữ	Huyện Trấn Yên	06	1	401	1.25	5.00	1.75	8.00	8.00	
990	THV.A01316	Nguyễn Thị Phương	Hồng	26/09/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	6.00	4.25	3.50	13.75	14.00	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
991	THV.A01317	Nguyễn Thị Hồng	02/03/91	Nữ	Huyện Mỹ Đức		2NT	403	1.50	4.50	3.00	9.00	9.00	
992	THV.A01319	Đào Thị Hồng	08/08/87	Nữ	Huyện Mường Khương		1		0.75	3.25	2.75	6.75	7.00	
993	THV.A01320	Hà Thị Thuý Hồng	29/01/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	401	3.00	5.00	4.25	12.25	12.50	
994	THV.A01322	Đình Thị ánh Hồng	09/02/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	403	2.75	4.75	2.50	10.00	10.00	
995	THV.A01323	Dương Thị Hồng	08/12/89	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	402	0.75	2.75	2.25	5.75	6.00	
996	THV.A01324	Phạm Thị ánh Hồng	26/02/91	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	402	1.75	4.50	2.50	8.75	9.00	
997	THV.A01326	Lê Thị Hồng	06/01/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		0.00	3.00	1.50	4.50	4.50	
998	THV.A01327	Phan Thị Thanh Hồng	25/12/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	403	0.50	2.00	2.25	4.75	5.00	
999	THV.A01328	Nguyễn Thị Hồng	18/06/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	904	1.25	4.25	2.50	8.00	8.00	
1000	THV.A01330	Mê Thúy Hồng	05/07/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	402	3.75	6.75	2.00	12.50	12.50	
1001	THV.A01331	Nguyễn Thị Hồng	21/06/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	403	2.75	5.00	3.50	11.25	11.50	
1002	THV.A01332	Đỗ Thị ánh Hồng	13/11/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	402	1.75	2.25	1.50	5.50	5.50	
1003	THV.A01333	Khuất Thị Hồng	14/03/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	3.50	7.75	5.50	16.75	17.00	
1004	THV.A01334	Đình Thị Bích Hồng	24/07/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	403	1.25	2.75	1.50	5.50	5.50	
1005	THV.A01335	Trần Thị Hồng	20/10/90		Huyện Vĩnh Tường		2NT	403	0.50	2.50	2.00	5.00	5.00	
1006	THV.A01338	Vương Thị Bích Hồng	27/12/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1	401	1.25	4.75	2.75	8.75	9.00	
1007	THV.A01339	Lê Văn Hồng	21/11/86		Huyện Tam Đảo		1		1.75	2.75	1.50	6.00	6.00	
1008	THV.A01340	Nguyễn Thị Hồng	28/06/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	402	2.00	2.00	3.00	7.00	7.00	
1009	THV.A01343	Đào Thị ánh Hồng	13/09/91	Nữ	TP. Việt Trì		1	402	2.50	5.25	3.75	11.50	11.50	
1010	THV.A01344	Phạm Thị Hồng	20/09/91	Nữ	Thành phố Vĩnh Yên		2NT	304	2.75	5.00	2.25	10.00	10.00	
1011	THV.A01346	Cao Thị Thu Hồng	03/01/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT		1.25	4.00	3.00	8.25	8.50	
1012	THV.A01347	Lê Thị Hội	08/03/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	101	3.25	7.00	4.75	15.00	15.00	
1013	THV.A01348	Dương Thị Hợp	15/07/90	Nữ	Huyện Tam Đảo		1	904	1.50	2.75	2.00	6.25	6.50	
1014	THV.A01349	Dương Thị Bích Hợp	05/05/91	Nữ	Huyện Tam Đảo		1	101	2.50	4.00	1.50	8.00	8.00	
1015	THV.A01350	Lý Thị Hợp	29/09/91	Nữ	Huyện Trảng Định	01	1	403	1.50	3.50	3.25	8.25	8.50	
1016	THV.A01351	Hán Xuân Hợp	23/05/91		Huyện Thanh Ba		2	102	1.75	3.50	2.50	7.75	8.00	
1017	THV.A01352	Doãn Thị Hợp	19/08/90	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	402	2.00	1.75	2.25	6.00	6.00	
1018	THV.A01353	Đào Thị Hợp	02/07/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	103	2.00	4.50	2.25	8.75	9.00	
1019	THV.A01354	Lê Thị Hợp	04/06/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	904	1.25	3.00	1.75	6.00	6.00	
1020	THV.A01355	Đỗ Thị Hợp	26/05/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	1.50	3.00	2.25	6.75	7.00	
1021	THV.A01356	Phùng Thị Dạ Hợp	04/03/91	Nữ	Huyện Văn Chấn	01	1	904	4.50	5.50	4.00	14.00	14.00	
1022	THV.A01357	Hoàng Văn Huân	12/03/90		Huyện Yên Sơn		1	103	0.25	2.50	2.25	5.00	5.00	
1023	THV.A01358	Đỗ Ngọc Huân	10/11/91		Huyện Thanh Ba		2		2.25	3.00	2.25	7.50	7.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1024	THV.A01359	Trần Minh	Huân	26/03/91	Nữ	TP. Việt Trì	06	2	402	0.25	3.25	2.25	5.75	6.00	
1025	THV.A01360	Trần Văn	Huân	03/06/91		Huyện Phù Ninh		1	101	0.75	3.25	2.50	6.50	6.50	
1026	THV.A01361	Trần Xuân	Huân	15/10/91		Huyện Lâm Thao		1	103	1.50	3.50	2.00	7.00	7.00	
1027	THV.A01362	Nguyễn Văn	Huân	12/07/91		Huyện Chiêm Hoá	01	1		1.75	6.75	3.25	11.75	12.00	
1028	THV.A01363	Triệu Thị	Huê	13/10/91	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	403	1.00	4.75	2.50	8.25	8.50	
1029	THV.A01364	Đình Văn	Huê	17/05/89		Huyện Yên Lập	01	2		0.75	3.50	2.50	6.75	7.00	
1030	THV.A01365	Lê Thị	Huế	20/12/91	Nữ	Huyện Vị Xuyên	01	1		0.00	2.50	0.75	3.25	3.50	
1031	THV.A01366	Trần Thị	Huế	01/10/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	2.50	3.25	2.25	8.00	8.00	
1032	THV.A01367	Vũ Thị	Huế	04/02/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	101	4.25	7.25	4.00	15.50	15.50	
1033	THV.A01369	Trần Thị	Huế	03/01/91	Nữ	Huyện Văn Yên		1		1.25	5.75	2.25	9.25	9.50	
1034	THV.A01370	Phạm Thị Thu	Huế	15/11/91	Nữ	Thị xã Tuyên Quang		1	403	2.25	4.50	1.50	8.25	8.50	
1035	THV.A01371	Nguyễn Thị	Huế	16/01/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	904	2.00	5.50	4.50	12.00	12.00	
1036	THV.A01372	Phan Thị	Huế	09/10/91	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	403	1.00	3.25	2.50	6.75	7.00	
1037	THV.A01374	Mông Thị	Huế	04/07/90	Nữ	Huyện Yên Sơn	01	1	101	1.25	2.00	3.00	6.25	6.50	
1038	THV.A01375	Nguyễn Thị Thu	Huế	02/10/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	103	4.75	6.50	4.25	15.50	15.50	
1039	THV.A01376	Đỗ Thị	Huế	14/07/89	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	103	1.00	2.50	3.75	7.25	7.50	
1040	THV.A01379	Đỗ Thị Minh	Huê	06/11/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		0.25	1.75	2.00	4.00	4.00	
1041	THV.A01380	Đình Thị Hồng	Huê	25/11/89	Nữ	Huyện Hàm Yên		1	403	0.00	4.50	2.25	6.75	7.00	
1042	THV.A01381	Cù Thị	Huê	02/08/89	Nữ	Huyện Văn Yên		1	904	1.00	3.75	1.75	6.50	6.50	
1043	THV.A01382	Trần Thị	Huê	25/11/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	401	1.00	3.50	2.25	6.75	7.00	
1044	THV.A01383	Phạm Thị Minh	Huê	22/12/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà	06	1	402	0.75	2.50	3.00	6.25	6.50	
1045	THV.A01384	Đào Thị	Huê	20/01/92	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	904	2.50	4.75	3.00	10.25	10.50	
1046	THV.A01385	Đình Thị Minh	Huê	05/02/90	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	305	0.50	2.75	2.00	5.25	5.50	
1047	THV.A01386	Nguyễn Thị Kim	Huê	08/11/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	0.50	3.50	2.50	6.50	6.50	
1048	THV.A01387	Vì Thị	Huê	14/04/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	101	5.00	7.50	3.50	16.00	16.00	
1049	THV.A01388	Nguyễn Thị	Huê	23/07/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		2.75	3.50	2.75	9.00	9.00	
1050	THV.A01389	Trần Thị	Huê	15/05/91	Nữ	Huyện Mê Linh		2NT	402	0.75	2.50	3.00	6.25	6.50	
1051	THV.A01390	Nguyễn Thị	Huê	05/04/91	Nữ	Thị xã Tuyên Quang		1	403	1.50	4.75	3.50	9.75	10.00	
1052	THV.A01391	Lê Thị	Huê	20/07/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	103	1.75	3.00	3.75	8.50	8.50	
1053	THV.A01393	Hà Thị Thanh	Huê	06/01/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	402	3.50	4.75	3.25	11.50	11.50	
1054	THV.A01394	Vì Thị	Huê	25/08/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	403	2.00	6.50	3.25	11.75	12.00	
1055	THV.A01396	Nguyễn Thị Hoa	Huê	02/02/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		2NT	401	0.75	2.25	2.50	5.50	5.50	
1056	THV.A01397	Nguyễn Thị	Huê	30/05/91	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1		2.75	5.50	4.00	12.25	12.50	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1057	THV.A01399	Nguyễn Kim	Huệ	06/07/91	Nữ	Huyện Tam Nông		2	402	0.75	2.75	2.75	6.25	6.50	
1058	THV.A01402	Phan Thị	Huệ	25/01/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	0.25	2.00	1.75	4.00	4.00	
1059	THV.A01403	Hoàng Thị	Huệ	19/01/91	Nữ	TP. Việt Trì		2NT		2.50	3.50	2.75	8.75	9.00	
1060	THV.A01404	Đỗ Thị Minh	Huệ	10/10/91	Nữ	Thị xã Phúc Yên		2	403	1.00	3.00	1.50	5.50	5.50	
1061	THV.A01405	Nguyễn Thị Thanh	Huệ	22/10/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	402	2.00	3.00	2.25	7.25	7.50	
1062	THV.A01406	Hà Thị	Huệ	29/07/91	Nữ	Huyện Mai Châu	01	1	904	1.00	3.25	3.00	7.25	7.50	
1063	THV.A01407	Nguyễn Thị	Huệ	30/05/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		2NT	401	2.25	3.75	3.25	9.25	9.50	
1064	THV.A01408	Đình Thị	Huệ	07/10/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	402	3.50	4.50	2.50	10.50	10.50	
1065	THV.A01409	Nguyễn Thị Kim	Huệ	03/08/90	Nữ	Huyện Tam Nông		1		2.00	5.25	2.25	9.50	9.50	
1066	THV.A01410	Trương Thị	Huệ	11/03/90	Nữ	Huyện Tam Đảo		1	904	1.75	3.75	3.75	9.25	9.50	
1067	THV.A01412	Trần Ngọc	Huy	28/09/91		Huyện Yên Bình		1		2.00	4.50	2.25	8.75	9.00	
1068	THV.A01414	Vũ Quang	Huy	18/01/88		Huyện Tam Nông		1	101	6.25	4.50	4.25	15.00	15.00	
1069	THV.A01415	Nguyễn Công	Huy	17/04/91		Huyện Thanh Ba		1	101	4.75	6.25	3.50	14.50	14.50	
1070	THV.A01416	Hoàng Đức	Huy	25/02/85		Huyện Hàm Yên	01	1	904	0.50	2.50	2.50	5.50	5.50	
1071	THV.A01418	Chử Khắc	Huy	19/12/90		Huyện Lâm Thao		1	401	3.75	4.50	2.75	11.00	11.00	
1072	THV.A01420	Nguyễn Thị	Huy	07/10/89	Nữ	Huyện Yên Minh	01	1		0.00	2.50	2.50	5.00	5.00	
1073	THV.A01421	Lê	Huy	21/06/90		Huyện Thanh Sơn		1	101	0.75	2.75	3.25	6.75	7.00	
1074	THV.A01423	Nguyễn Quốc	Huy	08/11/89		Huyện Cẩm Khê		2NT	102	2.25	4.50	3.25	10.00	10.00	
1075	THV.A01424	Nguyễn Quốc	Huy	17/09/90		Huyện Thanh Thủy		1	403	0.75	2.75	2.75	6.25	6.50	
1076	THV.A01425	Nguyễn Quang	Huy	17/11/91		Thị xã Phú Thọ		1	401	0.50	3.50	3.00	7.00	7.00	
1077	THV.A01426	Lương Quốc	Huy	11/09/91		Huyện Văn Yên	01	1	904	2.75	6.25	3.25	12.25	12.50	
1078	THV.A01427	Nguyễn Quang	Huy	04/07/91		Thị xã Phú Thọ		2	402	0.25	3.75	2.25	6.25	6.50	
1079	THV.A01428	Phạm Quang	Huy	04/05/91		Huyện Bảo Thắng	01	1	904	1.00	4.50	1.75	7.25	7.50	
1080	THV.A01429	Phí Quốc	Huy	15/06/91		Huyện Thanh Ba		2	401	3.25	3.50	2.00	8.75	9.00	
1081	THV.A01430	Hà Quang	Huy	08/03/91		TP. Việt Trì		1	103	1.25	4.50	3.50	9.25	9.50	
1082	THV.A01431	Phạm Thế	Huy	02/07/91		Thị xã Phú Thọ		2	402	1.75	4.00	3.50	9.25	9.50	
1083	THV.A01433	Lê Văn	Huy	10/12/91		TP. Việt Trì		2	402	2.00	4.75	3.50	10.25	10.50	
1084	THV.A01434	Nguyễn Văn	Huy	05/09/90		Huyện Cẩm Khê		2NT	401	1.00	4.50	3.50	9.00	9.00	
1085	THV.A01436	Vũ Quang	Huy	07/11/91		TP. Việt Trì		2	403	0.25	2.75	2.00	5.00	5.00	
1086	THV.A01437	Hà Văn	Huy	10/09/91		Huyện Lập Thạch		1	103	1.25	4.00	1.75	7.00	7.00	
1087	THV.A01438	Nguyễn Văn	Huy	21/07/91		Huyện Vĩnh Tường		2NT	402	0.50	2.50	3.00	6.00	6.00	
1088	THV.A01439	Nông Văn	Huyền	12/04/89		Huyện Bắc Quang	01	1		0.00	3.50	3.75	7.25	7.50	
1089	THV.A01440	Phạm Thị	Huyền	04/10/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng	01	1	101	0.50	2.50	2.00	5.00	5.00	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1090	THV.A01441	Bùi Chí	Huỳnh	08/10/89		Huyện Yên Thủy	01	1	904	2.50	2.75	3.25	8.50	8.50	
1091	THV.A01443	Lương Thị Thanh	Huyền	07/08/91	Nữ	Huyện Bắc Hà		1	102	4.00	4.75	2.00	10.75	11.00	
1092	THV.A01444	Hoàng Thị	Huyền	30/12/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	402	1.00	3.25	2.50	6.75	7.00	
1093	THV.A01445	Trần Thị Thu	Huyền	26/05/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	403	2.25	4.50	2.50	9.25	9.50	
1094	THV.A01446	Hoàng Thị Thanh	Huyền	20/11/90	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	103	3.00	2.25	2.25	7.50	7.50	
1095	THV.A01447	Nguyễn Thị Thu	Huyền	14/06/91	Nữ	Huyện Ba Vì		2NT		0.00	1.75	2.00	3.75	4.00	
1096	THV.A01449	Quan Thị	Huyền	15/07/91	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1	904	1.50	2.75	3.00	7.25	7.50	
1097	THV.A01450	Nguyễn Thị	Huyền	20/02/91	Nữ	Huyện Yên Minh		1	304	0.25	3.00	1.50	4.75	5.00	
1098	THV.A01451	Đặng Thị Khánh	Huyền	25/10/91	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	403	1.50	2.50	2.50	6.50	6.50	
1099	THV.A01452	Lê Diệu	Huyền	07/10/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	103	1.00	3.50	1.75	6.25	6.50	
1100	THV.A01453	Hoàng Thị	Huyền	20/08/90	Nữ	Huyện Vị Xuyên		1		0.25	3.00	1.50	4.75	5.00	
1101	THV.A01456	Phí Thị	Huyền	12/05/90	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	402	1.25	3.50	2.00	6.75	7.00	
1102	THV.A01458	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	22/05/90	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	402	1.25	3.75	2.75	7.75	8.00	
1103	THV.A01460	Phạm Thanh	Huyền	11/01/91	Nữ	Huyện Văn Yên		1	403	1.00	3.25	2.75	7.00	7.00	
1104	THV.A01461	Đào Thị Thu	Huyền	04/05/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	1.75	2.50	2.00	6.25	6.50	
1105	THV.A01462	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	29/10/91	Nữ	Thành phố Yên Bái		1		1.00	4.50	3.50	9.00	9.00	
1106	THV.A01463	Phạm Thu	Huyền	07/05/91	Nữ	Huyện Lương Tài		2NT	402	1.00	3.75	2.00	6.75	7.00	
1107	THV.A01464	Đâu Thị	Huyền	21/05/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		1.25	3.00	2.50	6.75	7.00	
1108	THV.A01465	Nguyễn Thị Minh	Huyền	01/09/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2	402	0.00	2.50	2.00	4.50	4.50	
1109	THV.A01466	Hoàng Thị Minh	Huyền	12/07/91	Nữ	Huyện Trấn Yên	01	1	401	2.00	3.50	3.50	9.00	9.00	
1110	THV.A01468	Hà Thị Thanh	Huyền	08/07/91	Nữ	Huyện Hàm Yên		1	401	0.25	1.50	2.00	3.75	4.00	
1111	THV.A01470	Lê Thị	Huyền	22/10/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		2NT	401	0.75	3.50	2.00	6.25	6.50	
1112	THV.A01472	Lê Thị Thanh	Huyền	07/11/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	402	1.25	4.00	2.50	7.75	8.00	
1113	THV.A01473	Ngô Thị Thanh	Huyền	10/05/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	102	1.75	5.75	3.25	10.75	11.00	
1114	THV.A01474	Vì Thị Thanh	Huyền	01/05/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	403	1.50	3.75	2.00	7.25	7.50	
1115	THV.A01475	Phùng Thị Thanh	Huyền	15/12/90	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	101	7.00	7.25	7.00	21.25	21.50	
1116	THV.A01476	Hồ Thị Thu	Huyền	06/02/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	402	1.25	3.75	2.75	7.75	8.00	
1117	THV.A01477	Phan Thị Thu	Huyền	13/08/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	904	0.50	3.25	2.00	5.75	6.00	
1118	THV.A01478	Nguyễn Thị Thu	Huyền	31/12/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		1		1.25	3.75	2.75	7.75	8.00	
1119	THV.A01479	Trần Thị Thu	Huyền	25/05/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	402	5.75	5.75	2.50	14.00	14.00	
1120	THV.A01480	Lê Thị Thanh	Huyền	25/06/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	103	0.75	1.50	1.75	4.00	4.00	
1121	THV.A01481	Đỗ Thị Thu	Huyền	04/02/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	402	1.25	4.50	3.25	9.00	9.00	
1122	THV.A01482	Đoàn Thị Thu	Huyền	14/12/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		0.75	3.25	2.50	6.50	6.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1123	THV.A01483	Nguyễn Thị Huyền	01/04/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	401	0.75	2.75	2.50	6.00	6.00	
1124	THV.A01486	Hoàng Thị Huyền	13/12/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	402	1.25	2.50	1.75	5.50	5.50	
1125	THV.A01487	Hoàng Thị Huyền	12/06/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT		0.50	3.75	3.75	8.00	8.00	
1126	THV.A01489	Nguyễn Thị Thanh Huyền	02/05/90	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	402	1.25	3.50	2.50	7.25	7.50	
1127	THV.A01490	Nguyễn Thị Thu Huyền	24/12/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT		1.00	2.75	1.00	4.75	5.00	
1128	THV.A01491	Đặng Thị Huyền	08/06/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	102	3.50	4.75	2.75	11.00	11.00	
1129	THV.A01492	Vũ Thị Huyền	14/12/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1		1.50	3.00	2.75	7.25	7.50	
1130	THV.A01494	Bùi Thị Thanh Huyền	18/06/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	402	1.25	2.50	3.50	7.25	7.50	
1131	THV.A01495	Lê Thị Thanh Huyền	08/05/91	Nữ	Huyện Tam Nông		2	403	1.50	3.75	1.75	7.00	7.00	
1132	THV.A01496	Hà Thị Huyền	11/06/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1	403	2.50	3.25	3.25	9.00	9.00	
1133	THV.A01498	Phạm Thị Huyền	09/03/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	402	1.75	3.75	2.75	8.25	8.50	
1134	THV.A01499	Triệu Thị Thanh Huyền	27/01/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	103	3.00	4.25	1.50	8.75	9.00	
1135	THV.A01500	Nguyễn Thị Thanh Huyền	12/10/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	402	2.00	6.00	2.25	10.25	10.50	
1136	THV.A01503	Hà Thị Thu Huyền	23/11/91	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	101	4.00	6.50	3.25	13.75	14.00	
1137	THV.A01504	Nguyễn Thanh Huyền	10/09/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	101	5.00	7.25	3.75	16.00	16.00	
1138	THV.A01505	Đỗ Thị Thu Huyền	21/08/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	101	3.75	7.50	4.00	15.25	15.50	
1139	THV.A01506	Nguyễn Thị Huyền	14/08/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	402	2.50	3.50	2.75	8.75	9.00	
1140	THV.A01507	Nguyễn Thanh Huyền	16/11/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	402	1.00	2.50	3.25	6.75	7.00	
1141	THV.A01508	Kim Thị Huyền	26/05/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2	101	1.00	2.50	1.75	5.25	5.50	
1142	THV.A01510	Trần Thị Thanh Huyền	23/03/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	904	4.50	5.50	4.75	14.75	15.00	
1143	THV.A01511	Phùng Thị Thanh Huyền	13/12/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT		0.75	2.00	2.75	5.50	5.50	
1144	THV.A01513	Nguyễn Thị Huyền	02/08/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	101	3.25	4.50	2.50	10.25	10.50	
1145	THV.A01516	Nguyễn Thị Huyền	27/10/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	1.25	4.00	1.75	7.00	7.00	
1146	THV.A01517	Lê Thị Nguyên Huyền	01/08/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	904	1.75	3.50	3.25	8.50	8.50	
1147	THV.A01518	Hoàng Thị Thanh Huyền	07/03/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	403	2.00	2.75	2.50	7.25	7.50	
1148	THV.A01520	Nguyễn Thị Thanh Huyền	12/02/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	1.00	2.75	1.50	5.25	5.50	
1149	THV.A01521	Trần Thu Huyền	15/05/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	904	2.50	2.75	4.25	9.50	9.50	
1150	THV.A01522	Trần Thị Huyền	05/01/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2	402	1.50	3.75	3.50	8.75	9.00	
1151	THV.A01523	Trần Thị Huyền	05/09/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	306	2.50	3.50	3.00	9.00	9.00	
1152	THV.A01524	Bùi Thị Huyền	17/03/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	101	4.50	8.00	4.50	17.00	17.00	
1153	THV.A01525	Hà Thị Huyền	15/06/91	Nữ	Huyện Yên Bình		1	401	0.50	3.00	2.50	6.00	6.00	
1154	THV.A01527	Dương Mạnh Huyền	27/06/91		Thành phố Bắc Ninh		2	403	2.75	4.75	2.75	10.25	10.50	
1155	THV.A01529	Tạ Mạnh Huyền	26/08/91		TP. Việt Trì		2	401	0.25	3.50	3.00	6.75	7.00	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1156	THV.A01530	Đình Huy	Hùng	06/06/91		Huyện Yên Sơn		1	402	1.25	3.50	2.50	7.25	7.50	
1157	THV.A01531	Đặng Tiến	Hùng	07/04/90		Huyện Tam Nông		1	403	0.50	3.00	2.25	5.75	6.00	
1158	THV.A01533	Vương	Hùng	24/03/91		Thành phố Lào Cai	01	1	403	1.50	3.75	2.50	7.75	8.00	
1159	THV.A01534	Phan Mạnh	Hùng	28/09/88		Huyện Yên Bình		1	101	3.25	6.00	4.50	13.75	14.00	
1160	THV.A01536	Trần Huy	Hùng	28/01/89		Thị xã Phú Thọ	03	1		0.00	2.50	3.25	5.75	6.00	
1161	THV.A01537	Vũ Mạnh	Hùng	18/08/89		Huyện Yên Bình	06	1	403	1.00	5.50	3.25	9.75	10.00	
1162	THV.A01540	Quốc Việt	Hùng	12/09/90		Huyện Lục Yên	01	1	904	0.75	4.25	1.50	6.50	6.50	
1163	THV.A01541	Nguyễn Khắc	Hùng	17/05/91		Huyện Đoan Hùng		1	401	0.25	3.50	2.75	6.50	6.50	
1164	THV.A01542	Đình Mạnh	Hùng	18/08/91		Huyện Thanh Sơn	01	1	403	1.25	4.25	1.50	7.00	7.00	
1165	THV.A01543	Phan Tiến	Hùng	20/01/91		TP. Việt Trì		2	403	1.50	3.75	1.50	6.75	7.00	
1166	THV.A01544	Lê Tuấn	Hùng	19/08/91		Huyện Hạ Hoà		1	103	2.75	4.50	3.50	10.75	11.00	
1167	THV.A01545	Nguyễn Xuân	Hùng	02/11/91		Huyện Cẩm Khê		2NT	101	2.25	4.75	2.50	9.50	9.50	
1168	THV.A01549	Trần Văn	Hùng	04/09/90		Huyện Yên Lập		1	101	1.75	3.50	1.50	6.75	7.00	
1169	THV.A01551	Nguyễn Mạnh	Hùng	14/12/91		Huyện Tam Dương		2NT	403	2.50	5.25	2.75	10.50	10.50	
1170	THV.A01552	Lê Mạnh	Hùng	22/04/91		TP. Việt Trì		2	103	1.25	2.00	1.75	5.00	5.00	
1171	THV.A01553	Nguyễn Mạnh	Hùng	02/12/90		Huyện Lâm Thao		2NT	401	2.50	3.75	2.50	8.75	9.00	
1172	THV.A01555	Nguyễn	Hùng	15/12/91		Thị xã Phú Thọ		2	101	4.25	6.50	2.75	13.50	13.50	
1173	THV.A01556	Lê Mạnh	Hùng	21/12/90		TP. Việt Trì	06	2NT	103	1.00	3.75	2.00	6.75	7.00	
1174	THV.A01557	Nguyễn Đức	Hùng	01/05/91		Huyện Lâm Thao		1		2.75	4.75	4.25	11.75	12.00	
1175	THV.A01559	Hoàng Mạnh	Hùng	24/10/91		Huyện Tam Nông		1	402	0.25	4.50	2.50	7.25	7.50	
1176	THV.A01560	Nguyễn Văn	Hùng	28/10/91		Huyện Vĩnh Tường		2NT	306	1.25	2.75	3.00	7.00	7.00	
1177	THV.A01561	Nguyễn Thanh	Hùng	13/05/90		Huyện Thanh Ba		2	401	0.25	3.50	3.00	6.75	7.00	
1178	THV.A01562	Nguyễn Văn	Hùng	02/02/91		Huyện Vĩnh Tường		2NT	403	0.75	3.00	2.75	6.50	6.50	
1179	THV.A01563	Trần Đức	Hùng	22/12/91		TP. Việt Trì		2	402	2.50	4.25	1.50	8.25	8.50	
1180	THV.A01564	Đoàn Thế	Hưng	08/09/90		TP. Việt Trì		2	403	3.75	5.50	3.50	12.75	13.00	
1181	THV.A01565	Hoàng Văn	Hưng	25/07/91		Huyện Lục Yên	01	1	103	1.25	3.50	3.25	8.00	8.00	
1182	THV.A01567	Nguyễn Duy	Hưng	12/12/90		Thị xã Phú Thọ		2	904	1.00	5.00	1.75	7.75	8.00	
1183	THV.A01568	Hà Mạnh	Hưng	01/11/91		TP. Việt Trì		2	402	5.00	7.50	4.50	17.00	17.00	
1184	THV.A01570	Bùi Trung	Hưng	17/04/91		TP. Việt Trì		2	402	2.75	5.00	3.75	11.50	11.50	
1185	THV.A01571	Ngô Xuân	Hưng	18/03/91		Huyện Thanh Sơn	01	1	102	2.50	4.50	2.75	9.75	10.00	
1186	THV.A01572	Hà Quang	Hưng	21/05/91		TP. Việt Trì		2	103	1.50	3.50	3.00	8.00	8.00	
1187	THV.A01574	Nguyễn Xuân	Hưng	02/08/91		TP. Việt Trì		2	402	4.50	3.75	3.75	12.00	12.00	
1188	THV.A01575	Đình Mạnh	Hưng	11/08/89		Thị xã Phú Thọ	03	2	401	2.00	4.50	3.00	9.50	9.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1189	THV.A01578	Đào Duy Hưng	04/10/91		Thị xã Phú Thọ		1	401	0.50	2.00	2.00	4.50	4.50	
1190	THV.A01579	Đình Sáng Hưng	03/08/90		Huyện Yên Lập	01	1	402	1.50	2.00	3.50	7.00	7.00	
1191	THV.A01580	Lê Minh Hưng	10/09/91		Thị xã Phú Thọ		2	102	0.50	2.00	1.50	4.00	4.00	
1192	THV.A01581	Trần Ngọc Hưng	15/02/91		Huyện Yên Lập	01	1	403	2.75	5.00	4.25	12.00	12.00	
1193	THV.A01582	Nguyễn Trọng Hưng	13/10/91		Huyện Phù Ninh		2	402	1.50	5.75	1.50	8.75	9.00	
1194	THV.A01583	Trần Quốc Hưng	21/10/91		Huyện Cẩm Khê		2NT	403	4.25	6.00	2.25	12.50	12.50	
1195	THV.A01584	Nguyễn Duy Hưng	13/08/91		Huyện Thanh Ba		2	403	1.25	2.50	2.25	6.00	6.00	
1196	THV.A01585	Nguyễn Trọng Hưng	04/09/91		Huyện Thanh Thủy		1	403	2.50	3.75	2.25	8.50	8.50	
1197	THV.A01586	Nguyễn Ngọc Hưng	18/08/91		TP. Việt Trì		2	402	1.00	2.50	1.25	4.75	5.00	
1198	THV.A01587	Nguyễn Việt Hưng	15/01/91		Huyện Vĩnh Tường		2NT	403	1.00	3.50	1.75	6.25	6.50	
1199	THV.A01588	Cao Nguyễn Ngọc Hưng	18/11/91		Huyện Lâm Thao		2NT		1.25	3.00	3.00	7.25	7.50	
1200	THV.A01589	Đào Quang Hưng	20/01/90		Huyện Tam Nông		1	904	1.00	2.25	2.50	5.75	6.00	
1201	THV.A01590	Lê Thị Hương	08/02/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2		1.75	5.00	2.00	8.75	9.00	
1202	THV.A01592	Hoàng Thị Thanh Hương	18/06/91	Nữ	Huyện Sơn Dương		1	403	0.75	2.50	1.50	4.75	5.00	
1203	THV.A01593	Ngô Lan Hương	19/11/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1		1.25	4.00	2.50	7.75	8.00	
1204	THV.A01594	Nguyễn Thị Hương	02/02/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	402	1.25	4.50	1.25	7.00	7.00	
1205	THV.A01596	Bùi Thị Hương	19/02/91	Nữ	Huyện Sơn Dương		1	102	1.75	5.25	2.50	9.50	9.50	
1206	THV.A01597	Trần Thị Hương	03/01/90	Nữ	Huyện Trấn Yên		1	403	0.50	3.50	2.25	6.25	6.50	
1207	THV.A01598	Trần Thị Thu Hương	24/12/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		2		5.50	7.50	4.00	17.00	17.00	
1208	THV.A01599	Đặng Thị Thanh Hương	05/09/89	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	402	4.25	5.75	3.00	13.00	13.00	
1209	THV.A01601	Hoàng Thị Hương	29/11/91	Nữ	Huyện Sơn Dương	01	1	402	0.75	3.75	1.75	6.25	6.50	
1210	THV.A01602	Trương Thị Hương	08/07/91	Nữ	Huyện Bắc Mê	01	1	403	1.50	4.75	2.00	8.25	8.50	
1211	THV.A01603	Hoàng Thị Hương	11/89	Nữ	Huyện Bảo Thắng	01	1	102	0.75	3.75	2.00	6.50	6.50	
1212	THV.A01604	Thên Thị Hương	22/05/91	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1	904	3.00	4.00	3.25	10.25	10.50	
1213	THV.A01605	Đặng Thị Hương	08/08/91	Nữ	Huyện Vị Xuyên	01	1	102	1.25	5.00	2.50	8.75	9.00	
1214	THV.A01608	Lê Thị Hương	10/07/91	Nữ	Thị xã Tuyên Quang		1	401	0.50	3.00	3.25	6.75	7.00	
1215	THV.A01609	Nguyễn Thị Hương	16/10/91	Nữ	Huyện Vị Xuyên		1	402	0.50	3.50	2.75	6.75	7.00	
1216	THV.A01610	Nguyễn Thu Hương	16/10/91	Nữ	Thành phố Lào Cai		1		3.50	6.50	4.25	14.25	14.50	
1217	THV.A01611	Hà Thị Thu Hương	28/02/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	103	1.00	2.75	1.75	5.50	5.50	
1218	THV.A01612	Nguyễn Thị Hương	14/07/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2		0.00	3.00	1.75	4.75	5.00	
1219	THV.A01613	Đào Lan Hương	29/10/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	904	0.00	3.50	1.00	4.50	4.50	
1220	THV.A01614	Đỗ Thị Hương	14/09/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	402	1.75	3.50	2.50	7.75	8.00	
1221	THV.A01615	Dương Kiều Quý Hương	28/10/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	402	0.50	2.75	2.00	5.25	5.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1222	THV.A01616	Lê Mai	Hương	08/08/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	0.75	3.50	2.25	6.50	6.50	
1223	THV.A01617	Trần Thị	Hương	29/06/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		3.00	3.50	2.00	8.50	8.50	
1224	THV.A01618	Vũ Thị	Hương	29/05/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	1.00	3.50	3.50	8.00	8.00	
1225	THV.A01619	Vũ Thị Thanh	Hương	29/12/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	102	2.00	5.00	2.25	9.25	9.50	
1226	THV.A01621	Đỗ Mai	Hương	08/12/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	101	0.50	3.75	2.25	6.50	6.50	
1227	THV.A01622	Phan Thị	Hương	21/07/91	Nữ	Huyện Văn Chấn		1	403	1.25	3.25	3.50	8.00	8.00	
1228	THV.A01623	Nguyễn Mai	Hương	19/08/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	904	1.75	3.00	3.75	8.50	8.50	
1229	THV.A01625	Đỗ Thị Thanh	Hương	04/02/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		2	402	0.50	2.75	2.00	5.25	5.50	
1230	THV.A01629	Lê Thị Mai	Hương	18/06/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	2.25	5.75	2.00	10.00	10.00	
1231	THV.A01630	Triệu Thị Thanh	Hương	22/05/91	Nữ	Thành phố Yên Bái		1		1.00	3.75	2.50	7.25	7.50	
1232	THV.A01631	Trần Thị Thanh	Hương	13/11/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	401	0.50	3.50	2.50	6.50	6.50	
1233	THV.A01635	Ngân Thị Thu	Hương	14/11/91	Nữ	Huyện Văn Chấn	01	1	403	2.00	4.25	2.50	8.75	9.00	
1234	THV.A01636	Phạm Thị Thu	Hương	10/11/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	4.25	5.50	2.50	12.25	12.50	
1235	THV.A01637	Lương Thị Lan	Hương	28/10/91	Nữ	Huyện Trấn Yên	01	1	403	2.00	6.50	3.25	11.75	12.00	
1236	THV.A01638	Nguyễn Thị	Hương	21/03/91	Nữ	Huyện Trấn Yên		1	403	1.25	3.25	3.50	8.00	8.00	
1237	THV.A01639	Nguyễn Thị Thu	Hương	10/08/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		2		2.25	3.50	2.00	7.75	8.00	
1238	THV.A01640	Đoàn Thị Thuỳ	Hương	19/02/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	402	1.75	6.75	2.50	11.00	11.00	
1239	THV.A01641	Nguyễn Thị	Hương	27/03/91	Nữ	Huyện Yên Bình	01	1	402	2.00	6.00	2.50	10.50	10.50	
1240	THV.A01642	Nguyễn Thị	Hương	22/10/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	103	2.75	5.50	1.75	10.00	10.00	
1241	THV.A01643	Mai Thị	Hương	27/03/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ	06	2	402	2.00	4.50	2.50	9.00	9.00	
1242	THV.A01644	Nguyễn Lan	Hương	17/07/91	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	402	1.50	4.25	2.25	8.00	8.00	
1243	THV.A01646	Vy Thị Thu	Hương	18/01/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	102	2.75	6.50	2.50	11.75	12.00	
1244	THV.A01647	Lê Thị	Hương	05/10/89	Nữ	Thị xã Phú Thọ	06	1	103	1.00	3.00	1.50	5.50	5.50	
1245	THV.A01648	Vy Thanh	Hương	16/04/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	101	4.50	7.50	3.00	15.00	15.00	
1246	THV.A01649	Nguyễn Thị Thu	Hương	04/07/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	401	2.25	2.75	2.00	7.00	7.00	
1247	THV.A01650	Đình Thị Minh	Hương	01/09/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	101	1.50	5.00	2.00	8.50	8.50	
1248	THV.A01651	Đình Thị Lan	Hương	30/11/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ	06	2		0.00	3.00	4.25	7.25	7.50	
1249	THV.A01653	Đỗ Thị	Hương	22/06/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	402	3.00	6.50	4.25	13.75	14.00	
1250	THV.A01654	Hoàng Thị Thu	Hương	24/12/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	403	0.75	4.00	3.25	8.00	8.00	
1251	THV.A01655	Nguyễn Thị Mai	Hương	22/12/91	Nữ	Huyện Yên Lập		1	904	2.50	6.50	3.50	12.50	12.50	
1252	THV.A01656	Nguyễn Thị	Hương	04/04/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	904	1.50	5.25	2.00	8.75	9.00	
1253	THV.A01657	Đặng Thị Thu	Hương	03/05/91	Nữ	TP. Việt Trì		2NT	402	6.00	6.25	3.00	15.25	15.50	
1254	THV.A01658	Dương Thị Thanh	Hương	31/05/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	103	1.50	4.50	2.00	8.00	8.00	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1255	THV.A01659	Trần Thị Lan	Hương	15/03/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	0.50	2.50	2.50	5.50	5.50	
1256	THV.A01660	Đỗ Thị	Hương	10/10/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	402	3.25	5.00	2.50	10.75	11.00
1257	THV.A01661	Hồ Thị Lan	Hương	14/01/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	904	0.75	3.50	2.50	6.75	7.00
1258	THV.A01662	Nguyễn Thị Thanh	Hương	28/02/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	401	3.25	5.00	2.25	10.50	10.50
1259	THV.A01663	Nguyễn Thị Thu	Hương	18/08/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	101	2.50	5.50	4.25	12.25	12.50
1260	THV.A01664	Trần Thị Lan	Hương	21/09/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	102	1.50	4.00	2.50	8.00	8.00
1261	THV.A01666	Nguyễn Thị Thu	Hương	18/09/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	101	5.00	3.50	3.50	12.00	12.00
1262	THV.A01667	Nguyễn Thị Thu	Hương	26/11/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	402	2.50	5.75	1.75	10.00	10.00
1263	THV.A01668	Vũ Diệu	Hương	18/06/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		2NT	904	4.50	6.50	3.00	14.00	14.00
1264	THV.A01669	Vũ Thanh	Hương	01/10/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	403	3.50	6.00	2.75	12.25	12.50
1265	THV.A01670	Đào Thị Thanh	Hương	08/08/90	Nữ	Huyện Đoan Hùng		2	101	3.50	4.50	3.75	11.75	12.00
1266	THV.A01671	Đỗ Thị	Hương	05/04/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	101	6.00	7.00	3.75	16.75	17.00
1267	THV.A01673	Nguyễn Thị Lan	Hương	12/02/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1		2.25	3.25	2.50	8.00	8.00
1268	THV.A01674	Nguyễn Thị	Hương	18/08/90	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	402	2.00	2.00	3.50	7.50	7.50
1269	THV.A01675	Lê Thị Thu	Hương	08/10/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	403	4.00	4.50	2.50	11.00	11.00
1270	THV.A01676	Phùng Thị	Hương	17/10/90	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	904	1.00	3.25	2.00	6.25	6.50
1271	THV.A01677	Đặng Thị	Hương	03/06/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	402	2.50	3.50	3.00	9.00	9.00
1272	THV.A01678	Đỗ Thị Thanh	Hương	28/08/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	402	2.50	5.75	3.25	11.50	11.50
1273	THV.A01679	Vi Thị Mai	Hương	01/09/91	Nữ	Huyện Thanh Ba	01	1	402	1.75	2.50	3.00	7.25	7.50
1274	THV.A01680	Nguyễn Thị Thu	Hương	01/05/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	402	2.25	4.25	3.00	9.50	9.50
1275	THV.A01681	Hoàng Thị	Hương	01/09/91	Nữ	Huyện Nông Cống		2NT	403	1.25	2.50	2.00	5.75	6.00
1276	THV.A01684	Nguyễn Thị Thu	Hương	15/10/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	103	0.75	3.25	1.00	5.00	5.00
1277	THV.A01687	Trần Thị	Hương	18/06/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	402	0.75	2.25	2.50	5.50	5.50
1278	THV.A01691	Nguyễn Thị Thanh	Hương	07/07/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	103	1.75	6.50	4.25	12.50	12.50
1279	THV.A01692	Nguyễn Thị	Hương	11/09/90	Nữ	Huyện Tam Đảo		1	402	4.75	3.50	4.00	12.25	12.50
1280	THV.A01693	Phan Thị Thu	Hương	27/06/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	402	1.00	4.00	2.00	7.00	7.00
1281	THV.A01696	Trần Thị Thu	Hương	01/11/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	305	1.00	3.25	1.75	6.00	6.00
1282	THV.A01697	Lê Thị Mai	Hương	02/02/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	403	1.75	2.50	2.50	6.75	7.00
1283	THV.A01698	Nguyễn Thị Thanh	Hương	15/12/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	103	0.75	1.50	3.25	5.50	5.50
1284	THV.A01700	Lê Thị Thu	Hương	03/05/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	102	2.00	5.50	3.50	11.00	11.00
1285	THV.A01701	Phan Thị	Hương	20/11/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1		3.00	5.75	2.25	11.00	11.00
1286	THV.A01702	Nguyễn Thị	Hương	17/03/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	402	3.50	5.50	3.25	12.25	12.50
1287	THV.A01703	Trần Thị	Hương	01/08/90	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	1.50	2.50	2.75	6.75	7.00

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1288	THV.A01705	Quách Thị	Hường	07/08/91	Nữ	Huyện Lâm Thao	06	2	402	1.75	5.00	2.50	9.25	9.50	
1289	THV.A01706	Nguyễn Thị	Hường	16/12/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2	403	2.50	3.50	2.50	8.50	8.50	
1290	THV.A01707	Hà Thị Thủy	Hường	12/09/91	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	401	2.00	3.50	2.50	8.00	8.00	
1291	THV.A01711	Thắm Thị	Hường	02/11/90	Nữ	Huyện Yên Minh		1	103	0.25	2.75	1.50	4.50	4.50	
1292	THV.A01712	Vũ Thị Thu	Hường	15/11/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	0.50	3.25	2.00	5.75	6.00	
1293	THV.A01713	Nguyễn Thị	Hường	25/03/91	Nữ	Huyện Văn Yên		1	101	1.50	5.00	2.25	8.75	9.00	
1294	THV.A01714	Trần Thị	Hường	10/08/89	Nữ	TP. Việt Trì	06	2	402	0.50	3.50	2.50	6.50	6.50	
1295	THV.A01716	Nguyễn Thị Thu	Hường	19/05/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2	403	2.00	5.00	1.50	8.50	8.50	
1296	THV.A01719	Dương Thị	Hường	19/05/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	401	1.75	2.50	1.50	5.75	6.00	
1297	THV.A01720	Lương Thị Hải	Hường	14/01/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1		0.50	2.50	2.00	5.00	5.00	
1298	THV.A01722	Nguyễn Thị Thu	Hường	06/10/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	904	1.50	3.50	2.00	7.00	7.00	
1299	THV.A01723	Nguyễn Thị Thu	Hường	02/02/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	1.00	2.75	2.50	6.25	6.50	
1300	THV.A01724	Nguyễn Thị Thuý	Hường	05/04/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		6.00	9.75	7.00	22.75	23.00	
1301	THV.A01725	Bùi Thị	Hường	09/11/90	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	101	5.75	5.25	3.75	14.75	15.00	
1302	THV.A01726	Trần Thị	Hường	01/05/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	403	2.50	2.75	2.75	8.00	8.00	
1303	THV.A01727	Đỗ Thị	Hường	07/02/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	904	2.50	4.50	4.25	11.25	11.50	
1304	THV.A01730	Phan Thị	Hường	22/01/91	Nữ	Huyện Tam Đảo		1	904	7.25	7.75	4.75	19.75	20.00	
1305	THV.A01731	Nguyễn Thị Thu	Hường	18/07/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	904	1.50	3.00	1.75	6.25	6.50	
1306	THV.A01733	Lương Thị Thu	Hường	29/10/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	403	3.25	4.50	2.00	9.75	10.00	
1307	THV.A01734	Phạm Thị	Hường	15/09/91	Nữ	Thành phố Vĩnh Yên		2	403	2.75	4.25	2.75	9.75	10.00	
1308	THV.A01735	Vũ Thu	Hường	06/12/91	Nữ	Thành phố Vĩnh Yên		2	402	1.00	2.75	1.75	5.50	5.50	
1309	THV.A01737	Nguyễn Thị	Hường	06/01/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	1.00	2.75	2.50	6.25	6.50	
1310	THV.A01740	Nguyễn Thị Thu	Hường	24/09/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	304	0.00	2.75	1.50	4.25	4.50	
1311	THV.A01741	Nguyễn Thị	Hường	14/10/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	101	5.25	4.00	4.50	13.75	14.00	
1312	THV.A01743	Bùi Thị	Hường	05/08/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	102	0.50	3.50	2.50	6.50	6.50	
1313	THV.A01746	Đào Thu	Hường	18/08/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	403	3.75	4.50	3.75	12.00	12.00	
1314	THV.A01747	Nguyễn Thị	Hường	24/04/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	402	2.50	3.75	1.75	8.00	8.00	
1315	THV.A01748	Hoàng Thị	Hường	01/06/90	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	904	2.25	4.00	1.75	8.00	8.00	
1316	THV.A01749	Ma Thị	Hường	08/02/91	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1	403	0.75	3.25	3.00	7.00	7.00	
1317	THV.A01750	Trần Mạnh	Hường	24/09/91		Huyện Lâm Thao		1	103	1.00	4.50	3.00	8.50	8.50	
1318	THV.A01751	Nguyễn Thị	Hường	06/10/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	904	2.00	4.25	3.50	9.75	10.00	
1319	THV.A01752	Dương Thị Lê	Kha	13/11/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	403	1.00	4.25	2.75	8.00	8.00	
1320	THV.A01753	Vương Văn	Khai	23/03/90		Huyện Mường Khương	01	1		1.25	2.50	1.50	5.25	5.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1321	THV.A01754	Vũ Duy	Khang	16/02/91		Huyện Hạ Hoà		1	103	2.00	4.75	2.50	9.25	9.50	
1322	THV.A01755	Lã Hồng	Khang	07/04/91		Huyện Yên Lập		1	101	4.00	4.75	3.50	12.25	12.50	
1323	THV.A01756	Nguyễn Việt	Khanh	02/08/91	Nữ	Huyện Yên Bình		1	402	2.00	3.50	3.00	8.50	8.50	
1324	THV.A01757	Quản Văn	Khanh	10/10/91		Huyện Lâm Thao		1		1.50	4.00	3.00	8.50	8.50	
1325	THV.A01758	Lê Hồng	Khanh	14/06/91		Thị xã Phú Thọ		2		3.00	6.00	3.25	12.25	12.50	
1326	THV.A01759	Phạm Thị	Khanh	28/07/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	402	5.00	4.00	4.25	13.25	13.50	
1327	THV.A01760	Nguyễn Văn	Khanh	31/10/91		Huyện Vĩnh Tường		2	403	1.25	2.50	2.25	6.00	6.00	
1328	THV.A01765	Phạm Quốc	Khánh	02/09/90		Thị xã Tuyên Quang		1	402	1.75	3.75	2.25	7.75	8.00	
1329	THV.A01767	Nguyễn Thị	Khánh	08/01/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	2.25	2.25	3.75	8.25	8.50	
1330	THV.A01768	Đình Duy	Khánh	29/11/91		Huyện Thanh Ba		1	403	3.50	3.75	2.50	9.75	10.00	
1331	THV.A01770	Luyện Thị	Khánh	17/07/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2	402	1.00	2.50	2.25	5.75	6.00	
1332	THV.A01771	Trần Duy	Khánh	06/11/91		Huyện Phù Ninh		1	401	2.00	3.25	3.50	8.75	9.00	
1333	THV.A01772	Nguyễn	Khánh	17/11/90		TP. Việt Trì		2	402	5.50	6.00	6.00	17.50	17.50	
1334	THV.A01773	Cao Quốc	Khánh	06/10/91		Huyện Lâm Thao		2NT	103	4.75	6.25	3.00	14.00	14.00	
1335	THV.A01775	Vũ Văn	Khánh	28/12/91		Huyện Yên Bình		1		3.25	4.50	2.75	10.50	10.50	
1336	THV.A01778	Bùi Quang	Khải	27/09/91		Huyện Tam Nông		1	401	1.25	4.50	2.00	7.75	8.00	
1337	THV.A01780	Đoàn Văn	Khải	04/08/91		Huyện Tam Nông		1	403	1.00	4.75	2.25	8.00	8.00	
1338	THV.A01782	Lương Quang	Khải	27/11/86		Huyện Bảo Yên	01	1	401	1.25	3.00	2.50	6.75	7.00	
1339	THV.A01784	Phạm Ngọc	Khiêm	02/02/91		TP. Việt Trì		1	101	4.75	6.50	4.50	15.75	16.00	
1340	THV.A01785	Nguyễn Duy	Khoa	27/11/91		Thành phố Bắc Ninh		2	103	1.25	3.75	3.50	8.50	8.50	
1341	THV.A01786	Hoàng Văn	Khoa	05/05/90		Huyện Tam Nông		1	401	1.75	1.75	2.00	5.50	5.50	
1342	THV.A01788	Hoàng Trọng	Khởi	02/09/90		TP. Việt Trì		2NT	102	1.25	3.50	3.00	7.75	8.00	
1343	THV.A01789	Nguyễn Thị Hồng	Khuyên	27/11/91	Nữ	Huyện Nam Trực		2NT	403	1.50	2.25	2.75	6.50	6.50	
1344	THV.A01790	Bùi Thị Minh	Khuyên	13/07/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	904	1.25	2.75	2.25	6.25	6.50	
1345	THV.A01792	Lê Thị	Khuyên	20/03/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	402	4.25	6.75	5.00	16.00	16.00	
1346	THV.A01793	Nguyễn Thị Kim	Khuyên	10/07/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		3.50	4.50	2.50	10.50	10.50	
1347	THV.A01794	Nguyễn Thị Lệ	Khuyên	06/04/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	403	0.25	4.00	2.25	6.50	6.50	
1348	THV.A01795	Đình Khắc	Khuông	05/05/89		Huyện Yên Bình		1	101	1.75	3.50	1.75	7.00	7.00	
1349	THV.A01796	Phạm Trung	Kiên	18/10/88		Huyện Tam Nông		1	403	2.00	5.25	3.00	10.25	10.50	
1350	THV.A01797	Nguyễn Công	Kiên	13/10/89		Thị xã Phú Thọ		1	305	1.00	3.00	3.50	7.50	7.50	
1351	THV.A01798	Nguyễn Trung	Kiên	15/10/91		Huyện Phù Ninh		1	103	1.00	3.50	2.75	7.25	7.50	
1352	THV.A01800	Nguyễn Trung	Kiên	29/10/90		TP. Việt Trì		2	402	0.75	2.50	2.50	5.75	6.00	
1353	THV.A01801	Đình Việt	Kiên	04/10/91		TP. Việt Trì		2		2.00	7.00	3.75	12.75	13.00	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1354	THV.A01802	Lê Hồng	Kiên	21/07/91		Huyện Hạ Hoà		1	402	1.50	5.00	3.75	10.25	10.50	
1355	THV.A01803	Vũ Văn	Kiên	26/02/89		Huyện Thanh Ba		2	401	1.50	2.75	2.50	6.75	7.00	
1356	THV.A01804	Nguyễn Trung	Kiên	19/02/91		Huyện Phù Ninh		1		2.25	3.50	4.50	10.25	10.50	
1357	THV.A01805	Nguyễn Trung	Kiên	02/08/91		Huyện Phù Ninh		1	403	2.50	5.50	4.25	12.25	12.50	
1358	THV.A01806	Phạm Trung	Kiên	20/09/91		Huyện Phù Ninh	06	1	402	0.75	2.50	2.75	6.00	6.00	
1359	THV.A01807	Vũ Trung	Kiên	26/03/91		Huyện Lập Thạch		1	103	3.50	2.50	2.25	8.25	8.50	
1360	THV.A01808	Hứa Trung	Kiên	17/07/89		Huyện Vị Xuyên	01	1		0.25	1.75	3.00	5.00	5.00	
1361	THV.A01809	Trịnh Trung	Kiên	09/06/89		Thị xã Phú Thọ		2	103	1.75	3.00	3.75	8.50	8.50	
1362	THV.A01812	Phạm Trung	Kiên	04/06/91		TP. Việt Trì		2	402	1.50	4.25	2.50	8.25	8.50	
1363	THV.A01813	Nguyễn Đức	Kiên	04/03/90		Huyện Lập Thạch		1	101	1.25	3.75	2.50	7.50	7.50	
1364	THV.A01815	Trần Trung	Kiên	02/09/91		Huyện Phù Ninh		1	401	2.00	3.50	2.75	8.25	8.50	
1365	THV.A01817	Triệu Thị	Kiểm	26/06/91	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	403	2.25	5.50	2.50	10.25	10.50	
1366	THV.A01818	Phan Bá	Kim	24/03/90		Huyện Tam Nông		1	401	0.75	2.00	2.75	5.50	5.50	
1367	THV.A01819	Phan Thị	Kim	04/12/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	402	2.50	5.00	2.50	10.00	10.00	
1368	THV.A01820	Lê Thị Thuý	Kiều	11/02/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2	402	1.25	4.25	2.50	8.00	8.00	
1369	THV.A01821	Hà	Kường	13/07/87		Huyện Lập Thạch		1	101	5.25	5.25	3.50	14.00	14.00	
1370	THV.A01822	Nguyễn Tiến	Kỳ	28/03/91		TP. Việt Trì		2	103	2.50	7.25	3.75	13.50	13.50	
1371	THV.A01823	Tạ Bá	Kỳ	14/06/91		Huyện Vĩnh Tường	06	2NT	101	2.25	4.75	3.50	10.50	10.50	
1372	THV.A01824	Nguyễn Trung	Kỳ	02/03/91		Huyện Lập Thạch		2NT	101	2.50	3.75	2.50	8.75	9.00	
1373	THV.A01825	Trần Văn	Kỳ	17/11/91		Huyện Đoan Hùng		1	101	2.25	7.50	4.50	14.25	14.50	
1374	THV.A01828	Trịnh Xuân	Lai	17/12/89		Thị xã Phú Thọ		2		0.75	2.25	2.00	5.00	5.00	
1375	THV.A01829	Nguyễn Văn	Lam	14/07/91		Huyện Tam Dương		2NT	401	3.25	3.75	2.00	9.00	9.00	
1376	THV.A01830	Phạm Thị Thanh	Lam	15/09/91	Nữ	Huyện Văn Chấn		1	402	2.25	4.25	3.25	9.75	10.00	
1377	THV.A01831	Nguyễn Thị	Lan	14/09/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	402	2.25	4.25	2.75	9.25	9.50	
1378	THV.A01832	Đặng Hoàng	Lan	27/03/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	403	2.50	3.50	2.50	8.50	8.50	
1379	THV.A01833	Tạ Thị	Lan	22/01/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	402	1.00	4.25	2.25	7.50	7.50	
1380	THV.A01834	Trương Thị	Lan	12/06/91	Nữ	Huyện Ba Vì		2NT	402	2.75	4.00	2.00	8.75	9.00	
1381	THV.A01835	Bùi Thị Thanh	Lan	11/01/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	403	4.75	4.50	3.50	12.75	13.00	
1382	THV.A01836	Nguyễn Hương	Lan	19/12/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	402	2.50	3.50	1.75	7.75	8.00	
1383	THV.A01837	Nguyễn Ngọc	Lan	18/05/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	403	0.25	3.50	2.75	6.50	6.50	
1384	THV.A01839	Nguyễn Thị	Lan	10/09/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	904	0.00	2.50	2.50	5.00	5.00	
1385	THV.A01841	Nguyễn Thị Hương	Lan	20/08/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1		1.00	4.25	1.00	6.25	6.50	
1386	THV.A01842	Nguyễn Thị	Lan	10/10/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	0.00	2.50	2.00	4.50	4.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1387	THV.A01843	Nguyễn Thị Lan	20/06/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	403	1.00	2.25	1.50	4.75	5.00	
1388	THV.A01844	Viên Thị Lan	19/08/91	Nữ	Huyện Quán Bạ	01	1		0.25	2.50	3.25	6.00	6.00	
1389	THV.A01845	Lê Thị Tuyết Lan	27/03/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	403	2.25	5.50	3.50	11.25	11.50	
1390	THV.A01846	Nguyễn Thị Lan	19/09/86	Nữ	Huyện Kiến Xương	03	1		1.50	3.75	2.75	8.00	8.00	
1391	THV.A01847	Nguyễn Thị Minh Lan	04/08/91	Nữ	TP. Việt Trì		1	904	7.25	7.50	3.50	18.25	18.50	
1392	THV.A01848	Trần Thị Lan	27/06/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy	01	1	102	1.25	2.50	2.00	5.75	6.00	
1393	THV.A01849	Nguyễn Thị Lan	25/08/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	101	2.00	4.00	2.75	8.75	9.00	
1394	THV.A01853	Lê Thị Lan	20/02/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	403	1.75	5.00	4.50	11.25	11.50	
1395	THV.A01854	Nguyễn Thị Hương Lan	27/08/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	101	1.50	3.75	2.25	7.50	7.50	
1396	THV.A01855	Nguyễn Thị Lan	17/06/90	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	102	1.00	4.25	2.50	7.75	8.00	
1397	THV.A01856	Lê Thị Mai Lan	28/10/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	401	3.00	2.50	2.50	8.00	8.00	
1398	THV.A01857	Nguyễn Thị Lan	04/05/91	Nữ	Huyện Tam Đảo		1	402	1.00	3.50	1.75	6.25	6.50	
1399	THV.A01858	Nguyễn Thị Lan	13/07/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	103	2.00	3.50	2.50	8.00	8.00	
1400	THV.A01860	Nguyễn Thị Lan	20/04/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	402	1.75	4.00	1.75	7.50	7.50	
1401	THV.A01861	Đàm Thị Lan	01/04/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	1.75	3.00	3.00	7.75	8.00	
1402	THV.A01862	Bùi Thị Lan	27/09/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	101	1.50	4.25	2.50	8.25	8.50	
1403	THV.A01863	Nông Thị Lan	14/12/91	Nữ	Huyện Lục Yên		2NT	401	0.75	3.75	3.00	7.50	7.50	
1404	THV.A01864	Nguyễn Thị Bích Lan	01/04/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	904	0.50	2.50	2.50	5.50	5.50	
1405	THV.A01865	Nguyễn Văn Lã	15/07/88		Huyện Quang Bình	01	1		0.00	2.50	2.00	4.50	4.50	
1406	THV.A01866	Tạ Diên Lạc	14/07/89		Huyện Tam Nông		1	103	4.75	4.50	2.50	11.75	12.00	
1407	THV.A01867	Bùi Tiến Lâm	25/12/91		Huyện Hạ Hoà		1	403	1.50	3.75	1.50	6.75	7.00	
1408	THV.A01870	Nguyễn Phú Lâm	28/12/91		TP. Việt Trì		2		0.00	2.50	2.75	5.25	5.50	
1409	THV.A01871	Phạm Thị Ngọc Lâm	15/09/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	402	1.50	2.50	2.00	6.00	6.00	
1410	THV.A01874	Phí Văn Lâm	10/10/90		Thị xã Phú Thọ		2	402	1.50	2.75	2.25	6.50	6.50	
1411	THV.A01875	Trần Văn Lâm	10/08/91		Huyện Thanh Ba		1		2.50	4.25	3.50	10.25	10.50	
1412	THV.A01877	Đặng Thị Lâm	23/07/90	Nữ	Huyện Hậu Lộc		2NT	402	0.25	3.75	4.00	8.00	8.00	
1413	THV.A01878	Nguyễn Thị Lâm	28/10/91	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1		1.25	3.50	1.50	6.25	6.50	
1414	THV.A01879	Lê Văn Lâm	04/09/91		TP. Việt Trì		2	103	2.75	5.50	2.75	11.00	11.00	
1415	THV.A01880	Đình Xuân Lâm	31/10/91		Huyện Thanh Ba		1	103	2.25	2.75	2.50	7.50	7.50	
1416	THV.A01881	Nguyễn Thị Lâm	21/05/90	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	402	1.25	3.50	2.25	7.00	7.00	
1417	THV.A01883	Đỗ Xuân Lâm	02/12/91		TP. Việt Trì		2	306	0.50	2.25	2.50	5.25	5.50	
1418	THV.A01884	Chu Tiến Lập	15/07/91		Huyện Lập Thạch		1	103	2.25	3.25	3.25	8.75	9.00	
1419	THV.A01885	Linh Thị Lập	12/01/90	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1		0.75	3.25	1.75	5.75	6.00	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1420	THV.A01887	Hoàng Thị Lãng	30/10/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	401	0.75	3.50	1.50	5.75	6.00	
1421	THV.A01888	Nguyễn Thị Lê	13/03/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	401	3.25	5.75	3.00	12.00	12.00	
1422	THV.A01889	Ngô Thị Thu Lê	26/10/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		2.00	5.50	2.75	10.25	10.50	
1423	THV.A01890	Đặng Thị Lê	20/02/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		2		1.50	3.50	2.50	7.50	7.50	
1424	THV.A01891	Nguyễn Thị Thanh Lê	12/03/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1		1.00	3.50	3.00	7.50	7.50	
1425	THV.A01893	Trương Thị Lê	01/12/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	2.00	4.50	2.50	9.00	9.00	
1426	THV.A01895	Nguyễn Thị Minh Lệ	22/05/91	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	102	2.25	3.50	1.75	7.50	7.50	
1427	THV.A01897	Trần Thị Kim Lệ	15/07/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		0.75	2.75	2.50	6.00	6.00	
1428	THV.A01898	Phùng Thị Bích Lệ	21/07/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	402	1.75	4.75	2.25	8.75	9.00	
1429	THV.A01899	Phan Thanh Liêm	14/07/91		Huyện Đoan Hùng		1	101	1.25	6.00	2.50	9.75	10.00	
1430	THV.A01900	Hà Thị Liên	13/05/91	Nữ	Huyện Trấn Yên	01	1	402	2.25	5.00	2.50	9.75	10.00	
1431	THV.A01901	Ngô Thị Liên	01/11/91	Nữ	Huyện Trấn Yên		1	403	2.50	6.00	4.50	13.00	13.00	
1432	THV.A01902	Hồ Thị Liên	12/09/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	102	2.50	4.50	3.00	10.00	10.00	
1433	THV.A01903	Phạm Thị Hồng Liên	10/08/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	101	5.25	9.50	5.00	19.75	20.00	
1434	THV.A01904	Phạm Thị Liên	12/07/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	402	2.00	4.00	3.50	9.50	9.50	
1435	THV.A01906	Trần Thị Kim Liên	19/05/91	Nữ	Thị xã Tuyên Quang		1	403	3.25	4.75	3.50	11.50	11.50	
1436	THV.A01907	Lưu Thị Liên	16/02/88	Nữ	Huyện Xin Mân	01	1	904	1.25	5.00	2.50	8.75	9.00	
1437	THV.A01908	Nguyễn Hồng Liên	28/08/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		0.25	2.25	3.50	6.00	6.00	
1438	THV.A01911	Trần Thị Thuý Liên	23/04/91	Nữ	Huyện Lục Yên		1	403	2.25	4.25	3.00	9.50	9.50	
1439	THV.A01912	Nguyễn Thị Thuý Liên	04/09/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	402	0.25	3.00	2.50	5.75	6.00	
1440	THV.A01913	Hứa Thị Ngọc Liên	10/12/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	904	1.25	5.50	1.25	8.00	8.00	
1441	THV.A01914	Vũ Mỹ Bích Liên	22/12/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	403	3.25	3.50	3.25	10.00	10.00	
1442	THV.A01915	Nguyễn Quỳnh Liên	30/07/91	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	403	3.25	5.50	4.25	13.00	13.00	
1443	THV.A01917	Đặng Thị Bích Liên	13/06/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	0.25	3.00	2.00	5.25	5.50	
1444	THV.A01918	Nguyễn Thị Kim Liên	16/08/90	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	101	2.75	6.75	3.50	13.00	13.00	
1445	THV.A01919	Lương Thị Kim Liên	14/03/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	402	1.25	5.00	2.50	8.75	9.00	
1446	THV.A01920	Nguyễn Thị Kim Liên	20/08/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1		5.00	5.50	2.75	13.25	13.50	
1447	THV.A01921	Phạm Thị Hồng Liên	07/10/90	Nữ	Huyện Tam Nông		1	403	2.50	3.00	2.50	8.00	8.00	
1448	THV.A01922	Nguyễn Thị Liên	20/04/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1		3.00	4.25	2.25	9.50	9.50	
1449	THV.A01923	Nguyễn Thị Liên	22/04/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	403	2.75	5.75	3.25	11.75	12.00	
1450	THV.A01924	Trương Thị Liên	29/10/91	Nữ	Huyện Ba Vì		2NT	101	3.50	6.50	2.75	12.75	13.00	
1451	THV.A01925	Trần Thị Bích Liên	10/11/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	0.75	3.75	2.50	7.00	7.00	
1452	THV.A01926	Đình Thị Liên	10/03/91	Nữ	Huyện Hải Hậu		2NT	403	2.75	4.25	2.50	9.50	9.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1453	THV.A01928	Trần Thị Liên	15/08/90	Nữ	Huyện Tam Đảo		1	904	2.75	5.50	2.25	10.50	10.50	
1454	THV.A01930	Phan Thị Bích	15/10/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	2.50	4.00	2.00	8.50	8.50	
1455	THV.A01931	Bùi Thị	18/04/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT		1.00	2.50	2.50	6.00	6.00	
1456	THV.A01932	Đỗ Thị	07/05/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	402	4.00	4.00	2.25	10.25	10.50	
1457	THV.A01933	Nguyễn Thị	20/11/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT		1.50	3.50	3.00	8.00	8.00	
1458	THV.A01934	Nguyễn Thị Bích	07/11/90	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	403	2.50	3.75	1.50	7.75	8.00	
1459	THV.A01937	Đinh Thị Cẩm	11/08/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	1.00	3.75	2.00	6.75	7.00	
1460	THV.A01939	Đặng Thị	10/10/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	402	1.00	4.75	2.50	8.25	8.50	
1461	THV.A01940	Trương Thị Thuý	01/10/91	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	403	1.00	2.50	3.00	6.50	6.50	
1462	THV.A01942	Lý Thị	02/10/92	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1	904	2.75	4.00	2.75	9.50	9.50	
1463	THV.A01944	Khổng Thị	26/11/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	401	2.75	6.00	3.50	12.25	12.50	
1464	THV.A01945	Nguyễn Thị Kim	14/12/89	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	304	0.75	2.75	1.25	4.75	5.00	
1465	THV.A01946	Lương Thị Thanh	20/06/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	403	1.75	4.50	2.75	9.00	9.00	
1466	THV.A01947	Khuất Thị Thuý	04/03/90	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	403	0.50	4.25	3.25	8.00	8.00	
1467	THV.A01948	Đào Thị	15/03/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	402	2.75	4.75	3.50	11.00	11.00	
1468	THV.A01951	Phạm Thị Nhất	15/11/91	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	102	4.75	7.25	2.50	14.50	14.50	
1469	THV.A01952	Nguyễn Thị Thùy	28/09/91	Nữ	Huyện Ba Vì		2NT	403	5.00	4.75	3.50	13.25	13.50	
1470	THV.A01953	Vũ Nhật	10/12/91	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	403	1.00	3.50	1.25	5.75	6.00	
1471	THV.A01955	Trần Thị Nhật	28/09/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	904	1.25	4.25	2.50	8.00	8.00	
1472	THV.A01958	Nguyễn Thị Hà	03/11/91	Nữ	Huyện Hàm Yên	01	1	403	0.25	2.50	2.25	5.00	5.00	
1473	THV.A01963	Lê Thị Thuý	25/07/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	2.50	5.00	3.50	11.00	11.00	
1474	THV.A01964	Khổng Thị Thuý	24/10/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	904	2.00	5.25	2.25	9.50	9.50	
1475	THV.A01965	Tạ Thuý	16/10/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	0.00	2.75	2.75	5.50	5.50	
1476	THV.A01966	Hồ Diệu	01/09/90	Nữ	Huyện Trán Yên		1	904	1.00	4.00	2.25	7.25	7.50	
1477	THV.A01967	Nguyễn Thị Khánh	07/01/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	101	3.00	6.50	2.00	11.50	11.50	
1478	THV.A01970	Nguyễn Tuấn	19/10/91		TP. Việt Trì		2	403	1.25	4.00	2.50	7.75	8.00	
1479	THV.A01971	Bùi Trang	12/09/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	5.50			5.50	5.50	
1480	THV.A01974	Nguyễn Thị Thuý	01/01/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2	103	1.50	4.25	2.50	8.25	8.50	
1481	THV.A01975	Nguyễn Thị	19/02/91	Nữ	Huyện Trán Yên		1	101	1.00	4.25	3.50	8.75	9.00	
1482	THV.A01976	Nguyễn Mạnh	08/04/91		Huyện Đoan Hùng		1	403	1.50	4.00	2.50	8.00	8.00	
1483	THV.A01977	Trần Thuý	05/02/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng	01	1	403	2.50	6.50	2.50	11.50	11.50	
1484	THV.A01979	Nguyễn Văn	01/07/91		TP. Việt Trì		2	402	1.00	3.75	2.75	7.50	7.50	
1485	THV.A01980	Hà Khánh	02/10/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	103	1.25	2.75	3.50	7.50	7.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1486	THV.A01981	Trần Mai	Linh	27/07/91	Nữ	Huyện Trấn Yên	03	1	304	1.00	3.50	2.00	6.50	6.50	
1487	THV.A01982	Ngô Thị Thuỳ	Linh	06/03/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	402	1.50	3.50	2.25	7.25	7.50	
1488	THV.A01984	Nguyễn Duy	Linh	08/11/91		Huyện Văn Chấn		1	402	1.00	3.00	2.25	6.25	6.50	
1489	THV.A01985	Đình Tuấn	Linh	22/01/91		Huyện Thanh Ba		2	402	3.00	5.25	3.50	11.75	12.00	
1490	THV.A01986	Phạm Thị Thuỳ	Linh	02/06/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ	03	2	402	2.75	5.25	3.75	11.75	12.00	
1491	THV.A01989	Trần Tuấn	Linh	22/07/90		Huyện Đoan Hùng		1	403	3.75	4.00	2.50	10.25	10.50	
1492	THV.A01990	Vũ Mạnh	Linh	22/08/91		Huyện Thanh Ba		2	101	3.25	5.50	2.50	11.25	11.50	
1493	THV.A01991	Nguyễn Kiều	Linh	12/02/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	402	1.00	3.50	2.50	7.00	7.00	
1494	THV.A01993	Đỗ Thị Thuỳ	Linh	23/09/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	2.75	4.75	3.25	10.75	11.00	
1495	THV.A01994	Đình Thuỳ	Linh	28/11/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		3.50	5.50	3.00	12.00	12.00	
1496	THV.A01995	Nguyễn Mạnh	Linh	03/03/91		Thị xã Phú Thọ		2	403	2.50	3.25	2.25	8.00	8.00	
1497	THV.A01996	Hà Thị Thùy	Linh	10/10/91	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	402	1.00	3.50	2.00	6.50	6.50	
1498	THV.A01997	Nguyễn Tuấn	Linh	24/09/91		Huyện Lâm Thao		2NT	403	2.50	4.50	3.00	10.00	10.00	
1499	THV.A02000	Đặng Xuân	Linh	27/11/91		Huyện Lâm Thao		1	103	2.00	4.75	3.50	10.25	10.50	
1500	THV.A02002	Nguyễn Tuấn	Linh	15/11/90		Huyện Thanh Ba		1	402	3.00	4.75	1.50	9.25	9.50	
1501	THV.A02003	Nguyễn Thuỳ	Linh	20/07/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1		2.50	5.50	3.50	11.50	11.50	
1502	THV.A02006	Nguyễn Thị	Linh	23/11/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1		1.25	4.25	2.25	7.75	8.00	
1503	THV.A02008	Nguyễn Ngọc	Linh	29/07/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	402	1.75	3.00	2.75	7.50	7.50	
1504	THV.A02009	Hà Tuấn	Linh	19/03/91		Huyện Tam Nông		1	403	1.75	3.50	2.50	7.75	8.00	
1505	THV.A02010	Lê Hoàng	Linh	06/02/91		TP. Việt Trì		2	103	1.00	4.50	2.00	7.50	7.50	
1506	THV.A02012	Bùi Văn	Linh	30/06/91		TP. Việt Trì		2	401	1.00	3.50	2.25	6.75	7.00	
1507	THV.A02013	Lưu Diệu	Linh	27/12/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	402	4.75	5.50	4.25	14.50	14.50	
1508	THV.A02014	Nguyễn Ngọc	Linh	17/12/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	904	2.00	3.25	2.25	7.50	7.50	
1509	THV.A02015	Nguyễn Văn	Linh	30/11/91		Thị xã Phú Thọ		1	103	2.50	4.50	3.50	10.50	10.50	
1510	THV.A02016	Nguyễn Thị	Linh	28/08/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		1		0.50	3.50	1.50	5.50	5.50	
1511	THV.A02017	Hà Thị Thuỳ	Linh	05/10/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	904	2.75	4.75	3.00	10.50	10.50	
1512	THV.A02018	Lê Tuấn	Linh	21/08/91		TP. Việt Trì		2	402	2.00	4.50	1.50	8.00	8.00	
1513	THV.A02019	Nguyễn Ngọc	Linh	13/06/91		Huyện Lập Thạch		1	402	4.50	4.00	2.50	11.00	11.00	
1514	THV.A02021	Lê Thị Tuyết	Linh	02/02/91	Nữ	TP. Việt Trì		2NT	103	2.50	6.50	6.75	15.75	16.00	
1515	THV.A02024	Ngô Văn	Linh	09/02/90		Huyện Lâm Thao		2NT	401	1.50	2.75	1.50	5.75	6.00	
1516	THV.A02025	Đỗ Thùy	Linh	20/01/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	402	2.00	2.50	2.25	6.75	7.00	
1517	THV.A02026	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	11/04/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	904	0.00	2.50	2.50	5.00	5.00	
1518	THV.A02027	Từ Văn	Linh	24/10/90		Huyện Tam Nông		1	403	0.25	2.75	1.50	4.50	4.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1519	THV.A02028	Sa Thị Khánh	Linh	22/09/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1		2.25	4.50	2.75	9.50	9.50	
1520	THV.A02029	Lê Văn	Linh	09/11/91		Huyện Phù Ninh		1	402	3.50	5.50	2.50	11.50	11.50	
1521	THV.A02030	Vũ Việt	Linh	20/04/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	103	2.00	3.25	1.50	6.75	7.00	
1522	THV.A02034	Hoàng Tuấn	Linh	27/10/91		Huyện Lập Thạch		1	403	3.25	4.75	3.00	11.00	11.00	
1523	THV.A02035	Nguyễn Thị Hồng	Linh	02/01/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	102	2.00	3.50	2.25	7.75	8.00	
1524	THV.A02038	Nguyễn Thùy	Linh	14/12/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	103	1.75	3.50	2.50	7.75	8.00	
1525	THV.A02039	Trần Thùy	Linh	30/06/91	Nữ	Thành phố Vĩnh Yên		2NT	403	1.25	3.00	2.00	6.25	6.50	
1526	THV.A02040	Vũ Thị	Linh	21/11/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	402	3.00	7.00	3.25	13.25	13.50	
1527	THV.A02041	Trần Thị	Linh	20/06/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	401	3.00	4.50	2.25	9.75	10.00	
1528	THV.A02042	Nguyễn Thị	Lịch	20/01/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	102	3.00	5.50	2.75	11.25	11.50	
1529	THV.A02043	Phạm Thị	Lịch	03/11/91	Nữ	Huyện Trấn Yên	01	1	402	1.50	4.50	2.50	8.50	8.50	
1530	THV.A02044	Nguyễn Thanh	Lịch	20/08/88		Huyện Thanh Sơn		1	101	5.50	7.25	3.50	16.25	16.50	
1531	THV.A02045	Lục Thị	Loan	17/06/90	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1	403	0.75	3.50	3.00	7.25	7.50	
1532	THV.A02046	Nguyễn Thị	Loan	30/08/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	403	2.00	4.50	2.50	9.00	9.00	
1533	THV.A02047	Nguyễn Thị	Loan	04/11/88	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	103	0.00	3.25	2.75	6.00	6.00	
1534	THV.A02049	Nguyễn Thị Bích	Loan	11/10/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	402	4.75	8.00	4.25	17.00	17.00	
1535	THV.A02050	Hoàng Thị Tố	Loan	18/07/91	Nữ	Huyện Yên Bình		1		1.00	3.50	2.50	7.00	7.00	
1536	THV.A02051	Hoàng Thị Thanh	Loan	06/12/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2		4.75	5.50	2.50	12.75	13.00	
1537	THV.A02052	Lê Thị	Loan	28/10/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	403	0.75	2.25	2.25	5.25	5.50	
1538	THV.A02053	Vũ Thị	Loan	08/06/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	904	0.50	2.75	3.50	6.75	7.00	
1539	THV.A02055	Nguyễn Thị	Loan	11/02/89	Nữ	Huyện Vị Xuyên	01	1		0.50	2.25	2.75	5.50	5.50	
1540	THV.A02057	Nguyễn Thị Thanh	Loan	26/11/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		2.00	5.25	2.75	10.00	10.00	
1541	THV.A02058	Phan Thị Thanh	Loan	06/08/91	Nữ	Huyện Trấn Yên		1	304	1.25	3.50	2.25	7.00	7.00	
1542	THV.A02059	Vũ Thanh	Loan	20/11/90	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	904	1.00	2.50	2.25	5.75	6.00	
1543	THV.A02060	Bùi Thị Bích	Loan	26/03/91	Nữ	Thị xã Tuyên Quang	01	1	402	0.25	1.50	2.50	4.25	4.50	
1544	THV.A02061	Trần Thu	Loan	10/06/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	2.75	3.75	2.50	9.00	9.00	
1545	THV.A02062	Nguyễn Thị	Loan	28/02/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	904	1.25	2.50	2.50	6.25	6.50	
1546	THV.A02063	Nguyễn Thị Kiều	Loan	20/02/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	403	3.25	5.75	1.25	10.25	10.50	
1547	THV.A02064	Nguyễn Thị	Loan	08/08/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		2.00	3.50	1.00	6.50	6.50	
1548	THV.A02065	Hà Thị Thanh	Loan	10/09/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	401	2.00	4.00	3.25	9.25	9.50	
1549	THV.A02066	Nguyễn Thị	Loan	09/09/91	Nữ	Huyện Yên Lập		1	403	2.00	3.00	2.50	7.50	7.50	
1550	THV.A02067	Nguyễn Thị	Loan	09/07/89	Nữ	Huyện Yên Lập		1	402	0.75	2.00	2.50	5.25	5.50	
1551	THV.A02068	Phạm Thị Mai	Loan	27/01/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	403	0.50	2.50	2.50	5.50	5.50	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1552	THV.A02069	Nguyễn Thị Loan	20/04/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	101	1.75	4.00	1.25	7.00	7.00	
1553	THV.A02070	Trần Thị Thanh Loan	19/01/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2	402	4.25	5.00	3.50	12.75	13.00	
1554	THV.A02071	Vũ Thị Hồng Loan	11/03/91	Nữ	Huyện Tân Sơn		1		2.00	5.75	3.75	11.50	11.50	
1555	THV.A02072	Nguyễn Thị Thanh Loan	27/10/90	Nữ	Huyện Hạ Hoà		2	403	1.00	2.75	2.50	6.25	6.50	
1556	THV.A02073	Nguyễn Thị Diệu Loan	11/11/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1	403	3.00	4.25	3.00	10.25	10.50	
1557	THV.A02074	Nguyễn Thị Thanh Loan	24/01/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	402	1.00	4.25	2.00	7.25	7.50	
1558	THV.A02075	Đàm Thị Loan	29/03/91	Nữ	Huyện Lâm Thao	06	2NT	403	3.25	3.00	2.50	8.75	9.00	
1559	THV.A02076	Đại Thị Loan	20/01/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	904	2.25	5.25	1.50	9.00	9.00	
1560	THV.A02077	Bùi Thị Mai Loan	02/02/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	904	3.25	5.75	2.50	11.50	11.50	
1561	THV.A02079	Đình Thị Loan	08/05/90	Nữ	Huyện Yên Thủy	01	1	102	2.00	3.00	3.25	8.25	8.50	
1562	THV.A02080	Đoàn Thị Loan	05/01/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	101	4.25	5.25	2.50	12.00	12.00	
1563	THV.A02081	Hà Thị Loan	25/11/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	102	1.75	5.25	1.75	8.75	9.00	
1564	THV.A02082	Nguyễn Thị Loan	19/03/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	402	2.50	4.25	2.50	9.25	9.50	
1565	THV.A02083	Bùi Thị Loan	09/06/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	401	2.00	3.75	3.75	9.50	9.50	
1566	THV.A02084	Nguyễn Thị Loan	04/06/88	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	401	1.25	0.75	2.50	4.50	4.50	
1567	THV.A02085	Hà Thị Phương Loan	19/02/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1	403	0.25	3.75	2.50	6.50	6.50	
1568	THV.A02086	Nguyễn Thị Thanh Loan	19/11/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	403	4.00	2.75	3.00	9.75	10.00	
1569	THV.A02087	Hoàng Thị Thanh Loan	18/06/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	103	4.75	5.00	4.75	14.50	14.50	
1570	THV.A02089	Nguyễn Văn Long	16/09/91		Huyện Lập Thạch		1	403	2.00	3.50	3.25	8.75	9.00	
1571	THV.A02090	Phạm Thành Long	19/05/90		Huyện Trấn Yên		1	103	2.50	2.50	2.50	7.50	7.50	
1572	THV.A02091	Nguyễn Văn Long	02/09/91		Huyện Lâm Thao		2NT		1.50	2.75	2.50	6.75	7.00	
1573	THV.A02094	Lại Việt Long	23/02/91		Huyện Tam Nông		1		1.50	2.25	1.75	5.50	5.50	
1574	THV.A02096	Đặng Thế Long	06/11/88		Huyện Thanh Sơn		1	102	2.00	4.25	2.00	8.25	8.50	
1575	THV.A02097	Phạm Tân Long	30/03/91		TP. Việt Trì		2		0.25	2.00	2.50	4.75	5.00	
1576	THV.A02098	Hoàng Mạnh Long	01/09/91		Huyện Thanh Sơn		1	403	1.00	3.50	2.25	6.75	7.00	
1577	THV.A02099	Dương Quang Long	11/05/91		TP. Việt Trì		2	401	4.00	8.00	3.50	15.50	15.50	
1578	THV.A02100	Nguyễn Thành Long	05/05/91		Huyện Tam Nông	06	1		0.75	3.50	2.25	6.50	6.50	
1579	THV.A02101	Phan Kim Long	20/05/91		Huyện Yên Lạc		2NT	101	2.75	3.00	2.25	8.00	8.00	
1580	THV.A02102	Nguyễn Tuấn Long	03/05/91		Huyện Bình Xuyên		2NT		2.50	3.50	3.25	9.25	9.50	
1581	THV.A02103	Nguyễn Hoàng Long	02/04/91		Huyện Yên Lạc		2NT	306	0.25	2.75	3.50	6.50	6.50	
1582	THV.A02104	Trần Thanh Long	05/10/91		Huyện Tam Đảo		1	401	3.75	7.50	4.00	15.25	15.50	
1583	THV.A02105	Phạm Thế Lộc	14/12/91		Huyện Cẩm Khê		2NT	403	5.50	7.50	4.25	17.25	17.50	
1584	THV.A02108	Nguyễn An Lộc	20/02/89		Huyện Trấn Yên		1	103	2.50	7.00	2.75	12.25	12.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1585	THV.A02109	Nguyễn Đức	Lộc	17/05/90		Huyện Cẩm Khê		1	403	1.50	4.00	2.75	8.25	8.50	
1586	THV.A02110	Quách Văn	Lộc	02/09/91		Huyện Lâm Thao		2NT	402	2.50	4.75	3.75	11.00	11.00	
1587	THV.A02111	Đào Lê	Lợi	18/07/91		TP. Việt Trì		1	401	1.50	4.00	1.50	7.00	7.00	
1588	THV.A02112	Nịnh Thị	Lợi	06/08/91	Nữ	Huyện Sơn Dương	01	1	403	1.25	3.50	2.50	7.25	7.50	
1589	THV.A02113	Nguyễn Thị	Lợi	30/05/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		2	904	3.50	4.25	2.75	10.50	10.50	
1590	THV.A02114	Nguyễn Ngọc	Lợi	10/04/91		Huyện Lâm Thao		1		0.75	2.00	2.25	5.00	5.00	
1591	THV.A02115	Vũ Công	Lợi	15/08/90		Huyện Lập Thạch		1		1.50	3.00	2.00	6.50	6.50	
1592	THV.A02116	Nguyễn Văn	Lợi	21/02/91		Huyện Tam Dương		2NT	403	1.75	3.00	3.00	7.75	8.00	
1593	THV.A02117	Nguyễn Khắc	Lợi	13/01/91		Huyện Cẩm Khê		1	401	3.25	5.25	3.00	11.50	11.50	
1594	THV.A02118	Đào Xuân	Lợi	12/08/91		TP. Việt Trì	06	1	401	1.25	4.75	1.50	7.50	7.50	
1595	THV.A02119	Nguyễn Văn	Lợi	07/03/91		TP. Việt Trì	06	2	103	2.25	4.25	3.25	9.75	10.00	
1596	THV.A02120	Lê Thành	Luân	12/09/88		TP. Việt Trì	03	1	402	1.25	2.75	2.75	6.75	7.00	
1597	THV.A02121	Nguyễn Thành	Luân	26/11/91		Thị xã Phú Thọ		1	403	1.25	2.00	3.00	6.25	6.50	
1598	THV.A02123	Nguyễn Văn	Luân	06/04/91		Huyện Bắc Quang	01	1	103	1.00	3.25	2.75	7.00	7.00	
1599	THV.A02125	Bùi Thị Kim	Luân	04/11/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	401	2.25	3.50	3.25	9.00	9.00	
1600	THV.A02126	Dương Đình	Luân	12/06/91		Thành phố Lào Cai		1	402	1.50	5.50	2.00	9.00	9.00	
1601	THV.A02128	Trần Thị	Luận	25/05/91	Nữ	Thành phố Vĩnh Yên		2	403	1.50	2.00	2.50	6.00	6.00	
1602	THV.A02129	Đào Thị	Luận	08/12/90	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	101	3.50	4.25	2.75	10.50	10.50	
1603	THV.A02130	Nguyễn Thị	Luận	25/07/90	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	3.00	3.25	2.00	8.25	8.50	
1604	THV.A02131	Nguyễn Thị	Luận	06/11/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	402	4.25	3.25	2.25	9.75	10.00	
1605	THV.A02132	Đỗ Thị	Luận	07/12/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	103	1.75	4.50	3.00	9.25	9.50	
1606	THV.A02133	Lại Thành	Luận	02/01/91		Huyện Văn Yên		1	103	1.25	4.25	3.25	8.75	9.00	
1607	THV.A02134	Nguyễn Thị	Luật	04/10/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	403	3.25	5.00	2.50	10.75	11.00	
1608	THV.A02136	Nguyễn Thị Lưu	Luyến	30/05/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		1		1.25	4.00	3.25	8.50	8.50	
1609	THV.A02137	Đình Thị Hồng	Luyến	12/02/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	401	2.25	3.50	4.00	9.75	10.00	
1610	THV.A02138	Khổng Thị	Luyến	24/03/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	402	6.25	6.50	4.50	17.25	17.50	
1611	THV.A02141	Vương Thị	Luỹ	10/06/90	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	904	1.00	4.50	2.25	7.75	8.00	
1612	THV.A02142	Phùng Thị	Lựa	21/10/91	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	101	2.50	4.50	2.50	9.50	9.50	
1613	THV.A02143	Hà Thị	Lựa	27/01/91	Nữ	Huyện Mai Châu	01	1	904	0.25	2.50	2.50	5.25	5.50	
1614	THV.A02144	Nguyễn Thị	Lựa	11/07/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	402	0.50	3.75	1.50	5.75	6.00	
1615	THV.A02146	Hà Thị	Lương	20/12/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	2.00	3.25	2.75	8.00	8.00	
1616	THV.A02147	Đào Minh	Lương	12/03/91		Huyện Bình Xuyên		2NT	401	2.50	4.75	3.75	11.00	11.00	
1617	THV.A02148	Vì Thị Hồng	Lương	09/11/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	904	1.00	3.50	4.00	8.50	8.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1618	THV.A02149	Nguyễn Thị	Lương	13/09/89	Nữ	Huyện Thạch Thất	01	1	401	1.00	5.25	4.00	10.25	10.50	
1619	THV.A02150	Phạm Thị Kim	Lương	05/11/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	403	3.00	5.50	2.50	11.00	11.00	
1620	THV.A02151	Lương Thị	Lương	25/07/91	Nữ	Huyện Tam Đảo	01	1	904	1.50	4.00	2.00	7.50	7.50	
1621	THV.A02152	Nguyễn Trọng	Lương	02/07/91		Huyện Thanh Ba		1	403	1.25	5.00	2.50	8.75	9.00	
1622	THV.A02153	Phùng Văn	Lương	18/02/89		Huyện Thanh Ba		1	101	0.25	2.50	2.50	5.25	5.50	
1623	THV.A02157	Hoàng Văn	Lừng	17/02/89		Huyện Bảo Yên	01	1	101	1.00	4.00	2.50	7.50	7.50	
1624	THV.A02158	Tần Thị	Lự	15/04/91	Nữ	Huyện Quang Bình	01	1	402	2.00	5.50	2.75	10.25	10.50	
1625	THV.A02162	Nguyễn Thị	Lựu	25/04/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	1.25	4.00	4.25	9.50	9.50	
1626	THV.A02163	Nguyễn Thị	Lựu	15/01/90	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1	403	0.25	2.50	2.25	5.00	5.00	
1627	THV.A02164	Phạm Thị	Lựu	08/09/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	904	2.25	6.00	2.25	10.50	10.50	
1628	THV.A02165	Dương Thị Ngọc	Ly	02/07/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	4.00	6.50	2.50	13.00	13.00	
1629	THV.A02166	Phan Hà	Ly	20/11/90	Nữ	Huyện Trấn Yên		1		1.50	5.25	2.50	9.25	9.50	
1630	THV.A02167	Ma Thị	Ly	10/08/91	Nữ	Huyện Na Hang	01	1	904	2.00	2.00	2.25	6.25	6.50	
1631	THV.A02168	Nguyễn Thị Kiều	Ly	11/03/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	1.75	3.75	3.50	9.00	9.00	
1632	THV.A02170	Đình Thị Diệu	Ly	29/06/87	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		1.25	5.50	2.50	9.25	9.50	
1633	THV.A02171	Nguyễn Khánh	Ly	14/06/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1		0.50	3.75	2.50	6.75	7.00	
1634	THV.A02172	Phùng Thị Cam	Ly	26/09/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1	401	1.25	3.50	1.25	6.00	6.00	
1635	THV.A02173	Đặng Trang	Ly	19/07/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	1.75	4.00	3.00	8.75	9.00	
1636	THV.A02174	Phạm Mai	Ly	30/10/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	402	0.50	2.00	2.00	4.50	4.50	
1637	THV.A02175	Nguyễn Thị	Ly	17/10/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	101	2.25	4.00	3.25	9.50	9.50	
1638	THV.A02176	Nguyễn Hải	Ly	24/04/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	403	0.50	6.25	3.00	9.75	10.00	
1639	THV.A02177	Ngô Thị Khánh	Ly	22/07/90	Nữ	Huyện Quỳ Hợp		1	403	1.75	3.00	3.50	8.25	8.50	
1640	THV.A02178	Lại Thị Lưu	Ly	03/01/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	402	0.75	2.25	2.50	5.50	5.50	
1641	THV.A02179	Phạm Thị	Lý	29/07/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	401	2.00	2.25	3.50	7.75	8.00	
1642	THV.A02180	Cần Thị	Lý	06/10/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	904	1.00	2.50	2.75	6.25	6.50	
1643	THV.A02181	Bùi Thị	Lý	28/03/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	402	2.75	5.25	2.50	10.50	10.50	
1644	THV.A02182	Hoàng Thị Ngọc	Lý	02/08/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	2.25	5.50	4.50	12.25	12.50	
1645	THV.A02184	Phùng Thị	Lý	11/11/91	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	904	0.50	2.25	2.75	5.50	5.50	
1646	THV.A02185	Phùng Thị	Lý	01/10/91	Nữ	Huyện Sơn Dương		1	402	3.25	4.00	2.25	9.50	9.50	
1647	THV.A02186	Bùi Thị	Lý	01/10/90	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	4.75	6.00	3.00	13.75	14.00	
1648	THV.A02187	Trần Đại	Lý	27/05/91		Thị xã Phú Thọ		2	305	0.50	2.50	2.50	5.50	5.50	
1649	THV.A02188	Bùi Thị Minh	Lý	06/11/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		0.25	3.75	1.75	5.75	6.00	
1650	THV.A02189	Trần Ngọc	Lý	20/11/91		Huyện Lập Thạch		1	904	0.50	3.75	2.50	6.75	7.00	